

15 THÁNG 5 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười ba

VIỆT PHƯƠNG diễn biến của cuộc tranh chấp Nga-Hoa trong 10 năm vừa qua * LAN ĐÌNH người Thượng đọc theo dãy Trường sơn * PHẠM VIỆT CHÂU Thái-lan tự thích ứng để sinh tồn * NGUYỄN HIẾN LÊ nhà văn nổi danh trong giai đoạn trưởng thành của văn học Trung-quốc hiện-dại : Mao Thuần * TRẦN THIÊN sách thời đại * NGUYỄN VĂN VÂN hội-thảo khoa-học : vấn đề dầu hỏa ở miền Nam Việt-nam * LÊ HƯƠNG sự cầu kết giữa Trung-cộng với Hoa-kiều ở Cao-miên và Việt-nam • HOÀNG NGỌC TUẤN ở một nơi ai cũng quen nhau • VŨ HOÀNG CHƯƠNG nói với em * TƯỜNG LINH liên khúc xuân tình * LÊ BÁ LĂNG quanh quần đêm ngày • PHƯƠNG HOA SỬ về khơi • TRẦN LƯƠNG NGỌC sự ra đi của De Gaulle • TRẦN THIÊN thời sự văn nghệ •

297





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



Diễn biến của : **cuộc tranh chấp Nga-Hoa** **trong 10 năm vừa qua**

● VIỆT-PHƯƠNG

Lần trước trong một bài nói về cuộc tranh chấp biên - giới Nga - Hoa (1), chúng tôi đã nói trừ phi có những sự kiện phi thường xảy ra khiến cho cuộc xung đột này có thể biến thành một cuộc chiến tranh Nga-Hoa, hai nước Cộng-sản khổng lồ sẽ không có lợi gì để đưa đến một cuộc khủng hoảng trầm trọng hơn có thể làm tan vỡ khối Cộng-sản.

Tới nay cuộc tranh chấp này đã lắng dịu cả về phía Nga-sô lẫn phía Trung-cộng sau ba lần xô sát đẫm máu. Nay đã đến thời-kỳ sông Oussouri tan băng giá. Đảo Trân Bảo — Damansky biến thành một vũng bùn lớn khiến cho mọi cuộc hành quân đều phải đình chỉ.

Về phía Nga, sau khi hội-ng nghị của khối Varsovie họp ở Budapest ngày 17-3, các nước Cộng-sản Đông-Au, nhất là Lỗ không tỏ ra vẻ sốt sắng ủng-hộ Nga trong cuộc tranh chấp với Bắc-kinh, có lẽ Nga thấy cần phải thay đổi chiến lược nếu muốn được hoan nghênh tại đại hội các đảng Cộng-sản sẽ được triệu tập nay mai ở Moscou. Một hội nghị trừ bị cho đại hội này đã được triệu tập ở Moscou từ ngày 17 đến 22-3 và đã cho Nga biết qua về thái độ của các đảng Cộng-sản đối với cuộc tranh chấp Nga-Hoa. Từ một tháng nay các nhà lãnh đạo Nga, qua báo chí và đài phát thanh, đã hết sức thỏa mạ

chế độ của Mao-trạch-Đông để đối đáp với những lời chửi rủa của người anh. em thù nghịch từ bên kia ném sang. Cuộc cãi vã, chửi rủa đó cố nhiên không làm đẹp lòng các đồng chí khác.

Bởi vậy nên Nga muốn chấm dứt đề khởi mang tiếng là khiêu khích, hiếu chiến. Trong một bản tuyên bố trao cho tòa Đại-sứ Trung-cộng ở Moscou ngày 29-3-1969, chính phủ Sô-viết đã đề-nghị 2 bên Trung-Sô nối tiếp lại những cuộc đàm phán về biên-giới đã bị gián đoạn từ năm 1964 và yêu cầu phía Trung-Cộng đừng có những hành động gì làm cho tình hình thêm rắc rối. Bản tuyên bố đó còn nói là Liên-xô cương quyết bảo vệ biên giới của mình sẽ chống trả bất cứ ai xâm phạm.

Bản tuyên bố giọng ôn-hòa hơn, đề mở một cánh cửa cho các cuộc đàm phán là có ý trút trách nhiệm của những cuộc rắc rối sau này cho Trung-cộng.

Nhưng dư luận báo chí thì vẫn không ngớt công kích, báo Pravda ngày 30-3 vẫn buộc tội bè lũ Mao-trạch-Đông đã theo vết chân của kẻ thù của chủ-nghĩa xã hội bằng cách đả kích Liên-xô là lực lượng chính chống đế-quốc chủ-nghĩa.

Nhưng bè lũ Mao-trạch-Đông đã thắng lớn ở Trung-quốc Đại-hội thứ 9

(1) Xin xem B K. TĐ. số 294 ngày 1-4-1969.

của đảng Cộng-sản Trung-quốc từng bùng khai mạc ngày thứ hai 31-3 và cho tới nay vẫn còn tiếp tục, có tất cả hơn 1500 đại biểu từ khắp nơi ở Trung-quốc về dự. Từ khi Trung-cộng bá chiếm lục địa, lần này là lần thứ 2 đảng Cộng-sản Trung-hoa họp đại-hội. Lần trước họp vào năm 1956-1958 đề ra « bước tiến nhảy vọt », « công xã nhân dân ». Rồi sau bao cuộc thanh trừng nhất là từ khi phát động cuộc đại cách-mạng văn-hóa vào giữa năm 1966, đến nay đã gần 12 năm, tình thế đã tạm ổn định, phe Mao đã hoàn toàn thắng lợi, cuộc đại hội thứ 9 mới được triệu tập để củng cố thành phần lãnh đạo mới và đề ra những chương-trình hoạt động mới.

Có một điểm đặc biệt là lần này Lâm-Bưu đã được chỉ định là thừa-kế chính-thức của Mao - trạch - Đông, Chu-ân-Lai đứng hàng thứ 3, Trần-bá-Đạt đứng hàng thứ 4, bà Giang-Thanh đứng hàng thứ 6. Cả thủ-đô Bắc-kinh đã nhộn nhịp như trong một ngày đại-hội, người đi nườm nượp, pháo nổ tung bùng. Chế-độ Mao-trạch-đông có vẻ vững mạnh hơn bao giờ hết nắm chặt trong tay sự kiểm soát của toàn thể lục địa Trung-hoa trái với ước mong của các nhà cầm quyền Xô-viết. Bởi thế cho nên khi nói chuyện với các đồng chí Đông Âu và các giới Tây-phương, các nhà lãnh đạo Nga đã không dấu vẻ lo ngại đối với « hiểm họa vàng. » Hiểm họa vàng đây hiển nhiên là Trung-Cộng chứ không phải Nhật-bản. Mặc dầu nước này đã trở nên cường quốc kinh tế thứ 3 trên thế-giới, vừa mới vượt qua Tây-Đức.

Cuộc xích mích biên giới vừa qua, ta có thể giải thích về phía Trung-cộng, như là một hành động để kích thích

lòng yêu nước của nhân dân Trung-quốc và tố cáo bộ mặt đế quốc của Nga-sô làm cho những ai còn tin vào thiện chí của Nga sẽ mất hết tin tưởng và do đó sẽ giúp cho cuộc đấu tranh nội bộ được dễ dàng. Với cuộc đại-hội thứ 9 tiếp diễn thắng lợi, Trung-cộng thấy không cần phải đào sâu xích mích biên-giới làm cho cuộc xung đột vô trang thêm trầm-trọng đưa đến những kết quả khó thể lường được. Trung-Cộng chỉ cần một sự kích-thích tâm-lý để đẩy mạnh cuộc đấu tranh nội bộ. Nay Cuộc đấu tranh đó đã thắng lợi, Trung-cộng chỉ cần giữ cuộc đấu tranh chống Nga ở mức độ bình thường, tố cáo mưu toan đế-quốc của Nga trước dư-luận quốc-tế và các nước cộng sản khác để dành lấy phần thắng cho mình trong vai trò lãnh đạo. Cả 2 bên đều không có lợi gì để cho cuộc xung đột biên giới cứ thêm trầm trọng mãi lên. Vì lẽ đó mà những cuộc nổ súng ở vùng biên-giới đã chấm dứt mặc dầu cuộc tranh-chấp vẫn còn nguyên vẹn trên mọi lãnh vực : chính-trị, kinh-tế, quân sự và bao trùm lên trên là cuộc tranh chấp về ý-thức-hệ giữa hai bên.

Dưới đây chúng tôi xin phác lược những tranh chấp giữa hai nước không lồ cộng sản về các phương diện chính-trị, kinh-tế, quân-sự và về ý-thức-hệ để độc-giả có một ý-niệm tổng-quát về cuộc tranh chấp Nga-Hoa đã kéo dài từ 10 năm nay.

A) Về phương diện chính trị

Cuộc tranh chấp Nga-Hoa đã kéo dài dưới 2 thời đại: Thời đại : của Khrutchev và thời-đại của Brejnev — Kossygine.

Dưới thời Khrutchev cũng phải phân chia làm 2 thời-kỳ :

Thời kỳ thứ 1 từ 1953 (ngày Staline mất) cho tới 1961 là thời kỳ vàng son của cuộc giao-thiệp Nga-Hoa.

— Thời kỳ thứ 2 từ 1961 đến khi Khrutchev đổ là thời kỳ rạn vỡ cuộc tình duyên Nga Hoa.

Trong thời kỳ thứ nhất, ta có thể nói là chưa bao giờ cuộc giao thiệp Nga Hoa lại có thể tốt đẹp như vậy. Chính Khrutchev là người đã có những giao-thiệp thân ái nhất với Mao trước khi trở thành kẻ thù số 1 của Mao. Hồi sinh thời, Staline chỉ hứa xây-dựng cho Trung-cộng 40 nhà máy, khi Staline chết, các nhà lãnh đạo mới hứa giúp Trung-cộng xây dựng 140 nhà máy, nhiều hơn gấp 3 lần rưỡi. Để tỏ lòng kính trọng Mao, chính Khrutchev đã thân hành cầm đầu phái đoàn Xô viết sang dự lễ quốc-khánh lần thứ 5 của Trung-cộng ở Bắc-kinh. Hồi đó, mâu thuẫn giữa Malenkov và Khrutchev đang ở thời-kỳ ác-liệt. Malenkov hứa nâng cao mức sống của nhân Nga bằng cách chú trọng đến kỹ-nghệ sản xuất sản-phẩm tiêu-thụ, buộc các nước chư-hầu phải bán rẻ nguyên-liệu và phải mua các sản phẩm Nga theo giá thị-trường để đỡ bớt gánh nặng cho Nga.

Đề phá chính sách đó, khi đến Bắc-kinh Khrutchev đã tăng gia số nhà máy hứa xây dựng cho Trung-cộng từ 140 lên 156 và cho Trung-cộng vay 520 triệu rúp. Thành ra không những Trung-cộng không phải hy sinh để giúp cho dân Nga no đủ hơn mà chính dân Nga đã phải bóp bụng thêm một tí nữa để giúp Trung-cộng kiến-thiết. Chính Khrutchev đã đưa ra một lý-luận, rất được Mao tán thành : « Các nước xã-hội chủ-nghĩa phải tiến tới Cộng-sản chủ-nghĩa cùng một lúc. Nước đi trước phải hăm bớt tốc lực để giúp đỡ những nước đi sau ».

Khi Khrutchev vừa ở Bắc-kinh về, lập tức báo Pravda lên tiếng đả kích ngay những kẻ đã dành quyền ưu tiên cho những sản phẩm tiêu thụ. Kẻ bị nhằm không ai khác hơn là Malenkov. Chính Malenkov sau đó đã phải công khai nhìn nhận những lỗi lầm của mình trước Trung - ương Đảng và Xô-viết Tối-cao và phải xin từ chức. Kỹ-nghệ nặng lại được quyền ưu tiên và sản xuất những thứ mà Trung-cộng cần tới. Những người đã theo Khrutchev đi Bắc-kinh hồi tháng 10-1954 như Boulganine, Mikoyan, Chepilov, Bà Fourtseva đều có tên trong chính phủ mới. Boulganine đã tuyên bố, khi ông lên cầm quyền : « Trung-quốc có thể tin cậy trong bất cứ trường-hợp nào vào sự viện trợ của Liên-xô ».

Vì Khrutchev đã tỏ ra gần bó với Mao nên Mao cũng đã hết lòng giúp Khrutchev những lúc khó khăn. Tại đại-hội đảng Cộng-sản Liên-xô lần thứ 20 (cuối năm 1956), Khrutchev gặp nhiều khó khăn do những cuộc khởi nghĩa ở Ba-lan và Hung gây nên. Địa-vị của Khrutchev đã lung lay. Nhưng Mao đã gián tiếp giúp đỡ Khrutchev bằng cách cho báo chí bình luận về phong trào hạ bệ Staline. Nhân-dân Nhật-báo Bắc-kinh tỏ ý tiếc là phong trào đó đã đi quá xa, nhưng cho rằng Khrutchev đã có lý. Hồi đó Bắc-kinh ủng hộ Gomulka và khuyên Khrutchev nên can thiệp mạnh ở Hung Khrutchev đã làm theo ý-kiến đó và đã thành công. Địa-vị của Khrutchev lại được củng cố.

Năm 1957 trong cuộc hội-nghị các đảng Cộng-sản họp ở Moscou vào tháng 11. Mao đã đích thân cầm đầu phái đoàn Cộng sản Trung-hoa. Chính Mao đã bác bỏ

khẩu hiệu : « Phe xã-hội chủ-nghĩa do Liên-xô và Trung-quốc lãnh-đạo ». Ông đã thêm rằng : « Phe xã-hội chủ-nghĩa và phong trào cộng-sản phải có một lãnh đạo duy nhất. Đó là Liên-xô vì chỉ có Liên-xô với kinh-nghiệm và sức mạnh của mình mới có thể đảm nhận vai trò đó ».

Nhưng cũng bắt đầu từ ngày ấy, những mâu thuẫn bắt đầu xuất hiện.

Liên-xô đã là một cường quốc nguyên-tử và vừa thí nghiệm thành công chiếc Spoutnik đầu tiên. Liên-xô cũng đã có hỏa-tiên liên-lục-địa. Trung-cộng cũng muốn Liên-xô truyền bom nguyên-tử cho mình. Nhưng chủ yếu là muốn dùng cái bình phong sức mạnh của Liên-xô để xâm chiếm Đài-loan và thống nhất đất nước,

Tháng 8 1958, Trung-cộng sửa soạn ráo riết để đồ bộ Đài-loan, tin tưởng là thế nào Liên-xô cũng ủng hộ lập trường của mình. Nhưng Liên-xô đã không hưởng ứng vì không muốn chấp nhận sự rủi ro của một cuộc chiến tranh nguyên-tử để giải quyết một tranh chấp có tính cách địa-phương. Liên-xô không muốn Trung-cộng nấp sau sức mạnh nguyên-tử của mình để thực hành một chính sách phiêu lưu. Hồi đó Khrutchev đang sức tiến kế-hoạch sống chung hòa-bình với Hoa-kỳ nên đã không tán thành đường lối bạo động của Trung-cộng. Đối với khẩu hiệu tuyên-truyền của Trung-cộng hồi đó : « Để quốc Mỹ là một con cọp giấy, » tuyên truyền Nga-sô trả lời : « Đồng ý ! nhưng mà là một con cọp giấy có răng nguyên-tử ». Đó là điểm chia rẽ đầu tiên.

Tiếp theo là chính sách « tiến nhay

vọt » và « công-xã nhân-dân » mà Mao đề ra cốt để đốt cháy giai đoạn tiến lên cộng-sản chủ nghĩa. Cộng sản Nga không những không ủng hộ mà còn lên tiếng kịch liệt chỉ trích đường lối phiêu lưu đó mà họ cho là trái với chủ nghĩa Mác-Lênin. Mâu thuẫn mỗi ngày một lớn. Cuộc tranh chấp mỗi ngày một sâu rộng.

Nhưng phải đợi tới cuộc đại-hội cộng đảng Liên-xô lần thứ 22 (1961) mâu thuẫn mới bùng nổ một cách vang dội Khrutchev mở lại tập hồ sơ Staline và tố cáo những sai lầm của cộng đảng Albanie, nhưng thực ra là để ám chỉ Mao. Phái đoàn Trung-Cộng đã lên tiếng bênh vực Albanie và bỏ hội-nghị ra về.

Bắt đầu từ 1961, cuộc tranh chấp Nga-Hoa mỗi ngày một trầm trọng. Mao khai thác mọi khó khăn của Khrutchev như là vụ Cuba để tuyên truyền Liên-xô đã đầu hàng đế-quốc. Mao hy-vọng lôi kéo các nước Cộng sản và các Cộng đảng theo mình để lật đổ Khrutchev. Nhưng phần lớn các đảng Cộng sản vẫn còn trung thành với đường lối chung sống hòa bình của Nga. Khrutchev biết vậy nên đã dự định triệu tập một đại-hội cộng-sản thế-giới để lên án chủ-nghĩa Mao-trạch-Đông. Việc đó thực ra không phải dễ dàng. Đa số các đảng Cộng sản tuy tán thành Nga, nhưng lại không phải muốn lên án Trung-Cộng Bắc-Kinh, rất căm tức và đe dọa : « Ngay nào đại hội các đảng Cộng-sản được triệu tập thì ngày đó bọn xét lại hiện-đại sẽ đưa chân xuống mồ. »

Khrutchev đã bị hạ bệ trước khi triệu tập được cuộc đại-hội của ông. Nhưng Mao cũng không gặt hái được một thắng lợi nào vì nhóm kế tiếp Khrutchev cũng không khác gì Khrutchev.

Bước sang thời kỳ Brejnev Kossyguine, lúc đầu người ta tưởng Nga-Hoa có thể giải hòa. Bắc-kinh tỏ thiện chí trước tiên bằng cách cử một phái đoàn do Chu-ân-Lai cầm đầu sang dự lễ kỷ niệm Cách mạng tháng 10 lần thứ 47 của Liên-xô ở Moscou. Các nhà lãnh đạo mới của Liên-xô nhất định triệu tập đại-hội các đảng cộng sản vào đầu năm tới. Trung Cộng bằng lòng tham dự đại hội đó với điều-kiện là Liên-xô công khai thú nhận những lỗi lầm từ 10 năm nay. Brejnev không chịu. Thế là sự chia rẽ lại nguyên vẹn. Hai bên chỉ hòa thuận một điểm là tạm ngưng những cuộc bút chiến nhất là về vấn đề biên giới.

Chu-ân-Lai đành ra về xác tín rằng Liên-xô đang ở trong tay những người xét lại không kém gì Khrutchev.

Một hội-nghị trụ-bị đại hội các đảng Cộng-sản họp vào tháng 3-65 tại Moscou gồm 19 đảng anh em đã khuyên Nga nên ôn hòa đừng vội lên án Bắc-kinh mà hãy đến tình đoàn kết giữa các đảng Cộng-sản. Đó là một điểm thất bại của Nga.

Các nhà cầm quyền mới của điện Cầm-linh đã đi một vòng các nước Á-châu mục đích để gây lại cảm tình với các cộng đảng Á-châu mà Khrutchev đã làm mất. Họ đã tới Hà-nội vào thời kỳ mà Mỹ đang bắt đầu ném bom Bắc-Việt và trên đường về nước có gặp Mao. Nhưng nhịp cầu đã không nối lại được.

Ngày 4-3-1965 xảy ra vụ sinh viên Á-phi biểu tình trước sứ-quán Mỹ để phản đối sự can thiệp của Mỹ vào Việt-nam; nhà cầm quyền Nga có giải tán một cách hơi nặng tay, Bắc-kinh nắm ngay lấy cơ hội đó phản đối âm i và cho rằng Nga đã cấu kết với Mỹ. Và từ đó cả hai bên đều đổ

tội cho nhau là không tận tình giúp đỡ Bắc-Việt trong cuộc chiến tranh chống Mỹ.

Các nhà lãnh-đạo Nga luôn luôn nghi tới việc triệu tập Đại-hội quốc-tế Cộng-sản với mục đích đề tổ cáo Trung-cộng. Cuộc Cách-mạng Văn-hóa Trung-cộng bùng nổ vào năm 1966 với tất cả những tàn bạo của nó đã cung cấp cho Nga thêm tài liệu đề tổ cáo Trung-cộng đã bôi nhọ phong trào Cộng-sản quốc-tế, tổ cáo Mao đang muốn thiết lập một chế-độ độc tài quân-sự. Kossyguine công khai tuyên bố tỏ cảm tình với phe chống đối Mao ở Trung-cộng. Brejnev hô hào triệu tập Quốc-tế Cộng-sản. Một hội nghị trụ bị nữa lại họp vào tháng 2-1968 ở Moscou. Đề cho có thật nhiều đảng Cộng-sản hưởng ứng, Nga hứa là Đại-hội sẽ không lên án ai hết. Sau đó vụ Tiệp-khắc bùng nổ, Trung-cộng lại được dịp phản công lại, tổ cáo Nga là đế-quốc, xâm-lăng, kịch liệt đả kích thuyết « chủ quyền hạn chế » của Brejnev, cho đó là một âm mưu thống trị của Nga đối với các nước Cộng-sản Đông-Âu. Rồi đến vụ tranh chấp biên giới mới đây thì danh từ mà Trung-cộng dùng để chỉ Nga-sô còn nặng nề hơn một bậc nữa là bọn Tân Nga-hoàng, bọn xã-hội đế-quốc chủ-nghĩa. Còn Nga thì vẫn không ngớt lên án bè lũ Mao-Trạch-Đông là phản cách-mạng, phản mác-xít. Cuộc đại hội các đảng cộng-sản vẫn chưa triệu-tập được và nhiều nước cộng sản còn tự hỏi là trong tình trạng chia rẽ trầm trọng đó, Đại-hội có nên triệu tập nữa không? Có người cho rằng có lẽ chỉ nên triệu tập đại-hội khi đã giải quyết xong những mâu thuẫn, như việc mà chính Mao đang

làm ngày nay trong Đại-hội thứ 9 của đảng Cộng sản Trung-hoa.

Cuộc tranh chấp về ý-thức-hệ

Nói đến cuộc tranh-chấp Nga-Hoa ta không thể nào bỏ qua khía cạnh này được vì chính nó đã trang sức cho cuộc tranh-chấp này có ý nghĩa.

Những khác biệt Nga-Hoa liên quan đến nhiều khu vực của tư-tưởng cách-mạng mà chúng ta có thể phân loại như sau :

— Vấn đề chiến tranh và hòa bình cùng chung sống hòa bình trong thời đại nguyên-tử.

— Vấn đề các phong trào giải phóng dân tộc và vấn đề tiến lên là xã-hội chủ-nghĩa một cách hòa bình.

— Vấn đề vô-sản chuyên-chính và chính quyền của toàn dân.

● *Vấn-đề chiến-tranh và hòa-bình.*

Về vấn đề này, lập trường của Nga đại khái như sau : Trong số các chính khách tư-bản đế-quốc cần phải phân biệt 2 khuynh-hướng : một khuynh hướng hiếu chiến, ngoan cố, một khuynh hướng ôn hòa và sáng suốt. Vấn đề là phải biết lợi dụng các khuynh hướng đó để tiến tới những cuộc thương thuyết và thỏa hiệp với các nước tư-bản bằng cách phát triển những tiếp xúc cá nhân giữa các chính-khách thuộc 2 phe.

Lập-trường của Trung-cộng khác hẳn. Theo Trung-cộng nếu người ta coi thương-thuyết là phương tiện chính, thậm chí phương-tiện duy nhất để tiến tới chung sống hòa-bình, nếu người ta không ngần ngại bán đứng những quyền lợi thiết yếu của các dân-tộc để đi đến thỏa-hiệp với đế-

quốc, thì như vậy không còn phải là chung sống hòa bình nữa mà là chung sống bằng cách đầu hàng. Và như vậy hòa-bình thế-giới cũng không còn được bảo vệ hữu-hiệu nữa.

Nga đã căn cứ vào một câu hỏi của Mao tuyên bố vào năm 1957 và nhắc lại vào 1963, đại-khái như sau : "Nếu chiến-tranh nguyên-tử xảy ra, Trung-hoa dù có mất đi 1/2 số dân thì cũng vẫn còn là nước đông dân nhất thế giới. Nhưng khi đó phe tư bản đã bị diệt. Loài người sẽ tiến lên một thời-đại huy-hoàng, chẳng bao lâu sẽ lấy lại và còn vượt qua nhân số hiện nay." Căn cứ vào câu đó, Nga tuyên truyền là Mao hiếu chiến và muốn dùng chiến tranh để tiến hành cách-mạng. Còn Bắc-kinh thì lại cho cuộc vận-động tổng giảm trừ vũ-trang của Nga là một hành vi không-tưởng vì nó đưa đến kết-quả là giải trang quần chúng.

● *Vấn-đề các phong trào giải phóng và việc tiến lên Xã-hội chủ-nghĩa một cách hòa bình.*

Thực ra lúc đầu lập trường của 2 bên cũng không khác xa nhau lắm, đều xuất phát từ nghị-quyết của hội-nghị 81 đảng Cộng-sản vào năm 1960. Hai bên chỉ khác nhau ở chỗ sắp xếp lực lượng cách-mạng.

Theo Liên-xô thì thứ tự sắp xếp như sau :

- 1) Các nước trong phe xã-hội chủ-nghĩa.
- 2) Các đảng cộng-sản tại các nước tư-bản.
- 3) Các phong-trào giải-phóng dân-tộc.

Theo Bắc-kinh thì phong trào giải phóng dân tộc phải đặt lên trên. Trung-cộng đã tổ Liên-xô là coi nhẹ các phong-trào này và như vậy là phá hoại cách-mạng ở các nước chậm tiến. Liên-xô tổ lại Bắc-kinh là muốn đốt cháy giai đoạn, làm như cách mạng có thể xuất-cảng đến bất cứ nơi nào cũng được. Khẩu hiệu « Gió Đông thổi bạt gió Tây » của Trung-cộng, theo các lãnh tụ Liên-xô, có màu sắc đấu tranh chủng-tộc, mục đích để giành giật quyền lãnh-đạo của Liên-xô.

Vấn - đề vô sản chuyên - chính và chính-quyền của toàn dân.

Theo các lý-thuyết-gia Nga ở Liên-xô thì nay không còn giai cấp đấu tranh nữa. Do đó vô sản chuyên chính phải được thay thế bằng chính-quyền của toàn dân. Bắc-kinh không cho là như vậy. Theo họ thì ý thức giai-cấp chỉ có thể tiêu diệt sau nhiều thế-hệ đấu tranh. Càng gần tới đích bao nhiêu thì cuộc đấu tranh càng phải quyết liệt bấy nhiêu. Do đó phải giữ vững nền vô-sản chuyên-chính qua nhiều thế-hệ. Lập luận đó ám chỉ là ở Liên-xô hiện nay, giai-cấp tư-sản vẫn có thể phục hồi. Chủ trương chính quyền của toàn dân là giúp cho giai-cấp tư-sản phục hồi nhanh chóng.

Hai chủ trương đó đối chọi nhau và bên nào cũng cho là mình có lý. Vì Bắc-kinh luôn luôn nhắc tới những giáo điều của Mác-Lênin về bên vực luận-cứ của mình nên Mạc-tư-khoa gọi họ là « giáo điều ». Còn Mạc-tư-khoa thì vì chủ-trương phải tiến-hóa để cho hợp với thời-đại khoa-học, nên bị Bắc-kinh gán cho danh hiệu là « xét lại hiện đại. » Qua đài phát thanh và báo chí, 2 phe

« giáo điều » và « xét lại hiện đại » đấu tranh nhau kịch liệt, không bên nào chịu lùi bước. Hai bên đã trở nên kẻ thù số một của nhau. Cuộc Cách-mạng văn-hóa của Trung - cộng cũng chỉ nhằm mục đích củng cố nội bộ để quay ra đối phó với Liên-xô, tranh thủ quyền lãnh-đạo thế-giới Cộng-sản.

Ngoài 2 lãnh-vực chính-trị và ý-thức-hệ, cuộc tranh chấp còn lan rộng đến các lãnh vực kinh-tế và quân-sự nữa.

Về phương-diện kinh-tế

Trong thời-kỳ đầu cuộc giao hảo rất tốt đẹp. Nga cho Trung-cộng vay tới 2.200 triệu Mỹ-kim và gửi sang Trung-cộng tới hơn 10.000 chuyên viên để giúp Bắc-kinh xây dựng 156 cơ-xưởng và huấn luyện cho gần 14.000 sinh-viên chuyên-khoa Trung-cộng ở Mạc-tư-khoa. Nhưng chính sách bước tiến nhảy vọt và công xã nhân dân của Trung-Cộng vào những năm 1958, 1959 đã làm đảo lộn tất cả. Kế-hoạch 5 năm lần thứ 2 bị ảnh hưởng lớn. Đến tháng 7-1960, đột nhiên Khrutchev gọi hết các chuyên viên Nga về nước, bỏ mặc tất cả những công-trình đang làm dở dang. Cuộc tranh-chấp đã đến thời-kỳ quyết liệt. Trung-cộng đột nhiên thiếu chuyên-viên, thiếu dụng cụ thay thế, 150 cơ-xưởng phải ngưng hoạt động, hơn 340 giao kèo đã ký bị xé bỏ.

Chương-trình sản xuất kỹ nghệ đưa về nông thôn trong các công xã nhân-dân bị thất bại, mấy năm lại mất mùa liên tiếp. Tình trạng kinh-tế Trung-Cộng trong những năm 61, 62, 63 thật bi đát, phải quay ra mua lúa của Gia-Nã-Đại và Úc-Châu. Tuy bị đau mà Bắc-kinh vẫn không ngớt tổ Liên-xô là viện trợ bủn xỉn, không đúng với nhu

cầu, kiểu căng tự mãn, hàng viện trợ lại xấu.

Nhưng rồi nhờ có sự cắt viện trợ tàn nhẫn đó mà Bắc-kinh đã sớm tự túc được. Ngoại-thương của Trung Cộng bắt đầu hướng về các nước tư bản. Năm 1967, là năm Cách-mạng văn-hóa đang làm mưa gió, Nga tụt xuống hàng thứ 12 trong số những nước buôn bán với Trung Cộng. Nước đứng đầu là Nhật, thứ hai là Hong Kong, nước thứ ba trước kia là Nga nay đã là Tây Đức. Trung Cộng tìm mua của Tây phương những thứ gì không mua được của Nga và chế biến lấy một phần lớn những dụng cụ của mình. Có thể nói là về chủ trương trừng phạt kinh-tế Trung Cộng để Trung Cộng phải đầu hàng về mặt chính trị, Nga đã không thành công. Vì Trung Cộng ngày nay đã tự túc được một phần lớn về phương diện kinh tế để có thể đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị với Nga. Giờ đây với một nước Trung-hoa ổn định về chính-trị và tương đối vững mạnh về kinh-tế, cuộc tranh chấp trên phương diện chính-trị và ý-thức-hệ để dành quyền lãnh đạo thế-giới cộng sản sẽ còn gay gắt hơn nữa.

Về phương diện quân sự

Để dành quyền lãnh đạo khối cộng sản Bắc-kinh phải tự tạo cho mình một lực lượng quân sự vững mạnh.

Ta thấy ở đây hai quan-niệm trái ngược hẳn nhau :

— Liên-xô là một nước kỹ nghệ tiên tiến, khoa-học phát triển, nên tổ

chức quân đội là một tổ chức chính quy, hiện-đại-hóa, dựa trên sức mạnh của chiến-xa, phi cơ, hải quân, để đối chọi với quân đội Hoa-kỳ. Với tổ chức quân đội đó, người ta có tư tưởng nặng nề kỹ-thuật, máy móc hơn là về nhân-lực.

Đã có một thời kỳ, Trung-Cộng theo quan-niệm này với thống chế Bành-Đức-Hoài ở chức Bộ-trưởng Quốc-phòng. Nga cung cấp cho Trung Cộng đủ loại khí-giới tối tân mà sau này chính Trung Cộng cũng sản xuất ra được, như loại chiến xa T.34, loại chiến đấu cơ Mig... Nhưng Nga đã cố ý không cho Trung Cộng những thứ vũ-khí tối-tân nhất để giữ Trung Cộng ở một trình độ thấp kém hơn mình về phương diện quân sự. Khi Trung Cộng đòi Nga phổ biến cho mình bí mật vũ-khí nguyên-tử, thì Khrutchev, trong một lúc bốc đồng, đã nhận lời và đã có một mật - ước giữa hai bên hứa chuyển cho Trung-Cộng nhiều mẫu bom nguyên-tử Nga. Nhưng rồi với cuộc tranh chấp bùng nổ, tất cả đều hủy bỏ và Trung Cộng phải mò mẫm mất hơn 5 năm mới chế tạo thành công quả bom nguyên-tử đầu tiên (16-10-1964).

Chúng ta có thể hiểu vì sao Bắc-Kinh hết sức tức giận khi Nga cùng Hoa - kỳ ký hiệp - ước ở Mạc-tư-khoa cấm thí-nghiệm hạn-chế vũ-khí nguyên tử. Bắc-kinh cho rằng hiệp ước này cốt để nhằm vào mình và đã lên tiếng gay gắt chỉ trích.

— Về phía Trung Cộng, từ khi xảy ra tranh chấp với Liên-xô ta thấy Trung

Cộng triệt đề áp-dụng tư-tưởng Mao-Trạch-Đông trên lãnh vực quân-sự. Yếu-tố nhân-dân được đề lên trên yếu-tố kỹ-thuật trong việc tổ-chức quân-đội. Theo quan-niệm này, tinh thần người lính quan trọng hơn vũ khí mà họ sử dụng. Vậy vấn-đề chính là làm sao cho quân đội triệt đề thấm nhuần tư-tưởng cách-mạng (tư tưởng Mao-Trạch-Đông) là quân đội đó trở thành vô địch dù họ có thể không có

những vũ khí tối tân nhất. Chính quan niệm này của Trung-cộng đã ảnh hưởng đến tư - tưởng của những người cầm đầu cộng sản ở Bắc-Việt cũng như ở miền Nam và cho ta hiểu vì sao, vũ khí viện trợ của Nga tuy nhiều mà vẫn không đánh bại được ảnh hưởng của Bắc-kinh ở trong hàng ngũ chiến đấu của đối phương.

VIỆT PHƯƠNG

THUỐC BÒ : **ACTIVIT**

*TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỒ BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.*

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433BYT . D.P.Đ.

CAPSTAN

MEDIUM



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

B Á C H

K H O A

THỜI - Đ A I

Số 297 ngày 15 - 5 - 1969

VIỆT PHƯƠNG diễn biến của cuộc tranh chấp Nga-Hoa trong 10 năm vừa qua	5
LAN ĐÌNH người Thượng dọc theo dãy Trường-sơn	15
PHẠM VIỆT CHÂU trăm Việt trên vùng định-mệnh : Thái-lan, tự thích ứng để sinh tồn	23
NGUYỄN HIỂN LÊ những nhà văn nổi danh trong giai-đoạn trưởng thành của văn-học Trung quốc hiện đại : Mao Thuần	29
TRÀNG THIÊN sách thời đại	37
NGUYỄN VĂN VÂN hội thảo khoa-học : vấn-đề dầu hỏa ở miền Nam Việt-nam	41
LÊ HƯƠNG sự cầu kết giữa Trung - cộng với Hoa-kiều ở Cao-miên và Việt-nam	47
HOÀNG NGỌC TUẤN ở một nơi ai cũng quen nhau (truyện)	53
TƯỜNG LINH liên khúc xuân tình (thơ)	63
VŨ HOÀNG CHƯƠNG nói với em (thơ)	64
LÊ BÁ LĂNG quanh quần đêm ngày (truyện)	67
PHƯƠNG HOA SỬ về khơi (thơ)	71
TRẦN LƯƠNG NGỌC sự ra đi của De Gaulle	72
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	76

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả :

— **Truyện con người biên khảo** của Phan-Du do Cảo-Thom xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 400 trang, khảo sát về nguồn gốc và sự tiến hóa của con người, gồm 5 phần chính trình bày từ nguồn gốc địa cầu, nguồn gốc sự sống, đến sự tiến hóa của các giống Linh-trưởng, sự xuất hiện của loài người, và con đường nhân hóa từ thời Cổ thạch-khí-đến thời Tân-thạch-khí. Biên soạn công phu, rất nhiều hình ảnh. Bản đặc biệt.

— **Một ngày rồi thôi** truyện dài của Nguyễn-thị-Hoàng, do Hoàng Đông Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 9 của tác giả "Vòng tay học trò", bìa do Đinh Cường vẽ. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 210đ.

— **Thư gửi người thi sĩ trẻ tuổi** nguyên tác bằng Đức-ngữ của Rainer Maria Rilke, bản dịch của Hoàng-Thu-Uyên, do An-Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 120 trang gồm 10 bức thư. Giá 80đ.

— **Tuổi ngọc mây mù** tập truyện

của Châu Mỹ Quế, do Sáng-Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 90 trang gồm 8 truyện ngắn, bìa do Ngọc-Dũng minh họa. Giá 60đ.

— **Ngày bích lan của một phiên đá tập thơ** của Đào-văn-Trân do Khai-Phá xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 50 trang, gồm 25 bài thơ in ronéo, có phụ bản chân dung tác giả.

— **Trước mặt tạp chí xã hội, số 13** Bộ mới (tháng 5-1969), do một số nhà văn trẻ ở Quảng Ngãi chủ trương biên tập. Mỗi số dày 80 trang gồm các bài tiểu-luận, thơ và truyện của Trần cao Luông, Lam Hồ, Trần hoài Thư, Luân Hoán, Phan Nhự Thức, Hoàng gỗ Quý, Hà Nguyên Thạch .v.v.,.

— **Mặt khải nguyên** tác The Prophet của Kahlil Gibran, bản dịch của Phạm Bích Thủy do Non Nước xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 121 trang gồm 27 bài của nhà thi sĩ tâm linh xứ Li-ban. Bản đặc biệt Giá bản thường : 100đ.

— **Múa thiết linh... ném bút chì.** của Toan Ánh do Cơ sở Tiến Bộ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 154 trang, trình bày tài liệu võ thuật dưới hình thức 6 truyện kể. Giá 120 đồng

CÁO LỖI

Vì tác giả bị mắc việc bất thường nên bài « Ý-thức tôn-giáo và ý-thức dân tộc » của Gs. Lý-Chánh-Trung đăng trên Bách-Khoa các số 293, 294, 295 phải ngưng lại trên 2 số : 296, 297, và sẽ được đăng tiếp trên Bách-Khoa số 298 (1-6-69) tới đây.

Mặt khác bài Tổng-kết về tình-hình xuất bản của Nguyễn-Ngu-Í và Thế-Nhân, vì lý do kỹ thuật, cũng phải dành cho số tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý độc giả.

Tòa soạn BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

NGƯỜI THƯỢNG

dọc theo dãy Trường-sơn

Sưu khảo của LAN-ĐÌNH

Gặp một người Thượng, phần đông người Kinh chỉ cho rằng... đồng-bào Thượng ở đây với đồng bào Thượng ở kia đều là đồng bào Thượng cả. Dĩ nhiên «đều là đồng-bào Thượng cả», nhưng nhìn kỹ sẽ thấy họ khác nhau đủ mọi phương-diện, nhân-dạng, sắc-dân, cương-giới, tập-tục... Những dị-biệt đó đã từng gây thành binh đao giữa các bộ-lạc.

Dọc theo dãy Trường-Sơn có khoảng 10 sắc-dân Thượng. Nhưng vì hoàn-cảnh địa-lý, họ phải phân cư để sinh nhai, nên mỗi sắc-dân còn chia ra nhiều chi-phái, và cũng khác nhau hẳn.

Người SÉDANG (Kontum, Bình-định, Quảng-nam) gồm 3 chi-phái là các bộ-lạc Rongao (Nam Kontum) Halang (Tây-nam Kontum), ở liên-ranh Việt-Lào, và Die (Toumorong, Tây-bắc Kontum). Ngay người Sédang chính thống cũng phân cư rải rác đến 3 vùng Bắc Kontum, Đông Bình-định và Nam Quảng-ngãi. Muốn nhận diện họ, cứ quan sát 2 chi-phái, chính thống và Die. Đàn ông xăm chàm hai bên mép, đúng 3 chấm (chính thống), hoặc quần sà-cạp — vắn vải chung quanh ống chân — tóc thật dài, đặc biệt cài lược bóp trên đỉnh đầu (Die). Kỳ dư, mọi chi phái đều giống nhau, khăn khổ sắc-sỡ, khoang đỏ, và ăn bốc (không dùng bát đĩa).

Người BAHNAR (Kontum, Pleiku, Bình định) có tới 6 bộ-lạc Kriem, Konkodielh, Alahkong, Toloteny, Alatanang (Bình-thuận) và Bonam (liên ranh Kontum-Pleiku). Khác người Sédang, người Bahnar ăn mặc giản dị, khăn khổ chỉ viền màu ngoài nếp, nhưng cũng rất thích kiềng vòng. Dễ biết nhất là đàn-ông Bahnar ngực đầy xẹo, càng nhiều xẹo càng ta đây anh hùng. Tôi sẽ nói rõ lai lịch những cái xẹo này.

Người DJARAI (Kontum, Pleiku Darlac, Khánh-hòa, Phú-yên) với 3 chi phái Arap, Khoăn, và Haroi. Nhưng hai chi phái Arap và Khoăn đã mai-một dần, vì bị đồng-hóa, lai giống qua các sắc dân khác. Chính chi phái tồn tại, Haroi, cũng chịu ảnh-hưởng của người Rhadé mà biến thành một chi-phái mới, Mdhua. Người Djarai chỉ thích màu đen tuyền, nếu khăn khổ có khoang thì chỉ khoang đỏ (vải đen vắn, sọc đỏ). Đàn ông hay khoác chăn sau lưng, chứ ít mặc áo. Đàn bà mặc váy cụt, một thứ mini-jupe, ngắn hơn kiểu váy thông thường của phụ nữ Thượng. Riêng con trai mới cà răng, cậu nào căng tai là còn tân. Con gái chỉ căng tai thôi, không cà răng. Họ cũng ăn bốc như người Sédang.

Người RAGGLAI (Khánh-hòa, Ninh-

thuận, Bình-thuận, Lâm-đồng) không có đặc điểm rõ rệt, vì lai giống lung-tung Koho, Chăm, Rhadé. 3 chi-phái Agglan, Tring, và Sré cũng chỉ nhang-nhác 3 sắc dân vừa nói. Họ ăn mặc bắt chước người Kinh, nhưng luộm thuộm, lờ-loẹt tức cười.

Người RHADÉ (Darlac, Quảng-đức, Khánh-Hòa, Phú-yên, Phước-long), đông nhất trong tỉnh-hạt Darlac, và «văn minh» nhất nhất trong các sắc dân Thượng. Họ thích màu nâu-đen văn đỏ, văn lam, có bát làm bằng vỏ bầu khô, muống nĩa bằng tre.

Người MNONG (Darlac, Quảng-đức, Lâm-đồng, Phước-long) nhiều nhất trong tỉnh hạt Quảng-đức. Trước kia họ rất hung ác, hiếu sát. Có giả thuyết cho rằng họ là hậu-duệ của giống mọi Pnong bên Camboge. Họ chia thành 7 chi-phái, Rlam và Car (Darlac, Quảng-đức) Budong, Burung, Dihbri, Bong, và Bunor (vùng Ba-biên-giới, liên-ranh Việt-Miên-Lào). Cả nam, nữ đều đóng khố, họa-huân lắm đàn bà mới mặc váy, tay chân đeo thật nhiều vòng đồng, càng nhiều càng tỏ ra giàu sang, cò đeo chuỗi cườm, cà răng cặng tai, ăn bốc.

Người STIENG (Quảng-đức, Bình-long, Phước - Long) thống - nhất hơn cả. Còn gọi là « Thồ » (vì thuộc giòng giới của nhiều giống mọi bên Cao-miền) và « Tànun ». Họ tương-đối, sạch - sẽ, ăn chín, mặc kín, và hay giao dịch với người Kinh.

Người KOHO (Quảng đức, Tuyên-đức, Lâm-đồng, Bình-tuy, Long-khánh) hình như trước kia là dân thiểu-số của

người Chăm. Ngày nay họ còn 10 chi phái Churu, Noang, Sré-tring (cũng là hai chi phái của sắc dân Ragglai), Moa, Tala, Queyon, Lat, Nop, Kodiongbiet. Hầu hết đều chịu ảnh-hưởng của người Ragglai và Chăm. Trong số chỉ còn người Moa giữ được bản-sắc riêng, bướng-bỉnh, hiếu chiến. Đàn ông đóng khố. Đàn bà mặc váy dài tới gót chân.

Người TEU (Thừa-thiên, Quảng-trị, Quảng-nam) chỉ có hai chi-phái Tồi-ôi (liên danh Việt Lào) và Vân-kiều (lui xuống miền trung-du). Họ thích ăn sống, thịt đề thiu mới ăn. Đàn ông đóng khố. Đàn bà ăn mặc nhang-nhác phụ-nữ Lào, áo « cũn », váy chùng.

Người RSÉ (Quảng-ngãi) hình như ít nhất trong số các sắc dân Thượng, nhưng họ cũng gần người Kinh như các sắc dân Rhadé, Stieng. Có giả thuyết cho rằng họ chỉ là một chi phái của người TEU. Họ không cặng tai, nhưng cà răng. Phần đông nam giới đã quen mặc quần áo bà-ba, trừ các cụ già còn đóng khố. Phụ nữ mặc áo cộc, váy dài đen tuyền, thích kiềng vòng ..

Tôi mới phân biệt nhân-dạng và cương-giới của các sắc dân Thượng. Chưa đủ. Giữa họ, đôi khi, từ buôn này đến buôn kia chỉ xa nhau vài trăm thước, mà tiếng nói đã khác hẳn rồi. Tôi chỉ học lỏm được mấy tiếng lẻ-tẻ, chẳng đáng gì giữa một rừng « như chim »

Một chút ít thần thoại

Qua các cuộc thù tạc, hàn huyên trong những dịp viếng thăm Cao nguyên miền Trung, tôi đã được nghe thuật lại những chuyện thần thoại về nguồn gốc người Thượng như sau :

— Trận lụt ghê gớm, loài người chết gần hết. Những kẻ sống sót vì đã

may mắn đạt lên hai ngọn núi cao, một quả ở phía Đông, một quả ở phía Tây. Ngọn núi phía Tây có lũ người với 10 chiếc bè. Nước rút, họ rủ nhau chèo về miền xuôi (vùng Kinh). Hôm đó, người ở cuối đoàn, trên đầu thác, gọi xuống đầu đoàn, hỏi thăm tình hình sóng nước. Chẳng may, đúng lúc, một con thủy-quái thốt kêu khiến mọi người tưởng lầm đồng bạn trả lời « bình an ». Họ thả bè xuống, và chết đuối hết 9 chiếc, chỉ còn mỗi chiếc cuối cùng đã kịp gượng lại.

Sau vụ « hồng-thủy » đó, một trăm người sống sót ở lại miền trung-châu, rồi trở thành người Kinh.

Trên quả núi phía Đông, chỉ có mỗi chị đàn-bà với con rái-cá (?). Tan cơn bão lụt, người và vật cùng xuống núi, sinh sống. Có lần, chị đàn bà đang cầm cúi bới củ để ăn, vô ý, bị con rái-cá hiếp. Rồi một thằng cu ra đời.

Về sau, đứa con khôn lớn, ở tuổi đã sai việc vặt được rồi, người mẹ thử nhờ nó mang cơm ra rẫy cho bố. Đến nơi, thằng bé chỉ gặp mỗi con gì dị hợm. Nó ngộ nhận, đánh chết bố.

Lần-lữa, đứa con đã trưởng-thành. Người mẹ bảo nó đứng nguyên một phía ở chân núi, găng đợi, hễ gặp đàn-bà, con gái đi qua thì giữ làm vợ. Rồi người mẹ bỏ đi, đi vòng quanh quả núi, xế chiều mới trở về tới chỗ cũ. Họ lấy nhau. Con, cháu, chắt, chít... người Thượng.

Tôi ngờ ngờ ở trần lụt có chút gì Cự-Uớc, và con số một trăm người có chút gì dã-sử hay huyền-thoại Âu-Lạc. Đó là « thuyết » của người Rhé.

Nhưng theo người Rhadé, lại khác. Thoạt tiên, nhân loại còn ở dưới đất

(âm-ty?), và chưa biết làm ăn gì. Trời thương, sai một người con của trời, thần Y-Rem, giáng trần, dạy cho nhân loại biết canh-tác, thồi nấu và cất rượu.

Sau nhiều lần say-sưa thái quá, và lâm bệnh vì rượu, loài người đâm oán thần Y-Rem, đuổi đánh ông ta. Thần Y-Rem chạy miết, cuối cùng loài người phải đặc cử hai anh em nhà thợ săn, có hai con chó trợ lực, truy nã. Ông ta chui vào một cái hang. Anh em nhà thợ săn và con chó theo vào, càng sâu càng sáng, và lạ mắt, cây cỏ, chim muông, quả ngọt hoa thơm.

Họ trở về, dẫn ông tù-trưởng đi xem. Sau đó, loài người đã bỏ « âm-ty », lên sống trên mặt đất (dương-gian ?) cho sung sướng !

Tôi nghĩ ở đây đã phảng-phất chút gì « nhân quả », « luân hồi ».

Gà ăn đá, chó leo thang

Không biết từ bao giờ, ai đó, người Kinh, vì sinh kế phải lên cao-nguyên, đã nói một câu tức cảnh rồi trở thành tục-ngữ, gà ăn đá, chó leo thang !

Có ở nhà sàn mới thấy hiện-tượng: chó leo thang cũng thắm-thía như một thứ triết-lý về cuộc đời, đến con chó cũng bị « méo-mó » vì hoàn-cảnh. Thật ra cái « thang » nhà sàn chưa đủ nghĩa một cái thang. Nó không có những then ngang đóng giữa hai đòn dọc. Nó chỉ là một khúc cây dẻo gọt nham-nhỏ, chặt sứt thành từng nấc cách quãng nhau để đặt bàn chân lên, xuống.

Thang kiểu đó, người trèo đã khó, vì phải bước nghiêng, chó quen đi đứng bốn chân, càng khó hơn. Nhưng chó cao-nguyên leo thang « hay » không chịu được ! Nó cứ nhảy ton-tót, chum

bốn chân vào nấc dưới, phóng lên nấc trên như... làm xiếc.

Còn « gà ăn đá » thì ngoa quá. Nhưng ngoa có chủ đích, để nhấn mạnh rằng đất cao-nguyên căn-cối, người còn chưa đủ miếng ăn, lấy đâu ngô thóc cho gà...

Tựu trung, các sắc dân Thượng còn ở lại đời sống buồn-bản. Họ ở thành từng buôn, từng bản (hay bản), nhà sàn. Giữa làng có nhà « rộng » (nhà làng), cũng nhà sàn, nhưng nóc cao nhất làng. Trông cái nhà rộng thấp nhỏ hay cao lớn là biết được dân số trong làng nhiều hay ít. Bởi vì người Thượng làm mái nhà riêng, sườn nhà riêng, làm mái nhà ngay dưới đất, làm xong mới hề nhau dính lên, úp vào sườn nhà. Thì làng nào đông xuất dính mới cất nổi cái nhà rộng to, và ngược lại.

Làng nào ban ngày có nhiều đàn-ông lê-la tán róc, trông con, là theo chế-độ mẫu-hệ, và cũng ngược lại.

Người Thượng làm ruộng khô, rẫy. Bao giờ họ thấy trời « có vẻ » bớt nắng thì rủ nhau ra suối, nếu gặp nhiều tấm cá sủi lên, là điềm sắp tới mùa mưa. Ngay bấy giờ, họ đốt rừng, chờ mưa cho mềm đất, sẽ gieo hạt. Thóc, ngô đậu, kê, vừng...

Được mùa, họ cúng, chè chén. Trẻ con cũng biết uống rượu cần, để giữ phép lịch-sự. Bởi vì nghi-thức thù-tạc của người Thượng bắt buộc nhà chủ ai cũng phải uống trả lễ người khách. Chẳng hạn, nhà chủ có 3 người, hai vợ chồng và đứa con. Chồng mời người khách một « cang » (1), ông khách cũng mời lại một cang. Cứ thế, đến lượt bà vợ, đứa con, tức mỗi

tuần hết 6 cang, mà riêng người khách phải « chịu trận » 6 cang, hàng... lít !

Trẻ con cũng nghiện thuốc lá (vấn như điệu xì-gà). Nguyên do, các bà mẹ đi sớm về tối làm rẫy, giữa núi rừng, phải hút thuốc cho ấm, khi con khóc (con địu sau lưng) các bà hay tiện tay nhử ống điếu vào miệng trẻ để dỗ nín, lâu dần chúng nó quen khói và bắt nghiện.

Mất mùa thì chắc đã phạt ý Thần Thánh điều gì, hoặc bị phạm cữ, hoặc bị ma quỷ chọc phá, người Thượng bỏ đi nơi khác.

Sau phần việc làm rẫy, trong khi chờ đợi hoa-mẫu, người Thượng đi săn, bẫy cá và đan dệt. Nhưng cả ba nghề trồng-trọt, săn bắn, thủ công, lợi tức đều chẳng đáng gì, vì cách thức làm ăn còn cồ sơ.

Người Thượng không biết ngâm thóc để lấy mống rồi mới gieo mạ. Họ chỉ trồng lúa lốc (lúa cấy trên cạn), đào lỗ, vót thóc vào, lấp lại. Họ cũng không biết gặt lúa, đập lúa, chỉ dùng tay tuốt thóc, vò thóc đến róm máu, rồi giã — thiếu cối xay — thóc ra gạo, hi-hục cả ngày mới được một mẻ vừa đủ một bữa ăn.

Vả chăng, phong thổ đường rừng cũng không chiều đãi nghề nông. Như người Sédang phải bắc máng từ các ngọn núi thật cao, thật xa để dẫn nước về ruộng rẫy. Máng làm bằng những cây bương,

(1) « Cang » : Cái que tre tước đôi một phần, bẻ gãy thành hình thước thợ. Đoạn gãy nhúng vào « ghè » (choé) rượu. Hút bông, hút cạn đến hết « cây thăm » đó thì đủ một cang. Dĩ nhiên nông, sâu tùy tay người tước dài hay ngắn.

để hư, khô thì nứt, ẩm thì mục, mỗi năm họ lại phải cắt công sửa máng một lần. Khó nhọc đến thế, cần động viên nhân lực qui-mô, rồi hóa ra tết nhất linh đình (tháng 2 âm lịch).

Người Bahnar cũng có « tết cầu đảo » gọi là « Mingcham » vào tháng 5 âm lịch để xin trời mưa xuống lấy nước làm mùa.

Sau vụ gặt, người Rhadé làm lễ mừng lúa. Nhưng lễ mừng lúa của người Stiêng, tháng chạp âm lịch, mới trọng thề, trọng thề nhất trong các thứ tết.

Riêng người Koho lại có cái tết « tháng thứ 13 », chưa hẳn ra một thời gian để ăn chơi, để « khao quân » trước khi giốc sức đốt rừng, vỡ đất, đánh rẫy làm mùa mới.

Tôi đoán, có lẽ mỗi lần người Thượng thu hoạch được vụ mùa tốt đẹp, là mỗi lần họ cảm thấy được hưởng thụ ân huệ cao đầy, rồi hứng khởi, xúc động đến thành điệu múa, câu hát, hội hè.

Cũng có lẽ nghề nông khó khăn, lâu lắc, nên người Thượng phải coi nghề săn như là một thứ vi bản. Sắc dân Rhadé có tục lệ hể sinh con trai, họ làm đồ chơi cho nó toàn cung tên dao mác, những vật dụng của nghề săn. Hoặc nữa, người Budong, thuộc sắc dân Mnong có biệt tài săn voi, nổi tiếng gan dạ hơn hết và giàu sang hơn hết, cõ chân, cõ tay nặng trĩu, che kín... vòng đồng !

Đàn bà đi biển mò côi một mình

Khoảng năm 1956, trên Cao-nguyên đã có một buồn chết gần hết vì dịch tả. Nhưng phái đoàn y-tế về tầy uế, phát thuốc, những dân làng còn sống sót cứ từ khước, neăn cản. Họ chỉ ăn... mít xanh và cúng vái cho khỏi. Sinh mạng của người Thượng đánh liều cho may rủi.

Sản phụ Sédang lâm bồn, vài ba bà già ngồi... trông chừng, thế thôi. Nếu đứa hài nhi lọt lòng êm thắm, họ dùng lá chém, một thứ lá thật sắc, để cắt rốn. Ngộ nhớ gặp trường hợp đẻ khó, họ chỉ biết dọn lễ — giàu sang cúng lợn, nghèo cúng gà — đặt ngay dưới chân sản phụ, rồi khấn, rồi vái. Sau đó mấy bà già luân phiên dận chân lên bụng sản-phụ, để « nặn » cái thai ra ! Thường thường cả mẹ lẫn con đều chết.

Trước kia, người Stiêng còn có tục giết con cho chết theo mẹ. Chưa hết cỡ ba ngày, nếu sản-phụ chết, người Stiêng làm lễ, rồi đặt đứa con — đang khỏe mạnh — nằm áp đầu vào cửa mình của tử-thi, lấy hai đùi tử-thi kẹp đứa con chết ngạt, và chôn chung trong một chiếc quan-tài. *Hy sinh một mạng để ma khỏi bắt nhiều mạng khác.*

Khác hẳn các sắc dân láng-giềng, duy bộ-lạc Ragglai, chồng phải lo hết việc hộ-sinh cho vợ. Họ có mỹ-tục khá nên thơ : Từ khi biết vợ thụ thai, người chồng, trên dọc đường săn bắn, sẽ tìm dần một số vị thuốc cỏ truyền, (lá, cỏ, rễ cây), đem về phơi khô, dành sắc cho vợ uống lúc trở bụng.

Người Rhadé thì đã vận dụng đến cả một... tập đoàn hộ-sinh. Tất cả thân-nhân đều có mặt ở căn buồng của sản-phụ. Lúc đứa bé vừa lọt lòng, bà đỡ ôm nhanh lấy. Ngay lúc, ngoài cửa, hai thanh-niên vẫn chực sẵn, phóng hai chiếc chày ra sân. *Ôm chặt để bảo vệ, và ném mạnh để xua đuổi ma quỷ lui ra !* Nếu đứa bé sinh ra nhằm khi trong làng có người chết, nó phải sang làm con nuôi nhà đó. *Hồn của kẻ vừa mất phần đã mượn xác của kẻ mới lọt lòng để sống thêm biển nữa*

Nhưng ở bộ-lạc Mnong, sản-phụ phải tự xoay trở trong túp lều xa biệt thân-nhân, để xong mới được ôm con về nhà.

Bà mẹ Teu càng đáng buồn hơn, không được ở trong lều như chị em Mnong, phải để bờ để bụi. Bờ bụi làng mình, chứ nếu sơ ý vi phạm bờ bụi làng khác, sẽ lỗi-thôi to, án-mạng, binh đao.

Tính bỏ đồng, đàn-bà Thượng để hàng chục lần chỉ đậu được vài lần!

Cổ quan tài treo trên cây

Đàn-bà Stiêng sảy thai, sẽ bị ly-di, dân làng phạt vạ, phải bồi hoàn nhà chồng tất cả phẩm vật cưới xin ngày trước, và thêm khoản "tạ tội" bằng một con lợn, một hũ rượu. "Tội" hữu sinh vô dưỡng còn "chịu án" nặng hơn, không kể món nợ nhà chồng, lại thêm món nợ dân làng, một trâu, một hũ rượu.

Vấn-đề "tử" của người Thượng hết sức giản-tiện ở phần việc khâm-liệm, khai báo, nhưng vô cùng bận-rộn ở phần việc đưa đám và chôn cất.

Một dân làng vừa chết, người Sédang rủ nhau xách rìu vào rừng, chặt lấy một thân cây to và tốt, càng to và tốt càng có giá - trị. Đặt thân cây nằm tại gốc, họ xúm lại, đeo cho thuôn thuôn, tựa như chiếc thuyền độc-mộc, khoét lỗ, nạo rộng bên trong, kéo tay thế nào để trên miệng vẫn hẹp mà đáy thật rộng, như cái sáo diều. Khiêng về, nhét tử - thi vào, để trong nhà.

Suốt ba ngày nội bắt xuất ngoại

bắt nhập, ai ở đâu về đó. Hai đầu làng, chính giữa lối đi vào công, cắm chiếc gậy tre có buộc chùm lá trên ngọn, dấu hiệu "cắm vào". Trước cửa tang gia cũng cắm một chiếc gậy buộc lá tương tự. Như vậy hồn ma không thể lợi dụng cơ-hội nhập vào những người sống để đi tác quái mọi nơi.

Tùy giàu nghèo, sẽ làm thịt trâu bò hay lợn gà, cúng người chết. Hạ cổ, những người sống ăn uống ngay bên cạnh người chết để còn tiện chia phần, nhét thức ăn vào áo quan!

Sau ba ngày kiêng cử, họ khiêng linh-cữu đến khu rừng nào thật vắng, tắng treo. Đưa cổ xăng lên ngọn cây, gác nằm trên những chạc cành, buộc lại cho gió khỏi làm rơi. Chọn được chỗ khuất, mà không gặp cái cây ưng ý, họ đóng bốn chiếc cọc, gác cổ xăng lên.

Tôi đã nói người Sédang phải chọn cái cây thật to, thật tốt. Bởi vì dụng-cụ thợ mộc của họ chỉ là một chiếc rìu, mỗi lần làm được cổ xăng khó nhọc lắm, phải cốt sao dùng được về lâu về dài. Một năm sau, hay chỉ một tháng sau, một hôm sau, trong nhà lại có người chết, họ sẽ nậy nấp vẫn cổ xăng đó, nhét thêm xác vào. Cho tới bao giờ cổ xăng đã chật ních, họ mới cất công đi tìm cây để làm cổ xăng khác. Ở địa hạt Sédang, cứ khu rừng nào thoáng ra mùi xú uế, tìm vào, sẽ gặp những giọt mồ hôi người từ trên ngọn cây giở xuống... bầy ruồi.

Sắc dân Bahnar mới dụng công. Cả làng bỏ đi hết, bỏ mặc tang gia ở lại. Họ dựng đứng xác chết, buộc vào cột nhà, trông như người sống b.

trời. Cơm, thịt bày dưới chân tử-thi, người nhà xúm quanh vừa khóc vừa lay. Sau đó, người nhà, đàn ông, phải đi than hồng, hoặc thích dao cho nát ngực, đàn-bà phải đập đầu cho toé máu, để cực tả nỗi niềm thương tiếc kẻ quá cố. Vợ chết, ngoài « thủ tục » đốt ngực, chồng còn tự rạch đùi bốn khía (vợ cả), bảy khía (vợ kế), như vậy mới là đàn-ông có lòng với vợ, để người ta trông vào, sẽ gả con cho, khi muốn tục-huyền.

Ở phần nhận xét nhân-dạng người Thượng, tôi đã nói đàn-ông Bahnar lẩn xeo, chính vì những vết thương để tang của họ, hoặc nữa, thành tích chiến đấu qua các cuộc chinh phạt liên-miên.

Sau lễ thức khồ nhục, cả nhà bắt đầu ăn cỗ. Ai bỏng ngực, vỡ đầu, cứ nằm đó. Ai còn chịu đựng được, vừa ăn uống, vừa lén cơm thịt vào miệng... người chết !

Sau hai ngày, dứt đám, cái tử-thi được gỡ xuống, liệm vào áo quan, cũng chiếc cây đẽo gọt nham nhở, đem chôn. Một lễ mọn nữa để hạ huyết. Đắp mộ, cắm rào chung quanh. Ngôi mộ nào cao khác thường, là chỗ an nghỉ của một anh hùng, đã ngã xuống giữa sa-trường.

Trở về, tang gia tháo hết kiềng vòng đem cất đi, và cắt tóc ngắn, chịu tang một năm. Cũng bấy giờ, đưa đám xong, người làng mới trở về tiếp tục làm ăn. Hết một năm, tang gia làm lễ tạ, san bằng nấm mộ. Từ đó, thôi không ai lui tới thăm nom nữa.

Người Djarai cũng cử hành gần giống tang lễ của người Sédang. Chỉ khác là họ không táng treo, nhưng vẫn

dùng chung một cỗ áo quan cho nhiều xác chết, và có trang điểm phần mộ hân-hoi. Chung quanh nhà mồ, lợp mái, trồng hoa rất công-phu, họ hay tạc những bức tượng bằng gỗ để mô tả một quãng đời hay-ho của người chết. Chẳng hạn, bức tượng quân-nhân cho biết người chết đã từng tòng ngũ. Nhiều bức tượng đàn-bà, thì người chết có số đào-hoa, đã một thời nằm thê bầy thiếp...

Khác chút nữa, hai sắc dân Sédang, Bahnar chỉ chia khâu phần cho kẻ quá cố, nhưng người Djarai còn chia của nữa, từ những vật dụng tầm thường cho đến các nhạc-cụ, cũng đem ra chất đồng ngoài mộ, có điều phải làm hồng đi để kẻ gian khỏi lấy mất. Họ để tang lâu tới ba năm rồi mới « bỏ mả ».

Người Ragglai cũng chia của như người Djarai, trừ gia-súc và tiền mặt được giữ lại, chừa riêng ra, đợi mãn tang mới được dùng đến. Đặc biệt, người chết phải thuộc giòng giới quyền quý, nhà trưởng làng chẳng hạn, mới được liệm bằng áo quan, vẫn cái thân cây đẽo gọt nham nhở, còn thường dân chỉ được « bó chiếu » thôi. Họ không định hân kỳ hạn để tang. Cứ đợi lâu lâu, bao giờ, rảnh việc thì làm lễ bỏ mả.

Khác hẳn sắc-dân Bahnar, người Rhadé đoàn-kết, đoàn-kết hơn cả người Djarai, tang gia chỉ cần gỡ một hồi thanh-la, dân làng sẽ tìm đến ngay, chung lo việc tống táng. Áo quan của họ thật cầu-kỳ, phải đủ bộ áo đơn áo kép, nếu có thể được. Họ làm « áo lót » trước để kịp liệm, sau đó làm thêm « áo ngoài ». Gọt đẽo bằng rìu, mà công việc lại gấp đôi, cho nên mất đến nửa tháng mới đưa ma được. Hạ huyết

xong, cả người nhà và dân làng còn ở lại bên mộ, thay phiên nhau khóc than thêm ba ngày nữa. Họ cũng trang trí nhà mồ, nhưng hay tạc những con thú hơn hình nhân. Họ cũng chia của cho vong hồn. Tuy vậy, biết hợp quần, thì họ lại vướng phải hủ tục "chạy mả". Vừa chôn người chết xong, mà trong nhà ai ngã bệnh, thế nào "thầy địa lý" cũng đồ tội động mả. Họ quật mồ, đập xăng, vút tử thi vào rừng. Có nhiều bộ lạc Rhadé còn chia khâu phần bằng cách khoét lỗ trên nắp áo quan, ngay miệng người chết, một cái ống bương nhô lên khỏi năm mộ, thông với áo quan để hàng ngày đồ cơm thịt vào, bao giờ đầy ắp mới thôi:

Người Teu cũng giúp đỡ tang gia, như người Rhadé, có phần tích cực hơn, cả làng, và những làng xung quanh cùng nghi việc một ngày để chia buồn. Nhưng ngay trong sắc dân Teu, nghi thức cũng khác nhau. Các bộ-lạc ở Quảng trị, tang gia phải rời linh-cữu xuống gầm nhà sàn để cách đêm, rồi mới đem ra chỗ nào vắng vẻ, chôn... đứng, nửa lấp đất, nửa

lộ thiên ! Ba năm sau, đem hài cốt về, thay áo quan, bấy giờ mới chính thức mai táng, san bằng, quên hẳn.

Người Teu ở Quảng-Nam, ngay lúc trong nhà có người ốm nặng, xem chừng sắp chết, họ cáng bệnh nhân ra nhà làng, nếu để chết tại nhà riêng sẽ bị phạt vạ. Họ không chôn hờ, nhưng bắt buộc chôn ở gần giòng nước, bắt buộc đầu hướng về phía hạ lưu. Cũng chờ ba năm mới cải táng. Nếu gặp trường hợp bất đắc kỳ tử (tai nạn, án mạng), dân làng sẽ di cư đi nơi khác. Chết lành dân làng cũng phải kiêng việc 5 ngày.

Xem chừng chỉ có người Rhé "văn minh" nhất. Họ dùng linh cữu của người Kinh, khi đưa đám cũng đủ cả đèn nhang, phường bát âm (đàn tranh, hồ, nhị, sanh tiền, phách, kèn, sáo, trống cơm, trống khâu) ... thuê của người Kinh. Nhất là họ không kiêng chết lành, chết dữ, và không chia của, chia ăn, không quật mồ, đòi làng lôi thôi.

(còn tiếp 1 kỳ)

LAN-ĐÌNH

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST. T

- Trị các chứng đau và lở loét bao tử
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

TRAM VIỆT TRÊN VUNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 290-291)

THÁI-LAN

tự thích ứng để sinh-tồn

(Tiếp theo B.K.T.Đ. số 296)

Thành phần xã-hội và chính trị

Thái-lan là một xứ nông nghiệp. Nông dân Thái chiếm tới 80 % dân số và hầu hết không quan tâm gì tới chính trị. Vì vậy, nếu đứng về khía cạnh chính trị mà xét, nông dân Thái hiện nay chưa phải là một lực lượng có thể tạo áp lực hữu hiệu trên chính trường. Hoạt động của người dân Thái ở đồng ruộng chỉ quanh quẩn trong việc đồng áng, tế lễ và hưởng thụ những cuộc giải trí đơn giản nơi thôn ấp. Nếu người nông dân có trông chờ gì ở chính quyền thì đó chẳng qua chỉ là những đòi hỏi thỏa mãn một số nhu cầu quan yếu của họ như một ngôi trường trong làng, một con đường tốt dẫn tới quận lỵ, một số thóc dự trữ trợ cấp khi mất mùa v.v..., vì vậy từ chính thể quân chủ chuyên chế tới lập hiến và cả tới chế độ quân phiệt ngày nay, dường như người nông dân không thấy có thay đổi gì quan trọng trong xã hội thu hẹp của họ. Những mẫu mực về sinh hoạt quy định từ nhiều thế-hệ được đóng khuôn bởi nếp sống nông nghiệp cổ truyền và giáo lý đạo Phật đã trở nên những điều không thể thiếu như

đồng ruộng, như nước uống, như không khí ở các miền quê. Do đó những thay đổi thương tầng không ảnh hưởng đến những mẫu sống cổ truyền ấy. Về phương diện kinh tế, Thái không có những thành phần, giai cấp quá chênh lệch ở thôn quê nên vấn-đề đấu-tranh giai-cấp không được đặt ra. Do đó hoạt động của Cộng-sản không có chỗ để lợi dụng nên không trải rộng được trên bề mặt thôn quê. Tuy nhiên thái độ tiêu cực của nông dân Thái chưa hẳn đã là một thái độ bất biến. Tâm hồn nông dân Thái được ví như một tờ giấy trắng, rồi đây nó có thể bị bôi xanh hay nhuộm đỏ và khi đã bắt một màu thì màu khác khó ăn lên hơn là khi còn nguyên trắng. Chỉ với nếp sống tôn giáo cổ truyền không chưa đủ, mỗi người dân ở nước nhược tiểu, dù là nông dân cũng còn phải có ý thức ít nhiều về sinh hoạt chính trị, để tự mình nhận định được điều phải quấy, tránh nhầm mắt buông theo sự sách động của những tổ chức thiên tả dưới chiêu bài đấu tranh giai cấp cũng như tránh sự bóc lột khôn khéo của những phần tử bất hảo tay sai của đế quốc tư

bản Đó là điều chúng tôi thấy rất cần thiết mà những người lãnh đạo các nước tương tự như xứ Thái phải nhận thức được.

Về lao động, tổ chức thợ thuyền Thái còn rất yếu, một phần vì số thợ thuyền trong tổ chức quá ít ỏi, phần khác vì người Thái chưa có kinh nghiệm trong địa hạt này. Ấy là chưa kể đến những lúc bị chính quyền bóp nghẹt như dưới thời Sarit. Một vài cơ sở đã được thành lập như Liên đoàn Lao động Thống Nhất Thái (United Thai Federation of Labor) Hội Lao Công Tự Do (Free Workman's Association) nhưng hoạt động cũng không có gì đáng chú ý. Trong xứ Thái, những cơ sở kỹ nghệ lớn thì không có là bao, còn hầu hết những hiệu buôn hay cơ sở nhỏ xử dụng dưới 10 nhân công thì lại hoạt động dưới hình thức gần như một tập hợp gia đình, do đó tổ chức lao động không len chân vào được. Ngoài ra lại còn tổ chức lao động Hoa Kiều một tổ chức có quy mô và rất mạnh mẽ nghiêm nhiên trở thành lực lượng cạnh tranh về nghề nghiệp với lao động bản xứ.

Thành phần hoạt động và nắm quyền chính trị tại Thái-Lan có thể được tượng trưng bằng một Kim tự tháp 3 tầng. Tầng trên cùng gồm có 10 đến 15 người thuộc giới lãnh đạo cao cấp có ảnh hưởng và hậu thuẫn khác nhau tùy theo những nhóm áp lực mà họ nắm được. Nhóm này gồm một số Tướng lãnh cao cấp, một vài nhân vật đã tạo được uy thế trong hay từ cuộc Cách mạng 1932 và có thể hai hay ba người chung quanh ngài vàng, trong số những người này luôn luôn chỉ có sáu, bảy người là nắm quyền bính cùng một lúc. Tầng thứ hai gồm chừng một ngàn nhân vật trong đó có các Sĩ-quan từ hàng Tướng lãnh xuống đến

Đại-tá, những công chức cao cấp trong các ngành chuyên môn, những nghị viên hữu danh trong Quốc-hội một vài hoàng thân và sau cùng là một số nhà doanh nghiệp quyền thế.

Tầng cuối là một khối người khá đông đảo được gọi là quần chúng hoạt động. Đó là lớp thị dân có học chịu ảnh hưởng của tầng trung gian trên, trong đó phải kể đến những phần tử đã tốt nghiệp Trung, Đại học đang phục vụ trong các công, tư sở hoặc các chuyên viên trong các ngành chuyên môn, giới nhà văn, nhà báo, sinh viên những thành phần thương gia khá giả.

Tất cả thành phần hoạt động và nắm quyền chính trị tại Thái-Lan được ước tính vào khoảng từ 1 đến 2 phần trăm số thanh niên ở Thái.

Về phương diện tôn giáo, Thái-Lan chấp nhận Phật-Giáo Tiểu-Thừa như là quốc giáo. Ảnh hưởng của Giáo-hội rất mạnh trong xã hội Thái, nhưng Giáo-hội ở đây được hiểu như là những đơn vị nhỏ phân tán ở khắp các thôn xóm, không nhất thiết quy tụ trong một tổ chức tập quyền để có thể phát biểu ý kiến hay tạo áp lực trên bình diện quốc gia. Tại mỗi làng, ngôi chùa là trung tâm hội họp, văn-hóa, giáo-dục; các sư sãi trụ trì là những bậc thầy lãnh đạo tinh thần một cách tiêu cực. Giới tăng sĩ Phật-giáo theo giáo luật, cũng như quốc luật, tuyệt đối không được phép hoạt động chính trị, vì vậy từ trước tới nay Phật Giáo Thái không được kể như một lực lượng chính trị.

Nhưng rồi đây, với sự chuyển biến vũ bão của xã hội loài người trong hậu bán thế kỷ 20, chắc chắn tổ chức tôn giáo ở Thái cũng phải chuyển mình theo. Tuy

nhiên hậu quả của sự chuyển mình có tính cách « vào đời » ấy chúng ta chưa thể lường trước được : Có thể nó sẽ trở thành lực lượng vững chãi nhất chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa Cộng sản, nhưng cũng có thể nó sẽ biến thành lực lượng phản động làm chao đảo ngại cho sự tiến hóa cần phải có của tập thể Thái.

Ngoài Phật-giáo, Thái-lan còn có Hồi-giáo, nhưng người theo Hồi-giáo gốc Mã-lai quá ít, chỉ chiếm chừng 3 phần trăm dân số và phần nhiều đều tập trung ở mấy tỉnh miền Nam. Đã nhiều lần người Thái cố Thái-hóa nhóm dân này bằng văn hóa giáo dục nhưng bất thành.

Những biểu-hiệu cổ-truyền hình-thành ý-thức xã-hội

Nói đến cái khung của chính-thể Thái-lan hiện tại thì thật ra không có gì mới lạ, nó chỉ là bản sao có sửa đổi đôi chút của các chính thể có vua ngày nay tại Âu-Châu. Vua, với tư cách Quốc-Trưởng, đứng trên cả ba quyền hành-pháp, lập-pháp và tư pháp. Hành-pháp biểu hiện qua một nội các gồm Thủ-tướng và nhiều Tổng-Trưởng, Lập-pháp qua một Quốc-hội một phần được bầu, một phần chỉ-định và Tư-pháp qua hệ thống Tòa-án nhà nước. Do đó thiết tưởng chúng ta không cần quan tâm lắm đến cái vỏ ngoài này. Điều đáng quan tâm là cái ruột của chính thể, mà trước hết ta phải kể đến cái nền tảng chính trị của Quốc gia Thái. Sự hình thành cái nền tảng chính trị ấy không phải ngày một ngày hai mà có. Thật sự nó chính là nếp sống cổ truyền Thái hun đúc qua bao thế kỷ tới ngày nay. Cái đặc thái-trong nền tảng chính trị cổ truyền Thái lan có thể tóm gọn trong ba danh từ : Dân-tộc, Phật-giáo và Hoàng - gia. Ba

danh từ đồng thời cũng là ba biểu hiệu khó thay đổi trong nếp sống xứ này. Mới đây theo những trào lưu dân chủ từ Âu Tây tràn qua, xứ Thái đã có thêm một biểu hiệu thứ tư : Dân-chủ, nhưng cái biểu hiệu này có vẻ còn quá mới mẻ nên chưa bén rễ được trong sinh hoạt của quảng-đại quần chúng. Cũng như hầu hết các quốc gia khác trong vùng Đông Nam Á, quần chúng và nhà cầm quyền thầy đều còn đang trên đường học đòi nếp sống sinh hoạt chính trị được mệnh danh là dân chủ Tây phương (!) nên chưa có được một sắc thái đáng gọi là cá biệt.

Lịch sử Thái, như chúng ta đã biết sơ qua, là lịch sử một dân tộc hay nói cách khác : một chi-tộc trong một đại dân tộc, đã bỏ địa bàn Nam-Hoa di tản theo hành lang Chao Phraya (Menam) xuống miền Nam tìm đất yên ổn ấm và tránh nạn diệt chủng.

Vì vậy, nói đến Thái-Lan là phải nói đến con người hơn là nói đến vùng-đất. Chi tộc Thái, trong đại gia đình Bách-việt, từ khi định cư trong vùng đồng bằng phì nhiêu này, đã may mắn hơn chi tộc Lạc-Việt ta ở đèo gàn như thoát hẳn áp lực quân sự của Hán Tộc. Do đó, người Thái đã tổ hợp được nhiều nhóm di dân khác tạo thành một quốc gia vững chãi và xây dựng được một bản sắc đặc thù. Một điểm lửa tuy nhỏ nhưng không bao giờ tắt trong tâm tư người Thái và vẫn thường được nhiều lãnh tụ khơi cháy lên khi có dịp : đó là niềm kiêu hãnh dân tộc. Đặc biệt là trong thời kỳ 1938-1944, Phibun Song Khram đã tung ra ngón đòn chính-trị độc-đáo «giải-phóng và tổ hợp những người Thái ở Đông-mam - Á», tạo thành một bản hùng ca cho quân đội và thanh niên

thời đó. Bỏ quốc hiệu « Siêm » (1) cũ lấy quốc hiệu « Thái - Lan » đầy phần khí ch, Phibum đã không khỏi nghi đến chủ-trương « phục-hưng nòi giống ». Sự việc sờ di đã không dẫn đến một thành quả nào đáng kể, vì bên ngoài, phe phát-xít lúc ấy đang đi dần đến chỗ thất bại, bên trong, hai cái biểu hiệu cổ truyền Phật-giáo và Hoàng-gia với sự hỗ trợ của biểu hiệu Dân-chủ mới đã cản lấp khá nhiều tiếng kèn [đồng thúc dậy hồn dân-tộc của Phibun.

Sự sùng kính Phật-Giáo và Hoàng-gia (tượng trưng cho nền quân chủ) vốn đã trở thành nền nếp cổ truyền bắt rễ ăn sâu vào mọi tầng lớp quần chúng và trong lịch sử Thái đã là biểu hiệu của sự thống nhất và bảo thủ. Trước kia, mọi chiêu bài dù hay đẹp, được đề ra mà không hòa hợp được với sự sùng kính ấy cũng khó có thể thu hút được quần chúng. Đó là lý do cho thấy cuộc đảo chính 1932, dù đã thành công rực rỡ và có thể mệnh danh là một cuộc cách mạng quan trọng nhất trong lịch sử Thái vì đã cải đổi hẳn một chế độ, thể mà, thật là lạ lùng : không dựa trên một căn bản nhân dân lớn lao nào. Sự thiếu căn bản nhân dân ấy đã là một mối băn khoăn lớn cho những người cầm đầu và có lẽ do mặc cảm này mà họ đã tự mệnh danh là « Đảng Nhân-Dân », nhưng cuối cùng cái Đảng Nhân-dân một thời làm mưa làm gió trên chính trường ấy đã tan rã không còn vết tích.

Trong sự chuyển mình từ nếp sống cổ truyền sang nếp sống mới theo văn minh Tây phương, Phật-giáo tự thân không hẳn là một trở ngại, nhưng những lớp rêu mà thời gian đã làm bám vào sinh hoạt tôn giáo có thể nói là những trở ngại đáng kể. Lấy một thí dụ nhỏ : Lòng yêu hòa bình và tâm hồn đại lượng luôn luôn tha thứ là những đức tính tốt, rất tốt, cho một xã hội muốn trở nên xã hội

thật người, nhưng nếu nó biến thành tinh cầu an và tinh thần bằng quan, mặc kệ thế nào cũng xong thì ngược lại rất bất lợi cho một xã hội muốn tiến bộ. Cái biến tính ấy là lớp rêu chúng tôi muốn nói tới. Công việc rũ bỏ lớp rêu ấy đi chính là hành động « hiện đại hóa » Phật Giáo mà nhiều Phật tử Thái mong mỏi nhưng chưa thực hiện được.

Về Hoàng - gia, hay chế độ quân chủ, mà tượng trưng là nhà vua, trước kia vẫn được tôn sùng một cách tuyệt đối trong xã hội Thái. Nhà vua có quyền hành tối thượng vì quyền ấy không do dân mà có nhưng từ trời ban xuống. Quan niệm *devaraja* trong tư tưởng Ấn độ truyền qua Thái-lan cũng giống như quan niệm Thiên-tử của Trung Hoa mà Việt Nam rập khuôn lại (2). Và dĩ nhiên quan niệm thần quyền quân chủ này trở nên kì ông thề chấp nhận được kể từ khi Á-Châu gặp trào lưu tư tưởng mới ở Âu Tây và nhất là từ cuộc cách mạng Tân-Hội (1911) lật đổ nhà Mãn Thanh ở Trung-Hoa,

(1).— Siêm (Siam) là do chữ Shan mà ra. Shan là tiếng để gọi dân Thái ở đất Thái. Thái-lan (Thailand) là Đất Thái nguyên là Muang Thái (Mường Thái có nghĩa rộng hơn và cũng có ý bỏ danh hiệu chi tộc nhỏ lấy danh hiệu toàn thể bộ tộc Thái.

(1) — Cuộc sống của vua Thái trước thời xứ Thái canh tân cũng giống như là một số các vua chúa Á-châu trước kia, hoàn toàn cách biệt với nhân dân trong xứ. Nhà vua sống trong cung điện nguy nga tại trung tâm kinh đô. Nhân dân gần như không biết gì hơn về ngài ngoài những bức tường trắng, cao vây quanh cung điện, trong đó có những chóp tháp nhô lên sáng ngời. Nhà vua ít khi ra ngoài. Nếu có ra thì người ta lại thấy một cuộc hoàng du lộng lẫy bằng đường thủy hay bộ, chung quanh có hàng rừng quân sĩ và viên chức vây quanh bảo vệ. Nhà vua chỉ gặp các quan đầu triều, những người hầu cận các cung phi ; và tất cả các cuộc tiếp xúc ấy đều được diễn tiến theo nghi thức hoàng gia Ngôn ngữ kiểu cách của Hoàng gia, mà nhà vua biết và dùng thì đầy những danh từ vay mượn từ tiếng Khmer và Ấn-độ. Những danh từ ấy nghe rất kêu nhưng người thường thì khó mà hiểu hết được. (Theo Government- and Politics of Southeast Asia, 1961).

Nếu nhìn những diễn biến của chính tình Thái một cách phiến diện, chúng ta không khỏi tự hỏi: Việc lật đổ một chế độ lỗi thời như chế độ quân chủ chuyên chế Á-Châu là một việc rất chính đáng, đáng lẽ phải được quần chúng ủng hộ mới phải. Nhưng như trên đã nói, lòng tôn sùng quốc Vương đã ăn sâu bén rễ vào tâm hồn của quần chúng. Một hành động đột ngột như cách mạng 1932 nếu muốn có quần chúng tham gia hưởng ứng thời phải chuẩn-bị tư-tưởng quần chúng trước. Đảng này những người lãnh đạo cuộc cách-mạng đã không nghĩ như vậy, họ chỉ cốt xong việc lúc ấy và kết quả thay đổi chế độ thật dễ dàng, nhưng sau đó là tiếp theo thời rối loạn qua sự tranh chấp quyền hành của những phần tử tự nhận là thành phần lãnh đạo. Nếu một chính quyền có căn bản quần chúng thì chắc chắn không thể xảy ra việc ai muốn làm gì thì làm, muốn đảo chính lúc nào thì đảo! Một khía cạnh khác về phía Hoàng gia là lúc ấy Hoàng Gia chưa hẳn là đối tượng cho một cuộc nổi dậy. Rama VII tuy là một ông vua bất lực nhưng ông đã thừa hưởng những sự cải cách của các triều vua trước và hơn nữa tự chính ông cũng không muốn khur khur giữ lấy cái "quyền tuyệt đối" lỗi thời của mình, do đó công việc ông làm không đủ để gây phản nộ trong quần chúng và không đủ để tạo động lực cho một cuộc nổi dậy của toàn dân (1). Vì vậy, có thể nói cách-mạng 1932 chỉ là kết quả sự đụng chạm giữa những cá nhân lãnh đạo với nhau.

Dù sao, kể từ đó cho tới hết thế chiến 2 lòng sùng kính Hoàng-Gia cũng đã hao sút rất nhiều, có thời kỳ suy sụp đến thảm hại! Mãi cho tới 1945, sau khi quân Nhật đầu hàng uy tín Hoàng-Gia lại nổi bật lên nhờ được dùng cái mồi dử cho lợi lầm hợp tác với phe Phát-xít

trong thế chiến. Ngày nay Hoàng-Gia vẫn còn được coi là tượng trưng của sự thống nhất uy-quyền quốc-gia. Trên thực-tế, hơn ai hết chính Quốc-vương cũng tự hiểu vai trò của mình và đã giữ đúng trong tính cách *tượng trưng* ấy nên không có sự đụng chạm đáng kể nào với những người thực sự lãnh đạo xứ Thái.

PHẠM VIỆT CHÂU

(1) — Rama V (1868-1910) trước Rama VII đã sửa soạn cho sự canh tân chính thể bằng ba thay đổi lớn: Trước hết là biến vương-quyền từ quan-niệm *devaraja* (gần như Thiên-tử) sang quan niệm một Quốc-Trưởng có trách-nhiệm điều khiển chính phủ. Thứ nhì là tổ chức lại nền hành-chánh đề tăng-cường quyền kiểm-soát trung-ương và đặt các sở-quan phù-hợp với từng nhiệm-vụ và sau cùng là tiêu-chuẩn và mẫu mực hóa tất cả mọi hoạt-động chính quyền bằng cách đặt ra luật pháp theo quan-niệm Tây phương. Trong những bản tuyên cáo của Nhà Vua, người ta đọc thấy.

« Trong lúc này chúng ta thấy rõ rằng mọi lợi-ích có thể được mang đến và mọi sự cải tổ những điều lỗi thời từ quá khứ để lại không thể do một mình Quốc-vương hoàn tất được. Nếu có nhiều người cùng chung tâm góp trí lại thì tất nhiên mọi điều lỗi thời cũ sẽ bị tiêu trừ dần dần và chẳng mấy chốc sự thịnh vượng sẽ nảy nở trên đất nước chúng ta. Do đó mà một số nhân vật cao minh đã được lựa chọn và chỉ-định làm cố-vấn cho Hoàng-Gia ».

Và,

« Từ trước đến nay đã chẳng có luật lệ nào nhằm vào Vương-quyền ở Siêm vì Vương-quyền vẫn được coi như vượt lên trên luật-lệ, không có quy-tắc, sự vật hay cá nhân nào được can-thiệp tới. Nhưng sự thực mọi hành-động của Quốc-Vương cũng phải thích đáng và hợp lý mới phải. Do đó, chúng tôi không chống lại việc đặt ra những luật lệ nhằm riêng vào Vương quyền. (Theo *Governments and Politics of Southeast Asia*, 1961).



Nhức đầu
• Nhóng
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

*Những nhà văn nổi danh trong giai đoạn
trưởng thành của văn học trung quốc hiện đại*

MAO THUẦN

L.T.S. Trên Bách-Khoa số 269-70 (15-3-68) chúng tôi đã đăng bài « Vài nét chính của Văn học Trung quốc hiện đại » của Ô. Nguyễn Hiến Lê và trên những số báo kế tiếp chúng tôi cũng giới thiệu 2 nhà văn tiêu-biểu là Lỗ Tấn và Lão Xá. Bắt đầu từ số Bách-Khoa này chúng tôi lại xin giới thiệu thêm 2 nhà văn nổi tiếng trong giai đoạn trưởng thành của Văn-học Trung-quốc hiện đại : Mao-Thuần và Ba-Kim. Mao-Thuần là « sử gia của cách mạng Trung-hoa », lại am hiểu tường tận tâm trạng rất nhiều giới trong xã hội ông vào thời-kỳ sôi-động 1925-40, còn Ba-Kim đã « đã làm tiếng loa cho cách-mạng » là nhà văn được nhiều thanh niên Trung-hoa tìm đọc vì ông đã diễn tả được những thắc mắc thời đại của họ.

Các bài nói trên đây đều rút trong bộ « Văn học Trung quốc hiện đại » của Ô. Nguyễn Hiến Lê sắp xuất-bản.

Mao thuần tên thực là Thầm-Đức-Hồng, sau đổi là Thầm-Nhận-Băng, bút hiệu rất nhiều. Sinh năm 1896 ở tỉnh Chiết Giang, trong một gia đình phong lưu, được cha dạy dỗ cho từ nhỏ, mười tám tuổi vào Bắc Kinh đại học, nhưng vì gia đình sa sút, ba năm sau phải bỏ học, làm thợ chữa bản in (thầy cò) ở nhà Thương-vụ ấn-thư-quán. Ông viết kịch, phê-bình văn chương nhưng nổi danh nhất về tiểu thuyết.

Từ năm 1921 ông đã cùng Trịnh-Chấn - Đạc, Chu-Tác-Nhân... lập hội Nghiên-cứu văn-học ở Bắc-Kinh được cử trông nom tờ Tiểu-thuyết nguyệt-báo, đã bắt đầu phê bình và dịch thuật, nhưng đến năm 1927-28, một bộ ba cuốn Áo Diệt, Động dao và Truy cầu

mới làm mọi người chú ý tới ông. Vậy ông đã dự bị khá lâu trước khi bước vào ngành tiểu thuyết. Trong thời dự bị đó ông đọc nhiều tiểu thuyết Âu-Tây, từ Pháp, Anh, Nga tới Ba - Lan, Đan-Mạch, Thụy - Điển... Ông thích phái Tự-nhiên của Pháp.

Ông có ủng hộ phong trào Cộng-sản từ năm 1925 nhưng cũng như Lỗ-Tấn, Quách-Mạt-Nhược, không vô đảng. Khi Quốc và Cộng chia rẽ, ông lui về Giang Tây dưỡng bệnh, rồi 1927 hay 1928, ông lên Thượng Hải viết ba truyện kể trên, sau này gom lại thành bộ Thực.

Thấy được hoan nghênh, năm 1929 ông viết thêm những truyện *Dã tường vi*, *Hồng* (cầu vòng), khá sâu sắc về tâm lý mặc dầu có chịu ảnh hưởng của lý thuyết cộng sản.

Năm 1933, ông xuất bản bộ *Tí địa*, một tác phẩm lớn theo kỹ thuật của phái tự nhiên, mà nhiều người cho là có giá trị nhất thời đó. Ngoài ra còn nhiều tác phẩm trung bình như *Đa giác quan hệ* 1936 tả cuộc khủng hoảng kinh tế ở Thượng-Hải năm 1934.

Về phê bình có : *Hiện đại văn nghệ tạp luận* (1929); tùy bút có : *Tốc tả dữ tùy bút* 1935, *Ấn tượng cảm tưởng hồi ức* (1936)

Trong chiến tranh với Nhật, hồi Hương-Cảng mất, ông đi Trùng-Khánh, rồi Tân-Cương, làm hội-viên hội Trung-Sô văn hóa ; rồi lại trở về Trùng-Khánh gia nhập ban Văn-hóa của Quốc-Dân-Đảng, tới hết chiến tranh mới trở về Thượng-Hải, xuất bản tờ *Văn hiến*.

Trong mấy năm đó, ông viết những cuốn *Sơ đồ diệp hồng tự nhị nguyệt hoa* (1943) tả ảnh-hưởng các tư tưởng cổ tới thanh niên hiện đại ; *Đệ nhất giai đoạn lịch cổ sự* (1945) tả tình cảnh Thượng-Hải trong thời đầu chiến tranh Trung-Nhật.

Tháng chạp năm 1946 ông sang Nga diễn thuyết về văn chương Trung-Hoa.

Năm sau ông soạn vở kịch : *Thanh minh tiền hậu* tả bọn buôn bán chợ đen ở Trùng Khánh. Vở này tầm thường.

Khi Cộng-sản chiếm hết lục địa, ông lên Bắc-Kinh, rồi lãnh chức Giám-đốc ban Văn-học tuyên-tập.

oOo

Thực gồm ba phần, tả xã hội Trung-Hoa trong những năm bắc phạt 1926-1928. Trong phần đầu *Áo diệt* (Áo vọng tiêu tan) một số thanh niên tân học, hăng hái, gia nhập phong trào cách-

mạng khi quân đội của Quốc-Dân-đảng tiến lên Thượng-Hải, nhưng rồi họ bắt đầu bất mãn về một số đồng chí. Nhân vật chính là hai thiếu nữ bạn thân với nhau : Tinh và Tuệ. Tinh là một nữ sinh trường trung-học Thượng-Hải, tính tình trầm tĩnh, còn chịu ảnh hưởng của nền-giáo cũ mặc dầu đã có óc tân tiến ; Tuệ trái lại, đã du học ở Pháp, từng trải hơn, ngoài mặt tuy vui vẻ mà trong lòng chua chát.

Tinh thấy người yêu của mình chỉ là một chàng hay tán gái, lại làm mật-vụ cho chính-phủ, hóa ra thất tình, theo một nhóm bạn học làm cách-mạng. Mới đầu nàng hăng hái tin ở cách-mạng — lúc đó năm 1927, cuộc Bắc phạt thắng lợi — nhưng sau thấy đồng-chí hầu hết là không nghiêm trang, vô-trách-nhiệm, nàng đâm hoảng. Họ âu-hóa quá, mặt sát luân lý cổ-truyền, phóng đảng trong sự giao-thiếp giữa trai gái, và đời sống chính-trị của họ có nhiều nét xấu xa. Tuệ bạn của nàng, thích nghi được với đời sống đó, nàng thì không, giúp cơ-quan nào cũng chỉ được một thời gian ngắn rồi bỏ, vừa trách bạn là phù phiếm vừa trách mình là không theo kịp thời. Sau cùng nàng làm nữ điều dưỡng trong một dưỡng-đường của quân đội và yêu một thanh niên tên là Cường-Mãnh. Cường-Mãnh là hạng người phiêu lưu không có lý-tưởng, chỉ tìm trong cách-mạng một sự kích-thích cho cuộc đời. Sống với nhau được ít lâu, Cường-Mãnh phải trở về bộ đội và Tinh lại lẻ loi.

Trong phần đầu Tinh chỉ mới thấy cái xấu xa bề ngoài của cách mạng. Qua phần sau *Động dao* nàng mới nhận

chân được cái vực thẳm giữa lý-tưởng cách-mạng và thực-tế. Khi quân đội đã chiếm được một huyện trên bờ sông Dương-Tử, thì một tên phản-động, Hồ-Quốc-Quang, nhờ khéo giao thiệp, được bầu vào ban quản-trị nghiệp-đoàn công-nhân (1), làm mưa làm gió trong huyện, ai nấy đều sợ hãi như sợ cọp. Viên đại-diện của Quốc-Dân-Đảng, Phương-La-Lan trong sạch nhưng nhu-nhược, không ngăn cản được hẳn, thành thử những cái-cách thi hành bậy hết.

Khoảng giữa năm 1927, Quốc-Dân-đảng bắt đầu thanh trừ Cộng-sản. Hồ-Quốc-Quang lại khéo léo liên kết với những người trong Quốc-Dân-đảng mà trở lại tàn sát công nhân trong nghiệp đoàn. Phương La-Lan may mà thoát được. Thành thử cách-mạng chỉ đưa tới hậu quả này : những kẻ đầu cơ, tàn nhẫn tha hồ hoành-hành ; hạng có lương tâm, ôn hòa bị hãm-hại và dân chúng thì bị chém giết, phá sản. Nhân đề *Động dao* (Lung lay) tả tâm trạng của hạng người như Phương-La-Lan, không quyết-tâm dứt bỏ được những giá-trị cũ mà cũng không an tâm theo được ý-thức-hệ mới. Đó cũng là tâm trạng của Tỉnh. Họ là những người bị cơn lốc cách mạng lôi cuốn.

Đây là lời Phương-La-Lan nói với bạn đồng sự trước khi có cuộc tàn sát trong huyện :

« Các anh đã diệt bọn độc-tài lỗi cổ chỉ đề thay vào một bọn tàn ác, vô lại lỗi mới đương sinh sôi nảy nở dưới ngọn cờ cách mạng ; các anh muốn tự do mà các anh chỉ thành ra độc-tài. Các anh có đàn áp mạnh hơn nữa mà thành công, thì cũng chỉ gây được một hình thức độc-tài mới mà

các anh không kiểm soát nổi. Các anh nên nghe tôi ; nên đại-độ, nên ôn-hòa. Chỉ có đại độ và ôn hòa là mới ngăn nổi cảnh oán-thù và tàn sát kinh khủng này. Đem bản năm hay sau người đề làm gì ? Chỉ đề gây thù và chém giết nhau nhiều hơn nữa » (1)

Chủ trương đó trái hẳn với chủ trương của cộng sản nên tác phẩm bị các nhà văn phe tả đá kích.

Phần thứ ba, *Truy Cầu* (Đeo đuổi) còn chứa những tư tưởng tiêu-cực hơn nữa. Một nhóm thanh niên, đã theo cách-mạng, vỡ mộng, họp nhau ở Thượng-Hải, hy vọng tìm một con đường khác để tạo hạnh-phúc cho họ và kiến-thiết xã-hội. Rốt cuộc kẻ thì hóa ra truy lạc, tìm cái vui trong rượu chè và thanh sắc ; kẻ thì hóa ra lẩn thẩn, ngớ ngẩn, hoặc bệnh hoạn, suy nhược, kẻ thì tiêu ma cả chí khí, chỉ mong tìm được một chân giáo sư, cưới một cô bạn đồng nghiệp, sống cái đời công chức, mà cũng không được yên thân vì chịu không nổi tính tình quạu quọ của vợ ; kẻ thì nhảy vào làng báo, hờn hờ sắp được kết duyên với một bạn gái hiểu mình, nhưng gần đến ngày cưới thì ý trung nhân bị xe hơi cán chết. Đoạn kết thực bi thảm. Vậy mà những thanh niên đó vẫn còn cho rằng mình còn sướng hơn nhiều bạn chiến đấu khác hoặc đã bị giết hoặc đã truy lạc đến nỗi thành gái điếm.

Khi bị nhóm tả công kích, Mao-Thuần đáp rằng không nên ngây thơ cho những tư tưởng, cảm xúc của nhân vật trong truyện là tư tưởng, cảm xúc của ông (coi phần trên). Tôi ngờ ông

(1) Lúc đó Quốc và Cộng còn hợp-tác với nhau.

(1) Theo C.F.

đã miễn cưỡng tự biện-hộ như vậy. Vì trong bài *Tòng Cổ Linh đảo Đông Kinh*, ông viết :

« Trước cách mạng, người ta nuôi nhiều ảo tưởng về nó. Nó tới và ảo tưởng cũng sụp theo. Trước : tràn trề hy vọng. Trong (cách mạng) : hăng hái và can đảm ra sao ! tưởng chừng như hoàng-kim thời-đại đã ở trước mắt ; nhưng biến cố hôm sau... làm tan cả những mộng hạnh phúc đó và lòng con người nặng trĩu một mối đau khổ mỗi ngày mỗi tăng. Không thể không rên rỉ: Chao ôi ! Cách mạng như vậy ư ! » (1)

Rõ ràng là ông đã thất vọng về cách mạng 1925-1928, cũng như Lỗ-Tấn đã thất vọng về cách mạng 1911. Nhưng Lỗ-Tấn được hoan nghênh mà ông bị chỉ trích, chỉ vì thời-đại đã khác !

Ông bi quan ; những truyện của ông ghi lại đúng sự thực, cũng như truyện *Les Conquérants* của Malraux. Theo Monsterleet thì Mao Thuần chẳng những đã thấy mà còn dự vào cuộc cách mạng nữa. Năm 1924 ông tới Quảng-Đông hoạt động cho cách mạng và có lẽ ở đó ông đã gặp Malraux từ Sài-gòn qua. Cả hai nhận xét, ghi chép rồi viết truyện nhưng tâm lý, bút pháp của họ trái hẳn nhau.

Malraux hăng hái, tin tưởng cho nên « cuốn phim về cách mạng Trung-Hoa của ông nhiều màu và âm thanh : màu đỏ máu, không khí nồng nhiệt, nhạc đệm là : tiếng liên thanh lạch tạch, tiếng bom nổ ầm ầm, và bản Quốc tế ca; nhân vật đều là những hảo hán, khinh thị phụ nữ, hăng hái hoạt động, cảm tử, vô cùng tin tưởng chủ nghĩa cộng sản ... ».

Còn trong *Thực* của Mao Thuần thì « trời xám mù mù, không khí lạnh lùng chán nản, nhạc đệm là : tiếng than thở của mỗi tình thất vọng, lời trách ông

của nhà cách mạng tình mộng, tiếng nước nổ của tuyệt vọng : nhân vật phần nhiều là những thiếu nữ thường tàn nhẫn với người yêu, mơ mộng cách mạng, có nhiều lý tưởng nhưng cũng dễ nản lòng. »

Cả hai đều nhận xét đúng, nhưng cũng đều thiên kiến, chỉ nhìn thấy một mặt của Cách-mạng. « Mao Thuần đã chán đời, thường chỉ tiếp xúc với giới sinh-viên tiểu tư sản, nhìn mọi vật qua một lăng kính màu tình cảm và bi quan. Malraux hăng hái, sống thân mật với những nhà lãnh đạo phong trào và những chiến sĩ cộng sản, óc sáng suốt bao quát cả cảnh tượng, thấy mọi tiếng như hòa một nhịp với trái tim phản kháng của ông. Nhân vật của Malraux là những vị anh hùng say sưa hoạt động và thường khi chẳng mong mọi gì ở kết quả, nhân vật của Mao Thuần hầu hết nhu nhược, thắc mắc muốn tạo một thế giới tốt đẹp hơn nhưng thất bại rồi chán nản không đứng dậy được nữa (....) Mặt trời bị che khuất, lý tưởng héo hon, ái tính tiêu tan, Cách mạng thất bại : mặt trời đã bị mặt trăng lấp hết. (1) »

Lời phê bình trên của Monsterleet thật xác đáng.

Mặc dầu có vài đoạn xây dựng vụng, văn không mạnh và điều luyện như văn Lỗ-Tấn nhưng cũng không quá phóng túng như văn Quách - Mạt - Nhược, *Thực* đáng kể là truyện dài đầu tiên thành công về việc ghi chép lịch-sử và xã-hội Trung-hoa trong những năm biến chuyển mạnh đó.

oOo

Trong truyện *Tí dạ* (nửa đêm) Mao - Thuần cũng tả xã - hội Trung-

(1) Vì vậy Mao Thuần đặt tên cho toàn bộ là *Thực*.

Hoa vào năm 1930 nhưng lần này bối cảnh không còn là cách-mạng nữa. Ông ghi lại sự thất bại của các nhà doanh nghiệp Trung-Hoa muốn dùng vốn trong nước để khuếch-trương kinh-tế mà cạnh tranh với bọn tư bản ngoại quốc.

Ngô-Tôn-Phủ là một nhà đại doanh nghiệp đã được đào tạo ở ngoại quốc, có chí lớn, khi về nước muốn cải tạo nền kinh-tế quốc-gia. Mới đầu mở một nhà máy điện lớn để tạo một làng kỹ-nghệ kiểu mẫu, nhưng bị cướp phá phách ; rồi mở một nhà máy dệt nhưng bị bọn tư bản Nhật cạnh tranh kịch liệt, ông ta phải rút lương thợ thuyền : tức thì thợ do cộng-sản điều khiển nổi lên bãi công ông cương quyết đàn áp. Lại thêm nạn nội chiến, thị trường thu lại ; không thể đứng vững được phải xoay qua đầu cơ, phải tiếp xúc với một tên mai-bản dựa vào thế lực của tư bản ngoại quốc là Triệu-Bá-Thao.

Ngô-Tôn-Phủ tuy có rất nhiều thủ đoạn, đã thôn tính tám nhà tư-bản nhỏ vốn hơn, mà rồi cũng bị Triệu-Bá-Thao chẹn cở, thất bại liên tiếp, sự nghiệp tan ra mây khói. Ông ta phải nhường nhà máy lại cho tư bản Anh và Nhật chịu phụ thuộc kinh-tế đế-quốc. Số phận Ngô là số phận chung của các nhà doanh-nghiệp Trung-Hoa thời đó : một là chịu phá sản hai là chịu làm mai bản cho ngoại-quốc.

Tiểu thuyết *Tí dụ* có nhiều tình tiết phức tạp nhưng đề tài mới mẻ mà khéo lựa, tác giả lại chịu nhận xét, điều tra kỹ lưỡng, nên rất sinh động. Mạch lạc phân minh, có trọng điểm rõ rệt, mạch dẫu kết cấu hơi lỏng lẻo. Vì tác

giả như tham, xen vào nhiều đoạn dài tả tỉ mỉ nhiều khía cạnh của xã-hội đương - thời.

Thật đủ các hoạt cảnh : cảnh gia đình một nhà đại doanh-nghiệp, có tinh thần mạo hiểm, giàu tham vọng, muốn gây dựng nên một vương-quốc ; cảnh bãi-công trong xưởng dệt ; cảnh tranh giành nhau trong nghiệp-đoàn, cảnh đàn áp của cảnh sát ; cảnh náo nhiệt ở thị-trường chứng-khoán ; rồi những thủ đoạn lưu-manh của một tên mai-bản thậm thọt với chính-quyền, cuộc đời trụy lạc bê tha của hắn, suốt đêm dạ hội và khiêu vũ ; những mảnh khoe phản-bội nhau, ngầm hại nhau trong giới "áp-phe", nỗi phẫn uất của nông dân khi nổi dậy đấu tranh...

Nhân-vật cũng gồm đủ mọi giới. Ngoài hai nhân vật chính là Ngô và Triệu, còn một địa-chủ Phùng-Vân-Khanh, « một con hùm biết cười », bóc lột nông dân tới xương tủy, và tán tận lương tâm tới nỗi bắt con gái mới mười bảy tuổi phải bán thân cho Triệu-Bá-Thao, rồi những kẻ sống bám vào bọn doanh-nghiệp như Ngọc-Anh, « bông hoa giao-tế », làm gián điệp cho cả Ngô-Tôn-Phủ lẫn Triệu-Bá-Thao, hoặc như giáo-sư Lý-Ngọc-Đình, làm cho Ngô rồi khi Ngô thất bại thì chạy qua làm tay sai cho Triệu..:

Từ đầu tới cuốn truyện, tác giả đặt các nhân vật vào trong những cuộc xung đột và mâu-thuẫn, thất rồi cời, cời xong lại thất... và ta thấy biết bao phức tạp của một xã-hội quay cuồng chung quanh đồng tiền.

Tác giả mô-tả nhân vật nhiều chỗ rất khéo, đặc biệt là các nhân vật cổ hủ, còn tinh thần phong kiến, như

Tăng-Thương-Hải mừng rỡ riu rít khi thấy thằng con vô lại được bầu làm hội viên Quốc-Dân-đảng, tiếp theo là nỗi hoảng hốt khi thấy đứa cháu nội lỡ đá vào một bản in Tam-dân chủ-nghĩa, làm cho ta bật cười.

Cụ cố Ngô, cả đời chưa ra khỏi cồng lặn nào, tối đó được con lái xe hơi đón ra chơi Thượng-Hải, cụ ngồi xe mà lo lắng, nắm chặt lấy bản *Thái thượng cảm ứng thiên* của đạo Lão, như nắm lá bùa hộ mệnh. Mùi nước hoa của con gái và con dâu tỏa ra nồng nặc trong xe làm cụ muốn ngạt thở, cụ run sợ nhìn « đàn quái vật như đàn rắn đen trúi trúi đôi mắt chói lòa rống lên những toe toe ! và nhanh như chớp, nhắm thẳng vào cái thùng nhỏ cụ đang ngồi mà đâm tới.»

Nghệ thuật cuốn *Hồng* cũng khá cao.

Nhân vật chính trong truyện. Mai cũng là một thiếu nữ có tài học, cũng đẹp, cũng bất mãn về cô tục, về chế độ gia đình cũng có một người yêu như Loan trong *Đoạn Tuyệt* của Nhất-Linh, cũng vì thương cha mẹ nghèo, chịu lấy một người ít học nhưng giàu có, một chủ tiệm tên là Lương-Ngộ-Xuân.

Nhưng người yêu của nàng không có chí hướng, chí khí như Dũng mà chỉ là một chàng nhu nhược. Mặc dầu được chồng rất nuông chiều, nàng không thể chịu được cuộc sống tầm thường của một bà chủ tiệm, bỏ nhà ra đi tìm người yêu cũ nhưng khi gặp lại thì thất vọng ê chề.

Nàng bèn kiếm một chỗ dạy học để sống một cuộc đời độc lập, rồi lần lần thấy mình lây cái lối sống phù phiếm, nhiều thủ đoạn của bạn đồng nghiệp, nàng đâm ra tò mò về mình ; nhưng không tìm cách thoát li đời sống đó vì thực ra nàng thích nó, thích được bạn

bè sẵn đón, đeo đuôi, nịnh nọt vì nàng đẹp. Sau cùng nàng nhận mối tình của một tướng lĩnh Quốc-Dân-đảng, một con người giả dối, miệng thì hô hào cải-cách này cải-cách nọ mà trong nhà thì nuôi vợ số nàng hầu. Nàng không chịu làm nàng hầu, lãnh chức gia-sư cho con tướng lĩnh đó để che mắt thế-gian.

Rồi chán, nàng lại bỏ đi, tới Thượng-Hải, sống một cuộc đời khác. Ở đây nàng gặp nhiều bạn học cũ đã theo Cộng. Tiếp xúc với họ, nàng thấy chủ-nghĩa cá-nhân của nàng đã không đẹp đẽ gì mà từ trước cũng chẳng tạo được hạnh phúc cho mình. Tự so sánh với Lương-Cương-Phu một lãnh đạo Cộng-sản trong giới thợ thuyền, nàng thấy kém xa, sinh lòng ngưỡng mộ Lương, mà Lương tuyệt nhiên không để ý gì đến vẻ đẹp của nàng cả, điều đó càng làm cho nàng thêm cảm phục. Nàng còn do dự, chưa muốn vô đảng, nhưng khi biến cố ngũ táp xảy ra, nàng xông vào phong-trào liên, thành một con người khác, hăng hái hô hào quần chúng, bất chấp lực lượng cảnh sát và công an.

Kết cấu rất hợp với đường lối cộng sản, nhưng tác phẩm có nghệ thuật, không ra vẻ tuyên truyền. Tác giả khéo phân tích tâm lý của Mai. Nàng có lòng tự ái, nhận lời Lương-Ngộ-Xuân nhưng vẫn quyết tâm không yêu Lương. Lương thấy vậy càng chiều chuộng nàng, chiều chuộng cả cha vợ. Đêm nào ở tiệm về, chàng cũng mang một gói quà về biếu cha vợ, một gói nữa tặng vợ ; kín đáo đặt những gói đó trên bàn rồi lặng lẽ lui ra. Thịnh thoảng ngồi lại nói vài câu chuyện nhưng nếu thấy vợ không vui thì thôi. Chàng ôm cả chồng sách báo về, đủ các loại từ *Tân thanh niên* (nàng là độc giả của

tờ đó), *Tân trào...* tới những sách về vệ sinh, về bóng rổ... bảo vợ :

— Anh đem về một mớ sách đây, chắc có cuốn em thích.

Lần lần, nàng thấy như có những sợi dây êm ái nhưng chắc chắn buộc nàng với con người tế nhị đó, và nàng đâm sợ, đâm tự khinh mình nữa. Nàng muốn bứt những dây vô hình đó ra và tìm được lý do để ghét chồng : chàng ghen với người tình cũ của nàng mà trước khi cưới nàng, chàng cũng chơi bời đi lại với bọn đi điếm. Thế là nàng quyết tâm bỏ nhà ra đi. Bức thư của Lương gửi cho nàng giọng kể lể tâm sự thực cảm động :

« Em có cái lý do của em và anh không trách em đâu. Nhưng em nghĩ lại mà xem, anh có đáng trách không ? Hồi mười ba tuổi anh đã phải làm công cho người, không bao giờ được đủ ăn đủ mặc, quần quật làm suốt ngày, quét nhà, dọn dẹp mà còn bị mắng chửi, đánh đập nữa ! chịu biết bao nỗi cực nhọc ! (...) Ban ngày chịu cảnh chửi mắng đánh đập đó, ban đêm anh mơ mộng tới cái ngày anh cũng làm chủ một tiệm, cũng có một người vợ hiền, cũng được hưởng đời như ai. Bây giờ đây từ hai bàn tay trắng, anh đã dựng được một cơ-nghiệp bằng máu và nước mắt. Anh không có cha mẹ, anh em, chị em gì cả ; chỉ mong có được một người vợ hiền cho đời khỏi cô quạnh. Chỉ mong có một người vợ hiền để hưởng chung hạnh-phúc với anh. Khi anh mới gặp em, anh mừng quá, tự nghĩ rằng được em làm vợ thì chiến đấu suốt nửa đời cũng bỏ công. Nhưng bây giờ tất cả có vẻ như một giấc mộng. Tim anh cũng bằng thối, em có thể nào nghĩ rằng anh

không biết đau khổ không ? Người khác muốn gì được nấy ; anh cũng là người mà anh có đòi hỏi gì quá nhiều đâu ? Ừ, thì trước kia anh có bê tha, chơi bời thật, nhưng người đàn ông nào mà không vậy ? Sao chỉ có riêng anh bị hành phạt nghiêm-khắc đó ? Một người dù có mắc tội lớn thế nào đi nữa thì cũng phải cho người đó cơ hội ăn năn cảnh tỉnh chứ, tại sao anh lại không được cái cơ-hội đó ? Em cho rằng đời em đã tan nát rồi, nhưng thế còn đời anh mới ra sao ? Em tưởng rằng anh sung sướng ư ? Em nghĩ lại coi, em là người biết suy xét, em có thể nào đổ hết lỗi cho anh được không ? »

Chính những đoạn như vậy làm cho tác phẩm bớt khô khan và tỏ cái tài phân tách tâm lý của Mao Thuấn.

oOo

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu thêm hai truyện ngắn nữa tả dân quê của ông : truyện *Xuân tâm* (Tâm mùa xuân) và truyện *Thu thu* (Gặt về thu).

Mùa xuân năm đó, gia đình ông Lão-Thông-Bảo săn sóc mấy nông tâm rất kỹ lưỡng. Kết quả là được mùa tâm, kén lớn mà nhiều. Nhưng vì chiến tranh Trung-Nhật, nhiều xưởng dệt phải đóng cửa, không ai mua kén cả, ông lão phải bán lỗ.

Tác giả đã khéo tả sự tận tâm của nông dân : họ săn sóc mớ tâm như săn sóc em nhỏ ; họ vui vẻ làm việc và tin tưởng Trời đất phù hộ ; công việc nuôi tâm gần thành một lễ nghi có tính cách tôn-giáo. Mùa tâm đó thế là công toi, nhưng gia đình ông lão vẫn không thất vọng, không hề than thân trách phận.

Qua truyện sau, *Thu thu*, ông lão đã đau yếu, lại túng thiếu, túng thiếu nhưng vẫn lương thiện làm ăn, vẫn tin tưởng ở Trời Phật, nên khi thấy đứa cháu nội nhập bọn với dân nghèo trong làng đi cướp phá lẫm lúa nhà giàu thì ông giận lắm. Mùa đó lúa cũng trúng, nhưng giá lúa cũng hạ một cách bất ngờ, và cả gia đình ông gần chết đói. Hai lần thất bại liên tiếp, ông lão buồn bã, chua chát, bệnh hóa nặng. Khi hấp hối, lưỡi đã gần cứng, ông rầu rầu ngó đứa cháu nội, có vẻ như không trách nó nữa, mà cho hành động cướp phá trước kia của nó là phải.

Ta có cảm tưởng ông viết thêm truyện « *Thu, thu* » để sửa lại quan niệm trong « *Xuân tâm* » cho hợp với đường lối Cộng-sản, nhưng sự chuyển

hướng không quá lộ liễu mà những nét tả nông dân sâu sắc và cảm động.

Văn của ông không trôi chảy như văn của Ba Kim; trong những tiểu thuyết đầu tay nhiều câu chịu ảnh hưởng quá nhiều của cú pháp phương Tây; trong những truyện sau lời đã thuần hơn, đôi khi bóng bẩy, đẹp đẽ, luôn luôn sinh động. Bố cục thỉnh thoảng lỏng lẻo, chi tiết thường rườm. Nhưng ai cũng phải nhận rằng ông là chứng nhân, là sử gia của cách mạng Trung-Hoa, lại là tâm-lý-gia hiểu thấu được tâm trạng rất nhiều giới, đặc biệt là giới phụ nữ có tân học. Muốn hiểu xã hội Trung Hoa trong những năm 1925-1940 thì phải đọc tiểu thuyết của ông.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

'ASPRO'



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT

Sách thời-đại

TRẦN-THIÊN

Nửa tuần lễ một cuốn sách

Giữa năm 1968, tủ sách Edition Spéciale của Jacques Lauzmann ra cuốn đầu tiên. Ngay tại trường đầu in bằng chữ đậm, nhà xuất bản nêu rõ đặc điểm của loại sách này « Đây là tập tài liệu ra hàng tháng, về biến cố xảy ra trong tháng, biên soạn ngay trong tháng ấy ».

Dù có biên soạn ngay đi nữa thì cũng phải đợi cho biến cố kịp xảy ra trọn vẹn, đến chỗ kết cuộc ; sách soạn rồi còn phải in. Vì thế về biến cố sinh viên nổi loạn ở Pháp chẳng hạn : việc xảy ra từ tháng 5 đến cuối tháng 6-1968 mới xong ; cuốn *Ce n'est qu'un début* của Edition Spéciale phát hành vào tháng 8-1968.

Chỉ có chừng ấy thời giờ để soạn thảo ấn loát một tác phẩm dày 273 trang.

Chủ trương của Jacques Lanzmann, không phải là chuyện lẻ loi lạc lõng, là một sáng kiến bất ngờ. Đó chẳng qua chỉ là một trong những hoạt động đã thành ra phong trào lan tràn trong giới xuất bản Âu-Mỹ, đã gây thành một hiện tượng mới đáng chú ý trong sinh hoạt văn hóa. Viết nhanh, in nhanh, đuổi theo thời sự bèn gót : khẩu hiệu mới đấy.

Trong phong trào ấy cuốn *La Révolution introuvable* của Raymond Aron viết không đầy một tuần, cuốn *Le livre*

noir de la révolution de Mai của nhóm S.N.E.S.U.P được hoàn thành trong vòng mấy ngày !

Viết đã gió tấp mư sa như thế mà nhà xuất bản vẫn cứ sốt ruột không chờ nổi. Vì vậy viết tới đâu người ta đưa xếp chữ ngay tới đó, không đợi đến ngày tác phẩm thành hình đủ đầu đủ đuôi. Kiểu làm việc ấy được phản ánh ngay trong tác phẩm, đôi khi một cách lý thú. Chẳng hạn trong cuốn « *Ces idées qui ébranlent la France* » của Epistemon ở trang 10 thợ in xếp sai một chữ : đáng lẽ là « vague démographique » họ xếp ra « rage démographique » ; đến trang 105, tác giả đã nêu lỗi ấy ra tán thêm mấy lời.

Mỗi cuốn sách một nhóm tác giả

Soạn thảo lấy nhanh, đa số những tác phẩm ra đời theo lối ấy tự mệnh danh là một « hồ sơ ». Nó chỉ có tham vọng cung cấp cho người đọc một mớ tài liệu, sốt dẻo nhưng mà hỗn độn, đôi khi mâu thuẫn nhau. Sự nhận định, tiêu hóa đồng hồ sơ tài liệu ấy thuộc về phần độc giả.

Thử mở ra một « hồ sơ » : Phần chính của cuốn *Ce n'est qu'un début* gồm tám cuộc nói chuyện khác nhau với tám nhân vật và nhiều bài phỏng vấn. Nội dung những câu chuyện ấy không ăn khớp với nhau, vì mỗi người mỗi ý, có khi người này trái nghịch với người kia. Người ta gặp những tiêu đề như : Alain Touraine

nói, Alfred Kastler nói, Jacques Paoli trả lời, François Truffaut thuật lại v.v...

Tóm lại đó là một công trình góp nhặt từ nhiều hướng.

Vậy nó đòi hỏi một phương pháp biên soạn đặc biệt. Thường thường là biên soạn tập thể : công việc được giao cho một người xếp đặt, chỉ huy, nhưng do nhiều người cùng phân công nhau thực hiện. Bài vậy mỗi hồ sơ là một công trình của một « ê-kíp ». Chẳng hạn, cuốn *Ce n'est qu'un début* nói trên của một « ê-kíp » do Philippe Labro cầm đầu, với sự cộng tác của Michel Abrami, Michèle Manceaux, Robert Jammes, Jean Letit v.v... tất cả trên mười người. Cuốn *Les élections présidentielles américaines 1968* do một ê-kíp hãng thông-tấn A.F.P. Cuốn *Lété des tanks* (về vụ Tiệp-Khắc năm ngoái) do Pierre Dumayet và Pierre Desgraupes hợp tác với chín phóng viên khác...

Khi nhà Le Seuil muốn có một hồ - sơ về thời - sự Do - thái, họ gửi đến xứ này một ê-kíp do Julien Besançon cầm đầu; khi Edition Spéciale muốn có một hồ sơ về chiến tranh Trung Đông, họ cũng gửi đến đây một ê-kíp do Jean Lartéguy cầm đầu...

Mỗi tác giả một máy ghi âm

Những đoàn người ra đi ấy được trang bị hẳn hoi. Chủ yếu là chiếc máy ghi-âm.

Đến nơi xảy ra biến cố, các phóng viên chia nhau chạy đôn chạy đáo để tìm tài liệu. Ông này thuật lại một chuyện, bà kia phát-biểu một cảm tưởng, nhân vật nọ tuyên bố, nhân vật

khác giải thích suy-luận v.v..., tất cả đều được ghi vào băng nhựa đầy đủ.

Khi cả ê-kíp hợp lại để đúc kết tài liệu thì thường khi có những đoạn băng ghi-âm được chuyển trọn vào sách không sửa chữa. Một phần để cho nhanh chóng, một phần cũng là cốt để giữ nguyên tính-cách trung-thực của nó. Vì vậy mà nhiều đoạn sách mang rõ tính-chất thoại-ngữ.

Phương pháp làm việc với chiếc máy ghi âm trên tay không phải chỉ cần thiết cho một tập-thể phóng-viên. Có những tác phẩm của một người cũng được soạn thảo với máy ghi âm: *La révolution introuvable* của Raymond Aron, *Le mouvement de mai ou le communisme utopique* của Alain Touraine... Ngồi đàm đạo lan man, tự nhiên nói tới đâu ghi tới đó, rồi sau mở băng ra, nghe lại, sửa chữa lại chút ít, cho in : sáng tác như thể thoải khoả mà nhanh.

Nhưng phải công nhận rằng bên cạnh các ưu-điểm, phương pháp làm việc này cũng có cái bất tiện. Nghi đâu nói đó không sao có thể cô đọng bằng cầm bút suy-tư chín chắc rồi viết, viết xong lại xóa đi chữa lại. Lời nói bao giờ cũng loãng hơn là câu văn. Và dù người nói có minh mẫn đến đâu, những ý tưởng phát biểu ứng khẩu cũng không được xếp đặt có mạch-lạc phân-minh bằng những ý tưởng viết ra trên giấy.

Một người ứng khẩu về một vấn đề, lúc in ra xem đã khó tránh khỏi lan man lộn xộn. Hướng hồ một hồ sơ gồm ý kiến nhận xét của nhiều người, làm sao không gây cho người đọc một cảm tưởng bề bộn, hỗn loạn. Bởi tìm ra trong đồng tài liệu ấy những điểm chủ-

yếu, then chốt, vượt khỏi đồng tài liệu ấy để có cái nhìn toàn diện tổng quát, thật khó khăn.

Để giúp độc giả giải quyết các trở ngại ấy, những "hồ sơ" soạn thảo theo lối ghi âm dần dần được trình bày với một vài đặc điểm về ấn loát. Mở một vài tập "hồ sơ" như thế, lật nhanh qua loa các trang sách, đã thấy ngay là loại sách này trông có chỗ khang khác đối với sách cổ điển xưa nay.

Lối trình bày của nó tránh đưa ra những trang chữ đều đều buồn tẻ tiếp nhau. Trang sách "hồ sơ" có khi thu hẹp lại, để dành ngoài lề in đậm những hàng chữ tóm tắt ý chính. Lại có khi giữa trang sách có một cái khung, bên trong nêu mấy con số thống kê, cuốn sách có nhiều tài liệu tham khảo phụ đính v.v..., nói chung thì trông qua cách trình bày có chỗ tựa hồ gần với tờ tạp chí hơn là cuốn sách cổ điển.

Mục đích của lối ấn loát như thế là khiến người đọc có thể đọc nhanh. Những ai nóng ruột, không muốn đi sâu vào những câu chuyện dài dòng thuật bằng thoại ngữ lộn xộn, thì cứ việc lướt qua các đề mục lớn, các đồ thị, các chữ in đậm, các chỗ đóng khung v.v... cũng có thể hiểu đại khái vấn đề.

Quần chúng ham chất tươi.

Gần với tờ báo về hình thức trình bày, gần với tờ báo về nội dung bám sát vào thời sự, lại còn gần với tờ báo về cả cách thức biên soạn tập thể; rồi cuộc loại ấn loát phẩm mới mẻ này cũng nhằm tới hạng quần chúng độc giả của báo chí. Tức là hạng quần chúng đông đảo.

Thực vậy, độc giả không đông không đủ nuôi sống nó. Bởi vì nó tốn kém dữ quá. Soạn nên một bộ *Critique de*

la raison dialectique, triết gia Jean Paul Sartre chỉ tốn có chất xám của ông mà thôi. Đằng này cứ một ê-kíp đi Trung-Đông để viết về cuộc chiến tranh Do Thái-Ai Cập thì phải đài thọ tiền phí xê dịch ăn ở cho họ, phải trả công kẻ ghi chép tài liệu, phỏng vấn, lại phải trả công kẻ phiên dịch các tài liệu, các cuộc phỏng vấn từ tiếng địa phương ra v.v... Nghe nói phí tổn trung bình một công trình như thế từ 30 000 đến 100.000 quan tiền Pháp.

Vốn xuất ra nhiều thì phải thu nhiều mới bù lại kịp, do đó loại ấn phẩm này không được phép in dưới mười lăm nghìn cuốn. Tiêu thụ mà dưới con số ấy là coi như một vố thất bại nặng.

Viết ra thứ sách cổ điển, thứ sách như xưa nay vẫn gọi là sách, thì phải nhà văn danh tiếng mới dám ước mơ đạt được con số ấn-hành mười lăm ngàn cuốn cho mỗi tác phẩm, đằng này một mớ tạp nhạp, góp nhóp những lời nói ghi vội vàng, sao chép vội vàng, vậy mà dám đòi tối thiểu phải bán tới con số ấy! Sự kiện này chứng tỏ một nét tâm lý quan trọng của quần chúng hiện nay: là sự tò mò mãnh liệt của họ đối với các biến cố xảy ra trên thế giới.

Con người hiện đại muốn biết hết những gì xảy ra khắp nơi. Muốn biết càng trực tiếp càng hay. Họ muốn chính mắt trông thấy kẻ ám sát bản mục sư King, chính tai nghe sinh viên Paris gào thét, tự mình nhìn rõ trẻ con Biafra hấp hối, quân lính Ai cập chạy dài trên sa mạc v.v... Họ muốn tiếp xúc thẳng với cuộc sống nguyên chất.

Lâu nay nhu cầu ấy của quần chúng được thỏa mãn tuần tự nhờ nhật báo,

rồi nhờ vô tuyến truyền thanh, sau đó lại nhờ vô tuyến truyền hình. Ở đâu những hình thức ấy cũng ăn khách. Nhưng chỉ có những hình thức ấy thôi, còn cuốn sách thì từ trước tới giờ nó vẫn được phép đứng lùi cách thời sự một quãng khá xa.

Bây giờ, không như thế nữa. Bây giờ cuốn sách cũng bị lôi cuốn vào thời sự: kẻ viết sách không còn giữ mãi được cái vẻ bình tĩnh xa cách nữa. Cuốn sách cũng đang biến dần thành ra một phương tiện cung cấp chất tươi của cuộc sống cho quần chúng.

Hiển nhiên loại sách mà chúng ta đề cập đây đang đánh dấu một biến cố quan trọng trong hoạt động văn học, đang mở một kỷ nguyên mới. Mai sau rồi nó sẽ phát triển, sẽ tràn lấn, áp đảo các loại sách khác chẳng? Mai sau rồi nhu cầu thông tin sẽ cạnh tranh một cách tai hại với sự suy tư chẳng? Ảnh hưởng của loại sách mới này rồi ra sao? sâu xa tới chừng nào?

Đó là vấn đề của tương lai. Ngay lúc này, ta hãy ghi nhận lấy hiện tượng mới, ý thức tầm quan trọng của nó.

Những tác giả không biết viết.

Lối biên tập với máy ghi âm xóa mờ vai trò của nhà văn, của cá nhân. Người ta làm việc từng ê-kíp, từng nhóm với nhau.

Nhưng làm việc tập thể chưa phải là tất cả đặc điểm của lối biên tập bằng ghi âm. Còn cái hay này nữa: là có thể rút ra nhiều tác phẩm hấp dẫn từ những tác giả không hề biết viết (văn).

Thực vậy, James Earl Ray với Sirhan Benshara Sirhan, ai nấy đều rõ đó là những kẻ chỉ biết giết mà chưa biết viết bao giờ. James Earl Ray đã giết mục sư Luther King, còn Sirhan Benshara Sirhan đã giết Robert Kennedy; cả hai kẻ ấy không phải là văn sĩ, là ký giả gì ráo. Vậy mà lúc họ vào tù,

có những kẻ xách máy ghi âm vào ghì lấy lời tự thuật của họ, đem về sửa chữa trau chuốt lại cho tử tế, rồi cho xuất bản. Dĩ nhiên J. E. Ray và Sirhan đứng tên tác giả. Khoản tác quyền to tát thu được họ dùng để thuê luật sư bào chữa. Phương thức biên tập này đang có cơ bành trướng rộng.

Chúng ta ao ước nó sẽ bành trướng ra ngoài phạm vi các lao xá. Người ta chú ý đến các tay sát nhân trước tiên là hợp lý, bởi vì sự tò mò của quần chúng vẫn thường hướng về các chuyện bạo động. Nhưng sau đó, chắc chắn người ta sẽ chú ý đến các điều có lợi ích thiết thực.

Cnằng hạn, từ lâu người ta vẫn mong được biết tâm trạng của người thợ do chính người thợ nói ra, của nông dân do chính nông dân phô diễn, của chiến sĩ do chính anh binh nhì thất học tại mặt trận tự thuật v.v,.. Nhưng hạng văn sĩ xuất thân từ hàng ngũ thợ thuyền, binh lính v.v... rất hiếm. Ngày nay, với chiếc máy ghi âm, và phương thức biên tập mới, chúng ta hi vọng vấn đề sẽ có cách giải quyết thoả đáng.

oOo

Mới cách đây không xa xôi mấy, một nhà thơ Pháp viết: «La chair est triste, hélas! et j'ai lu tous les livres.»

Gái cũng chán mà sách cũng chán, vì đã biết quá kỹ rồi, không còn gì để ham nữa!

Chao ôi! ông này lăm quá cỡ. Ông mà còn sống đến nay, trông thấy thiên hạ xum xoe ồn ào đến bậc nào xung quanh tấm thân người đàn bà, ông sẽ tỉnh ngộ hiểu rằng còn khuya "xác thịt mới thành buồn nẫu". Và ông mà biết được người ta đang soạn sách in sách với tốc độ như hiện nay thì gan lớn tày trời ông cũng không dám đòi đọc cho hết sách trong thiên hạ.

TRẦN THIÊN

IV-69

Vấn - đề dầu hỏa ở miền Nam Việt nam

● NGUYỄN-VĂN-VÂN

LTS.— Ông Nguyễn-Văn-Vân, Tiến-sĩ Địa-chất-học, Thư-ký Hội-thảo, tường-thuật với bạn đọc cuộc Hội-thảo Khoa-học liên-quan đến Dầu-hỏa, một đề-tài đã từng làm sôi bỏng dư-luận trong mấy tháng qua.

Lần đầu tiên khoa học và kỹ-nghệ gặp nhau

Ngày 8-4-69, tại Khoa-học Đại-học đường Saigon, trước một cử-tọa trên 500 người, gồm sinh-viên, giáo-sư Khoa-học, các vị thẩm-quyền của Hành-pháp và Lập-pháp, công thương kỹ-nghệ gia và đại-diện cao cấp của các hãng dầu Shell và Esso, dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Nguyễn-Chung-Tú, Khoa-trưởng, một Hội-thảo Khoa-học đã được tổ-chức với đề-tài thời-sự mà mỗi người đều mong muốn biết rõ : **VẤN ĐỀ DẦU HỎA Ở MIỀN NAM VIỆT NAM.**

Thuyết-trình-đoàn gồm các chuyên-gia uy-tín của giới Đại-học và Kỹ-nghệ. Giáo-sư Trần-Kim-Thạch, Trưởng Ban Địa-chất học tại Khoa-học Đại-học Saigon, người đã nêu ra vấn-đề dầu-hỏa ở Miền Nam từ năm 1964. Kỹ-sư Hồ-Mạnh-Trung, nguyên Giảng-sư tại Đại-học Khoa-học Huế và Saigon, hiện là Giám-đốc Nha Tài-nguyên thiên-nhiên (không tái-tạo) của

Bộ Kinh-tế, người đã từng theo dõi công-tác tìm dầu trong mấy năm qua ở Miền Nam. Giáo-sư Hoàng-Huân-Định, thuộc Ban Hóa-học của Khoa-học Đại-học Saigon và Giám-đốc Trường Kỹ-sư Hóa-học Phú-thọ, Kỹ-sư Trương-Văn-Thuấn, nguyên Tổng-trưởng Giao-thông, nguyên Giảng-sư tại Đại-học Khoa-học Huế, hiện là Tổng Quản-trị-viên Khu Kỹ-nghệ An-Hòa, Nông-Sơn.

Tổng-thư-ký Ủy-ban Tổ-chức kiêm Phối-trí-viên Hội-thảo là Giáo-sư Hoàng-Ngọc-Cần hiện là Tổng Giám-đốc Trung-tâm Công-tác Đại-học và Kỹ-nghệ, Kỹ-sư Cổ-vấn, Chuyên-gia Thượng Nghị-viện, khoa-học-gia Việt-nam đã nghiên cứu các khoáng sản và dầu hỏa ở vùng biển Đông-hải năm 1958.

Trong diễn-văn khai-mạc, Giáo-sư Nguyễn-chung-Tú nhấn mạnh đến một biên-thùy cần dẹp bỏ giữa Khoa-học thuần-túy và Khoa-học ứng-dụng cũng như giữa Khảo-cứu và Kỹ-nghệ. Giáo-sư cổ-xúy cho mọi hợp-tác bền-chặt giữa các giới đó trong mục-đích vô-tư và tiến-bộ.

Tiếp đến, Giáo-sư Hoàng-ngọc-Cần, trước khi giới-thiệu thuyết-trình đoàn và những đề-mục cần phải làm sáng-tỏ trong buổi Hội-thảo, đã khẳng định : « Một trong các phương-thức chính-yếu của công-cuộc phát-triển Kinh-tế và Kỹ-nghệ thời Hậu-chiến, là vấn-đề cộng-tác giữa Đại-học và Kỹ-nghệ, trên bình-diện quốc-gia và quốc-tế. » Cuộc hội-thảo hôm nay, với sự hiện-diện đông đủ của các giới Đại-học và Kỹ-nghệ, là một bước tiến quan-trọng của phong-trào cộng-tác thiết-thực giữa Đại-học và Kỹ-nghệ, mà hoạt-động khả-quan bắt nguồn từ năm 1963, với Chương-trình Hợp-tác Khoa-học Quân-Dân-sự. Do đó, Trung-tâm cộng-tác Đại-học và Kỹ-nghệ, trong giai-đoạn sắp đến, sẽ cần phát-triển mạnh-mẽ, đóng đúng vai trò phối-hợp tất cả những tài-năng, thiện-chí trong ngành Đại-học và Kỹ-nghệ, để biến những dự-án và nguyện-vọng thiết-tha của mọi giới liên-hệ, thành những công-cuộc tích-cực, góp phần giải-quyết những vấn-đề trọng-đại của nền Kinh-tế quốc-gia, mà trong đó, tất nhiên phải có vấn-đề *Tầm-khao và khai-thác dầu hỏa tại miền Nam Việt-Nam*. Các thuyết-trình-viên sẽ đề-cập đến : Từ tầm quan-trọng của dầu-hỏa trong nền kinh-tế quốc-gia, những khái-niệm căn-bản về địa-chất dầu-hỏa : nơi tích-trữ quan-trọng, vấn-đề tìm bẫy dầu, đào dầu trong lòng đất, đến những công-tác từ-tính và địa-chấn học đang được thực-hiện ở Miền Bắc Việt-nam, cũng như vấn-đề lọc dầu cùng những ứng-dụng của dầu-hỏa tại Miền Nam Việt-Nam, việc xác nhận chủ-quyền quốc-gia trên thềm lục-địa và những điểm quan-trọng của công-cuộc đầu-tư của

các nhà tư-bản trong và ngoài nước.

Kỹ-sư Trương-văn-Thuấn, ngay sau đó, đặt vấn-đề bằng cách nêu ra tầm quan-trọng của dầu hỏa trong kinh-tế quốc-gia, từ giao-thông vận-tải đến nông-nghiệp cơ-khí và y-tế an-ninh, cùng những cạnh-khía thiết-yếu khác để thuyết-trình-đoàn khai-triển : 1) Dầu hỏa là gì và ở đâu ? 2) Miền Nam có dầu hỏa hay không ? 3) Nên biến-chế nó như thế nào để lấy sản-phẩm ích - lợi ? 4) Ở Miền Nam, ta dùng dầu hỏa như thế nào trong hiện-tại và tương-lai ?

Dầu hỏa là thứ nhiên-liệu khó tìm và khó lấy.

Mở đầu, Giáo-sư Trần-Kim-Thạch trình-bày đề-tài : « Khái-niệm căn-bản về dầu hỏa ». Một đề-tài hoàn-toàn lý-thuyết trong đó, Ông đưa ra những định-luật quan-trọng giúp ta có thể biết đại-cương một địa-phương nào có dầu hỏa hay là không. Thoạt tiên định-luật về nguồn gốc dầu hỏa. Dầu hỏa chỉ có trong các đá trầm-tích như đá cát, đá bùn và đá vôi. Nó không thể có trong đá do núi lửa (đá xanh Biên-Hòa) hay đá trời từ ruột đất lên (đá hoa-cương ở Đà-Lạt hay Bạch-Mã). Đá trầm-tích bị nung nóng hay bị gấp nếp dữ dội sẽ mất dầu. Ngoài ra không phải chỗ nào có đá trầm-tích cũng bơm lấy dầu lên được. Người ta phải lựa đúng chỗ nào lớp đá bị uốn vòng lên, hay bị sụp đổ, hay bị che đậy kỹ, để khi dầu dồn đến thì ứ đọng lại. Một chỗ như vậy gọi là một *bẫy dầu*. Muốn tìm những bẫy dầu trong lòng đất, nhà địa-chất-học cần đến nhiều phương-pháp vật-lý cũng như hóa-học. Ví-dụ phương-pháp từ-tính, dùng để biết

chiều dày của các lớp trầm-tích qua những bất thường hiện ra trong từng trường-hợp mỗi địa-phương. Ví-dụ phương-pháp địa-chấn trong đó người ta cho nổ cột mìn, tạo nên các cuộc động đất nhân-tạo xuyên qua lòng đất để biết chiều dày của lớp đá trầm-tích và những kiến-trúc của bẫy dầu. Khi biết rõ chỗ nào có bẫy dầu rồi, người ta dùng khoan bằng thép có mũi khảm kim-cương đào thành giếng sâu trong lòng đất. Hiện nay, việc khoan giếng rất tốn kém, có cái tốn đến hàng tỉ bạc Việt-Nam và sâu đến đôi ba ngàn thước. Trung-bình cứ đào 10 giếng chung quanh bẫy thì có 1 giếng có dầu. Khi bẫy dầu ă lan ra ngoài biển, người ta phải tổ chức việc khoan giếng nơi đáy biển, với tiền phí tốn còn cao hơn nữa.

Giáo-sư Trần-Kim-Thạch còn trình một bản-đồ thế-giới, trên đó các vùng sản-xuất dầu đã được ghi rõ. Suy diễn từ diện-tích của các vùng dầu, ta thấy lượng tồn-trữ dầu rất là quan-trọng trong tương-lai. Ông cũng đã mô-tả vùng Đông-Nam-Á với các nơi đã đào được dầu như Miến-Điện, Mã-Lai-Á, Nam-Dương, Bornéo và Tân Guinée. Riêng về Việt-Nam, Ông nhường lời cho kỹ-sư Hồ-Mạnh-Trung, sau khi đã mở lối cho một hy-vọng, rằng : « Nhờ những kinh-nghiệm đúc-kết thành định-luật, nhiều nước từ trước đến giờ bị gán cho tiếng là không có dầu, nay bắt đầu khai-thác dầu... Mong rằng Việt-Nam cũng ở trong trường-hợp như vậy ».

**Miền Nam Việt-nam
chưa mất hy vọng.**

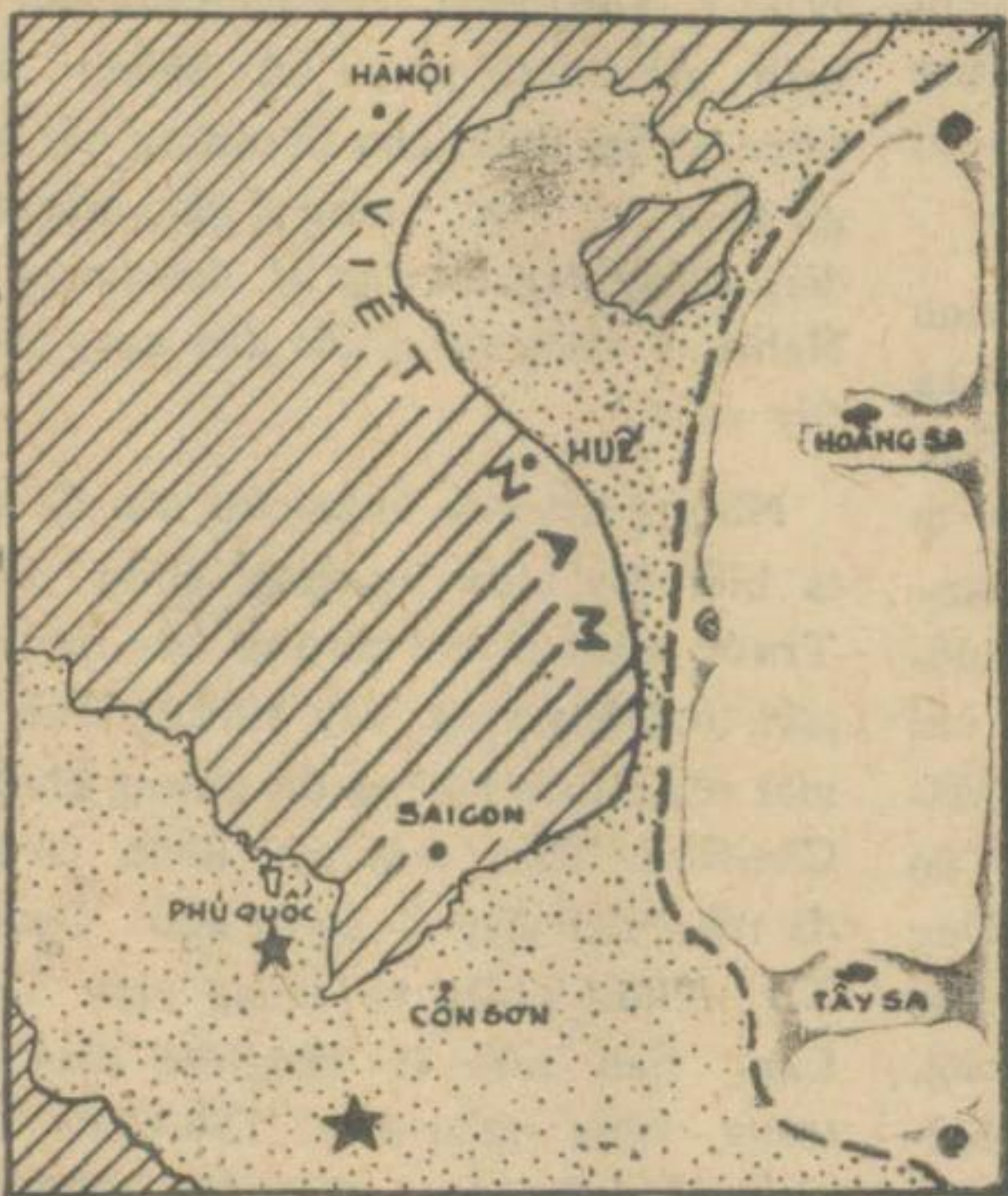
Kỹ-sư Hồ-Mạnh-Trung, với nét mặt

khắc-khò nhưng với lối trình bày dí-dỏm, đề cập ngay số phận về dầu hỏa của Miền Nam. Dựa theo các định-luật của Giáo-sư Thạch vừa trình - bày, và theo các dữ-kiện khảo-cứu của quốc-tế (Viễn-Đông Kinh Ủy-Hội) năm 1964-1965, thì đất liền của vùng này (gồm 1/4 đá hoa-cương của ruột đất, 1/2 đá núi lửa và 1/4 đá trầm-tích bị gấp nếp dữ dội) không có hy vọng gì về dầu lửa. Tuy vậy, « ngày nay, Miền Nam có hy-vọng về dầu lửa... căn-cứ trên một số dữ-kiện khoa-học đủ chính-xác, khiến đã có nhiều hãng dầu quốc-tế ngỏ ý muốn đầu tư vào việc tìm kiếm và khai-thác dầu hỏa tại Việt-Nam ». Theo Ông, cái hy-vọng đó, dù hiện giờ mong-manh vì không biết thiên-nhiên dành cho ta những bất ngờ gì, nằm nơi việc « thay vì nhìn vào lục-địa, chúng ta... hướng về đại-dương ». Nghĩa là chúng ta sẽ đào dầu ngay trong đáy biển !

Những kết-quả khảo-cứu nào đã cho ta biết đáy biển hy-vọng chứa dầu ? Trước nhất là hai đường bay từ-tính, một từ Đông sang Tây, khoảng Huế, và một cũng theo hướng đó nhưng khoảng Côn-Sơn. Theo máy ghi nhận có lớp đá trầm-tích dày ở ngoài khơi Quảng-Trị, Thừa-Thiên và trong vịnh Thái-Lan. Sau nữa là công-tác địa-chấn trong vùng quần-đảo Thổ-Châu cho phép kết-luận là... có 3 lớp thủy-tra-thạch (đá trầm tích ở dưới nước) với các bề dày : lớp 1, từ 900-1000m ; lớp 2, khoảng 2000m ; lớp 3 khoảng 3000m ; tổng-cộng độ 6.000m. Với chiều dày như thế, dĩ-nhiên chúng ta có hy-vọng nhiều hơn. Nhưng Ks. Trung vẫn dè-dặt lưu ý rằng trong lớp đá trầm-tích đó, có đá hoa cương thành lập sau

xuyên qua. Đá hoa - cương đem đến sức nóng kinh hồn, khiến cho dầu bốc hơi bay đi hết, nên hy vọng có thể ít hơn ta tưởng.

Những kết-quả khảo-cứu trên đây, do Nha Khoáng Chất Bộ Kinh-Tế thực-hiện với sự trợ lực của các cơ-quan tầm-khảo quốc-tế, đã buộc ta không nên coi thường biên-cương nước mặn của ta. Theo Ks. Trung, ngày 7-9-1967, VNCH đã có một tuyên-cáo xác-nhận chủ-quyền trên mọi diện-tích đáy biển không sâu quá 200m gọi là *thềm lục-địa*, bao bọc nước ta. Chính nơi thềm lục-địa này, với diện-tích rộng bằng hai diện-tích đất liền của Miền Nam, ta sẽ nỗ lực tìm dầu trong tương-lai. (hình vẽ dưới đây)



Pân đồ Việt-nam và Nam-hải. Sọc xéo : đất liền
Chấm mìn : thềm lục địa. Chỗ trắng : biển sâu
Ngôi sao : nơi hy vọng có bẫy dầu,

Vậy Miền Nam có dầu hỏa hay không?
Ta trả lời : Có hy-vọng. Hy-vọng này còn rất mong-manh, vì khảo-cứu của các năm qua còn nằm trong giai-đoạn sơ-khai. Thế nhưng, các điều kiện có đủ thuận lợi khiến kỹ nghệ dầu hỏa

sẵn-sàng chịu sự rủi ro lớn lao trong việc tìm kiếm ». Ks. Trung hồi thúc việc « thực hiện các cuộc khảo-sát nhằm xác-định .. các bẫy chứa dầu hỏa ». Chẳng nào việc khoan thử cho ta dấu vết của dầu, chừng đó ta mới chắc-chắn.

Kỹ-nghệ lọc dầu là cần thiết và độc-lập

Giảng-sư Hoàng-Huân-Định nói lời Ks. Hồ-Mạnh-Trung, đã đề-cập kỹ-nghệ lọc dầu và hóa học dầu-hỏa. Ông khẳng-định rằng đây là kỹ-nghệ quan-trọng, vì « hóa-phẩm của dầu hỏa trùn từ đầu đến chân của cơ thể ta » và kỹ-nghệ đó không phải chỉ có ở các quốc-gia sản-xuất dầu, mà ngay cả những nơi không có dầu hay có rất ít dầu. Ví-dụ như Pháp, chỉ sản-xuất 8 phần trăm và nhập-cảng 92 phần dầu. Thế nhưng kỹ-nghệ sản-phẩm dầu hỏa của nước đó cũng rất quan-trọng. Tóm lại, dù nước ta có dầu hay không chúng ta vẫn phải tiến đến việc thiết-lập nền kỹ nghệ hóa học đặc-biệt này.

Phần đầu tiên là xây nhà máy chưng cất quặng dầu. Người ta đem quặng dầu nấu lên. Cứ ở mỗi loại nhiệt-độ, ta có một thứ sản-phẩm :

40- 180°C	ether dầu hỏa và xăng đủ loại
180- 230°C	dầu hôi
230- 305°C	dầu gazoil nhẹ
305- 405°C	dầu gazoil nặng
405- 575°C	dầu nhớt và mỡ bò
trên 575°C	nhựa đường.

Ngoài những sản-phẩm chưng cất, ta còn có những phó-sản quan-trọng. Hydrogen của dầu hỏa đem trộn với ammoniac sẽ thành acid nitric và urée,

Sản-phẩm trước dùng trong kỹ-nghệ hó.-học, còn sản phẩm sau làm phân bón. Khí méthane CH_4 cũng được trùng-hợp để làm nhiều chất, nhất là trong kỹ-nghệ cao-su. Ethylen được đem trùng-hợp để làm chất plastic, kính plexiglas, màu nhuộm, dược-phẩm, dầu thơm, thuốc giặt v.v... Benzen được dùng làm nylon, bột giặt, thuốc sát trùng DDT. Toluene cũng được ưa chuộng, nhất là để chế thuốc súng TNT.

Theo Gs. Định, phần quan-trọng nhất là cất nhà máy lọc dầu, sau đó ta có thể nhập-cảng dầu trong khi chờ đợi dầu sản-xuất tại xứ. Có dầu tại xứ càng tốt, không có dầu tại xứ, ta cũng vẫn tiết-kiệm được số ngoại-tệ không nhỏ. Phần kế tiếp là phần chưng cất, mà ta cũng đủ sức làm như đối với phần trước. Phần sau cùng rất tốn kém, cần có một nền hóa-học cao. Ta phải thực-hiện hai phần đầu trước, rồi dần dà mới thực hiện được phần cuối.

Nói tóm lại, bài thuyết-trình của Gs. Định cho ta thấy rằng song song với việc tìm dầu, ta có thể thực-hiện ngay công-tác lọc dầu.

Dân ta càng ngày càng dùng nhiều dầu.

Ở Miền Nam, dầu hoả đã được dùng với mức gia tăng quan-trọng cho mỗi năm. Ks. Trương-Văn-Thuấn đã đưa ra các con số hùng-biến nhất trong bài thuyết-trình của ông : năm 1955, mỗi đầu người dùng 32kg mỗi năm ; 1961, 44kg ; 1967, 95-100kg. Tuy thế, so với Đài-Loan, Nam-Hàn, Nhật, Úc v.v... ta còn kém xa. Vì lý-do chính-trị, Nam-Dương thôi cung-cấp quặng dầu cho ta, cho nên ta phải nhập-cảng từ Singapour, Iraq, Ba-Tur.

Lý-do gia tăng sự tiêu-thụ là vì số xe gia tăng. Năm 1957, ta có 30.000 xe du-lịch ở Saigon. Đến 1967, ta có 40.000 xe. Đường-sá cũng nhiều lên thập bội. Ngoài ra ta còn tiêu-thụ 200.000 tấn dầu để chạy điện.

Trong tương-lai chẳng những mức tiêu thụ dầu gia-tăng nữa, mà lượng phó-sản cần thiết cũng sẽ gia-tăng. Lấy một ví-dụ dễ hiểu là Urée. Cách đây mấy năm, Ks. Thuấn được giao phó trọng-trách chế urée để làm phân bón ở Nông-Sơn, dùng than đá làm nhiên-liệu tiên-khởi. Gần đây, chính-phủ lại có kế-hoạch tạo một nhà máy urée ở Cần-Thơ, sản-xuất 3 lần nhiều hơn (tất nhiên phải dùng dầu làm nhiên liệu tiên khởi) mới mong cung ứng kịp nhu-cầu Quốc-gia.

Thế nên, dầu hoả đã và đang mở một kỷ-nguyên mới trong đời sống kinh-tế của quốc-gia và cho mọi người.

Cuộc thảo luận sôi nổi.

Phần thảo-luận, do Giáo-sư Hoàng-ngọc-Cần điều-khiển, đã diễn ra trong một không khí «Đại-học», nhưng rất hào hứng, không phải chỉ giữa thuyết trình đoàn và thính-giả mà còn cả giữa thuyết trình viên của Đại-học và thuyết trình viên thuộc ngành Kỹ-nghệ. Giáo-sư Nguyễn-Hải đã hỏi ngay rằng trước nhất kết quả về khảo-cứu trọng-lực-học và địa-điện-học của Nha Quốc-Gia Địa-Dur tổ chức có ích gì không trong việc tìm dầu và sau nữa nền đá bên dưới đồng bằng Cửu-Long-Hạ có dầu chăng ? Ks. Trung trả lời rằng các cuộc khảo cứu nói trên sơ-sài quá và chỉ có ích-lợi lý-thuyết mà thôi. Còn ở dưới lớp phù-sa của Cửu-long-Hạ, ta chưa biết gì, và nếu có đi nữa, không chắc có dầu. Dầu chỉ có

hy-vọng từ Hà-Tiên đi về phía Phú-Quốc vì nơi đó đá không bị xáo-trộn. Gs. Thạch hoàn toàn đồng ý với Ks. Trung về các điểm trên, sau khi nhắc lại luật xáo trộn và tính di động của dầu. Có sinh viên hỏi về các phó-sản dầu hỏa ở Miền-Nam. Ks. Thuấn trả lời rằng một số đã được biến chế ở Chợ-lớn nhưng chưa thành kỹ-nghệ. Ông Trịnh-Vinh-Điện, đại-diện công ty Shell nói rằng Tạ-Vinh có nhà máy dùng phó-sản rút dầu trong cám. Một thính giả hỏi thăm ở Ban-Mê-Thuật có dầu hay không? Ks. Trung khẳng định rằng dầu chảy từ trong đất ra, nơi vùng nói trên, là do xăng phế thải ngấm vào đất xốp. Đó là vùng núi lửa, tất nhiên không có dầu. Một thính-giả khác hỏi thăm lượng dầu trên thế-giới bao giờ hết? Gs. Thạch trả lời rằng càng tìm tòi, nhân loại càng thấy dầu. Trên lý-thuyết, chúng ta còn đủ dầu cho 4-5 thế kỷ nữa. Một sinh viên hóa-học hỏi rằng chúng ta có khí thiên nhiên hay không? Ks. Trung nhắc lại rằng trong đồng phù-sa của Cửu-long-Hạ có thể có khí thấp, nhưng ông khuyên không nên chế xăng bằng khí ấy, Gs. Định không đồng ý và cho rằng có lúc ta cũng cần chế xăng bằng khí thấp để dùng vào nhiều việc khác.

Đến 11g.30, cuộc thảo luận chấm dứt và nhân danh Ban Tổ-chức. Gs. Nguyễn-Chung-Tú đi đút kết buổi hội-thảo như sau:

— 1) Đẩy mạnh công cuộc nghiên cứu căn bản về tính chất đá trầm tích ở Miền Nam và kiến trúc của bể dầu hỏa; muốn thế phải kết hợp Đại-Học với các Viện, Nha Khảo cứu và Kỹ-nghệ, (mới biết rõ Miền Nam thực sự có dầu ở đâu).

— 2) Tổ chức ngay các cuộc thăm-khoáng quy-mô, trên đất liền cũng như dưới biển; muốn thế phải dự trù ngân - quỹ thêm nữa và đào tạo chuyên viên Việt-Nam (ví dụ thiết lập Cao-đẳng hầm mỏ, Viện Tầm khảo và Địa chất ứng dụng .v.v...)

— 3) Thảo kế hoạch liên-hệ đến việc lọc dầu và chế biến phó-sản bằng cách đẩy mạnh Hóa-học ứng dụng.

— 4) Lập các luật lệ rõ ràng liên-hệ đến việc đầu tư về khai thác dầu hỏa.

Hai cuốn phim màu của hai Công-ty SHELL và ESSO, nói về nguồn gốc dầu hỏa, cách đào dầu, phương pháp biến chế dầu và ích lợi của dầu trong đời sống Quốc-gia đã kết thúc buổi Hội-thảo.

NGUYỄN-VĂN-VÂN thuật

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST. T

- Trị các chứng đau và lở loét bao tử
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Sự cầu kết giữa Trung-cộng với Hoa-kiều ở **Cao-miên và Việt-nam**

LIÊN LẠC VỚI HOA-KIỀU Ở VIỆT-NAM

Phương pháp chuyển thư từ tài liệu

Hoa Kiều ở Cao Miên liên lạc với người đồng hương của họ ở Việt-nam là chuyện thường ngày của giới buôn bán. Phương tiện trao đổi tin tức nhanh chóng nhất là nhờ xe đồ, sáng đi trưa tới, trưa đi chiều tới, trong một buổi họ đã biết được giá hàng lên, xuống giữa hai thị trường. Đây là tình trạng giữa lúc hai quốc-gia còn tranh thủ độc-lập, điện thoại không dùng được, điện-tín « đi » lâu hơn thư gởi tay. Lúc ấy việc giao thương và qua lại chưa bị gián-đoạn, hằng ngày có hàng chục xe đồ lớn xuôi ngược. Những người lơ xe chuyên lãnh thư từ cũng đủ tiền xài không cần ăn lương của chủ xe ! Mỗi khi có việc quan trọng thì đích thân đương sự đi đến nơi để giải quyết còn không thì cứ nhờ xe chuyển tin. Thề thức có khó khăn đến thế nào, có phải nộp hối lộ nhiều đến bao nhiêu cũng mặc, họ vẫn đi nườm nượp như ta đi chợ.

Vào đầu năm 1958, khi tình-hình

chánh trị thay đổi, Cao-Miên nhận Đại-sứ Trung Cộng và ngả hẳn về phe Cộng-sản thì Hoa-kiều ở Saigon khó xin đi Nam-Vang và ngược lại ở Nam-Vang cũng không dễ gì xin đi về vùng Quốc-gia. Lúc ấy vai trò của lơ xe đồ lãnh thư từ càng nổi bật hơn lên. Một bức thư người gởi cho 50đ hay 100đ, khi giao người nhận còn cho thêm vài chục nữa. Ngoài những tin tức về buôn bán mà càng ngày càng hiếm hoi, người ta thấy kẻ nhận thư lãnh từng tập nhỏ, từng xấp giấy cuốn tròn khác hẳn loại thư thường từ trước. Người gửi rí tai nhờ kẻ mang hàng giấu kín một chút và nhét vào tay một số tiền nhiều bằng hai, bằng ba thường lệ. Bọn lơ xe, vâng lời khách, làm một ngăn riêng bên cánh cửa hoặc phía sau thùng đựng hàng hóa để tránh con mắt tò mò của nhân viên kiểm-soát biên-giới. Chỉ làm có một việc này mà những người lơ xe phát giàu ngang xương sau một thời gian trung thành với thân chủ ; Có ông sắm xe lô đưa hành khách, từ vai làm công nhẩy

lên làm chủ, có ông về Saigon sắm nhà lầu đổi nghề khác với số vốn kèch sù.

Xe đồ hạng lớn chở 30 hành khách nghỉ chạy vì ít người đi, loại xe du lịch mọc ra, gọi là xe đồ lữ, hoặc xe nhà. Loại xe này có ba thứ: một chuyên rước hành khách, không làm ăn theo lối tắt, một không cần người đi chỉ chở hàng hóa nhẩy dù và đi về bất thường vì phải đợi có mối mới khởi hành. Trong hai loại đầu, người lơ nào cũng lãnh thư từ, tài liệu, còn loại thứ ba thì luôn luôn trá hình làm xe du lịch hạng sang, thường chở một « ông chủ » bụng phệ và một « ả muối » mỹ-miệu trên mỗi lúc nào cũng sẵn sàng nở một nụ cười thật lảng. Xe này cũng có nhiều ngăn bí mật, trước khi khởi hành, chủ nó tháo mở các ngăn ra, nhét hàng vào! Một lần nhân viên trạm kiểm soát biên-giới bên Miên moi trúng vào một chỗ để hàng bí mật, ngạc nhiên chỉ thấy toàn sách vở chữ Tàu chứ không phải hàng hóa lậu. Tên xi thầu trên xe liền cho ả muối tổng tình ông quan nhỏ ấy để nhờ ông làm ngơ. Đó là món hối lộ đặc biệt và có hiệu quả vô cùng! Chuyển xe ấy đi lọt, nhiều chuyển sau cũng êm xuôi! Người có trách nhiệm cóc cần phải tìm hiểu xem các ấn loát phạm ấy thuộc loại gì, mà có ý muốn tìm hiểu cũng không làm sao biết nổi chỉ thấy không phải là á phiện, vàng hoặc đồ lậu thì cho qua.

« Công tác » này được thực hiện mỗi ngày từ Nam Vang về Chợ Lớn và từ Chợ Lớn về Nam Vang êm xuôi như ở Saigon đi Thủ Đức. Các quan của ta ở biên-giới Gò - dầu - hạ lúc ấy cũng chuyên môn làm kinh-tài cho vợ

con nên bỏ mặc cho đám Tàu Cộng vào ra nườm nượp. Mục đích của các quan là nhằm vào món hối lộ của chủ xe và các xi-thầu quá ư rộng rãi, còn trong xe có chở cốt mìn, trái phá làm nổ tung thành phố Saigon, các quan cũng không cần!

Tình-trạng này kéo dài từ năm 1958 đến năm 1961, hai nước cấm hẳn xe chở hành khách thông thương mới dứt. Người qua lại giữa hai quốc-gia phải dùng xe nhà hoặc đi xe đến biên-giới rồi sang bên kia đi xe khác. Việc kiểm soát tại hai trạm Miên-Việt có phần gắt gao vì người đi chỉ xách đồ đạc chút ít, rất dễ cho nhân viên thi-hành phận-sự.

Bọn Tàu đồ xoay qua cách khác, nhờ chợ Trời biên-giới Gò-dầu-hạ làm trạm giao-liên! Chợ Trời biên-giới xuất hiện vào năm 1955 sau khi hai nước Việt-Miên được hoàn toàn độc-lập và tình trạng giao thương bế tắc. Các nhà buôn nhóm họp ở khu đất trái độn trao đổi hàng hóa cho nhau, lần lần từng nhóm người với cái thúng, cái xách đến cái quán, cái lều che nắng, che mưa. Chách quyền địa phương không thể cấm đoán được phải cho họ cất ba dãy nhà cạnh lẫn ranh cách xa quốc lộ và trạm kiểm soát lối 1000 thước. Chợ Trời biên giới là khu đất Quốc-tế mà người Miên và người Việt tự do đến mua bán, không phải xin phép, xin giấy tờ gì cả. Nhiều người lợi dụng vượt tuyến sang bên này, bên kia dễ dàng. Bọn gọi thư ở Nam Vang xuống chợ Trời giao thư cho một tên ở Chợ Lớn lên tại đó nhận đem về. Tiện lợi biết bao nhiêu. Không ai có thể kiểm soát được hành vi của bọn chúng giữa một ngôi chợ hàng trăm người nhộn nhịp từ 4 giờ sáng đến 4 giờ chiều!

Không ai có thể ngờ một vài xấp thơ nhỏ bỏ trong túi kẻ đi chợ, mà ví như có khám kỹ và đọc suốt từ đầu đến cuối cũng chưa chắc hiểu hết ý nghĩa trong thư qua lối mật mã bí hiểm và lời lẽ vu vơ toàn nói về giá hàng lên, xuống, chuyện nắng chuyện mưa ! Đó là những bức thư không mấy gì quan hệ hoặc bọn chúng đoán chắc rằng ta không thể tìm hiểu nổi, còn những loại đặc biệt thì chúng nguy trang, giấu kín trong các món hàng hóa bán ở chợ Trời, như bình thủy, hộp thuốc... rất dễ qua mắt nhà cầm quyền. Một mảnh khoé cổ điển của chúng là chọn liên-lạc-viên toàn là những bà xầm già ăn mặc tầm thường như mụ bếp đi chợ. Những bà này dễ đánh lộn sòng với các thân chủ chợ trời và được nhân viên kiểm soát liệt vào hạng đi mua đồ để dùng hoặc để bán lại kiếm chút ít tiền xe. Mỗi khi đến trạm, mấy bà này nói ngô, nói ngọng liu lo, liu lường tỏ ra lương thiện cùng mình và không biết cái gì ngoài ra mấy món đồ dùng, thức ăn Nam Vang mua ở chợ Trời. Người có phận sự khám xét thường tỏ ra dễ dãi với mấy bà ấy !

Kết quả công tác

Những bức thư, những văn-kiện ấy xâm nhập vào Chợ lớn ít lâu thì tình trạng trong giới Hoa-kiều cũng biến đổi giống như ở Cao-Miên : sách in lậu phát hành đến tay bọn học sinh, các giáo viên tư thực giảng về chủ nghĩa họ Mao cho bọn trẻ. Ngay ở Chợ lớn có lần bọn Trung Cộng dám đột nhập vào trường học Hoa-kiều tuyên truyền rồi rút lui êm ru ! Hầu hết đám thanh niên Việt gốc Hoa ở thủ-đô cũng như ở các tỉnh đều thuộc lòng câu kinh nhật tụng của họ Mao : *không ba, không má, chỉ có quốc-gia* » và cho rằng cha

mẹ chúng không có công gì khi sinh chúng ra, chẳng qua là kết quả trong một lúc sinh-lý đòi hỏi. Đó là một trong những lập luận của Cộng sản để uốn nắn trẻ con lia bỏ gia đình phụng sự cho Đảng. Nhiều người Việt gốc Hoa bỗng dưng thấy con mình thay đổi tánh tình, tỏ ra ngồ ngáo với cha mẹ và có nhiều lời nói xác láo, có nhiều ý nghĩ kỳ quặc muốn bỏ nhà đi sống với « anh em », « đoàn thể » (!) mà không biết sống như thế để làm gì ? Họ tìm hiểu và được biết nguyên do từ tên thầy dạy chúng học, thường thường ở Hong-kong sang hoặc nói rằng ở lục-địa trốn thoát gông cùm Cộng Sản ! Họ lục soát tập vở của con em thì bắt gặp nhiều quyển sách, tiểu thuyết tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng-sản, đề cao tư tưởng Mao-Trạch-Đông, đề tựa ở ngoài như truyện tình cảm, truyện xã-hội. Loại sách này không để giá bán, trình bày đúng theo lối các sách in ở Hongkong nhưng kỳ thật là in ở Chợ lớn chứ không thể nào nhập cảng hàng ngàn quyển được. Mỗi đứa học trò chệt con có lối 5 quyển khác nhau mà không mất tiền, chúng được quyền cất giữ sau khi đã chuyển tay cho anh em cùng đọc xong. Câu chuyện này xảy ra ở một tỉnh nhỏ, tất nhiên tất cả các tỉnh ở miền Nam, miền Trung đều có, vì tỉnh nào cũng có trường học của người Việt gốc Hoa. Nói gì đến Chợ lớn là nơi phát xuất ra chương trình, kế hoạch ?

✓ Cơ quan Thông tin của Chánh phủ Việt nam Cộng hòa có đủ nhân viên thông Hoa-ngữ để đọc hết các loại sách Tàu bán ở Chợ lớn không ? Có kiểm duyệt đúng mức các phim tuồng ở Hong-kong thiên Cộng hay không ?

Chúng tôi muốn nói nhân viên Việt-nam chứ không phải Việt gốc Hoa vì hình như ở Bộ Thông-tin từ ngày mới lập đến giờ chưa có ông Việt-nam nào thông Hoa-ngữ đủ trình độ đọc sách Tàu. Trong ban kiểm-đuyệt báo chí có một số nhân viên Việt gốc Hoa, nhưng họ làm việc đúng theo lương-tâm, theo chỉ thị đối với đồng bào họ hay không việc đó có linh hồn Tào-Tháo, Tô-Định chứng giám cho họ. Chúng tôi xin nhắc một chuyện xảy ra dưới thời ông Diệm. Giữa lúc Bà Trưng trong ngày Phụ-nữ đề làm hậu thuẫn cho đám Phụ-nữ Liên-đới thì một nhật báo Hoa-ngữ ở Chợ lớn đăng một đoạn lịch-sử Trung-Hoa nói về Mã-Viện binh Giao-Chỉ. Trong sử Tàu, nhà chép sử luôn luôn gọi dân Việt-nam dưới thời bị họ đô hộ là Nam man là dân mọi rợ ở phương Nam cũng như các sắc dân khác ở phương Bắc là Rợ Hồ, ở phương Tây là Tây Nhung, ở phương Đông là Đông Di. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh đuổi Tô-Định được chúng gọi là hai nữ yêu, nữ quái, hai mẹ đàn bà ương ngạnh, không từng phục Thiên-triều dám chống lại Vua Trời. Ấy thế mà ban kiểm-đuyệt mờ mắt cho in mấy số liên tiếp, mãi đến khi có một độc-giả phát giác báo tin cho ông Bộ-trưởng mới vỡ lẽ ra !

Trong phiên họp của một Ủy-ban, vào năm 1964, một vị Đại tá lúc ấy còn là Trung Tá, than rằng hiện nay sản phẩm tuyên truyền của Trung-Cộng tràn ngập Chợ lớn mà chúng ta không biết làm sao tra xét nổi !

Đã có nhiều phim Tàu sản xuất ở Hongkong được chiếu ở Chợ lớn hàng

tháng mới có người báo cáo rằng phim ấy thuộc vào số phim tuyên truyền của Trung Cộng ! Người biết chuyện này nhờ có dịp đi Hongkong và thấy sự thật như thế !

Đã có nhiều bộ tiểu thuyết kiếm hiệp do ác văn nô Trung-cộng viết theo lối sách-động giới vô-sản chống tư-bản in ở Bắc-kinh, Thượng-hải bán nguyên-bản ở Nam-vang mà khi đến Chợ lớn lại thấy đề tên nhà xuất bản và phát hành ở Hongkong ! Nội dung vẫn y bản chánh ! Các dịch giả tha hồ múa bút, các nhà báo tha hồ đăng hằng ngày câu độc giả bất chấp cốt truyện có gì phản động hay không vì lẽ có người nào dịch hết quyền sách mà đưa cho ông chủ bút xem trước đâu ? Có khi nào tự ông chủ bút lựa trước rồi mới nhờ dịch, hoặc người dịch có thì giờ đọc hết tập, trước khi cầm bút bao giờ !

Trong giới Việt gốc Hoa có nhiều vị phụ huynh, ý thức được hiểm họa của Cộng-sản, rất lo ngại cho tương lai đám con, cháu đã thay đổi tư tưởng và nếp sống, sau mấy năm bị các cán bộ Trung-cộng lén lút nhồi sọ. Chỉ lén lút chứ không phải công khai như ở Cao-Miên, mà ảnh hưởng còn tai hại như thế, nếu bọn chúng được tự do thì liệu chánh phủ ta có lâm vào ngõ bí như chính quyền Cao-Miên chăng ?

Đưa thanh niên Hoa-kiều sang Cao-Miên

Vào tháng 10-1967, bọn cán bộ Trung-cộng ở Chợ lớn tổ chức đưa thanh niên Việt gốc Hoa trốn quân dịch sang Cao-Miên. Chúng nói gạt mấy câu này rằng qua đó xin giấy tờ đi

Hongkong. Một số trai trẻ bỏ tiền cho chúng dắt ra biên giới, vượt qua đất Miên. Nhưng thay vì dùng xe đồ đến thủ-đô Nan.-Vang như lời hứa, chúng gửi mấy cậu trong một căn nhà lá ở vùng quê và cấp cho mỗi cậu một thẻ chứng nhận là Hoa-kiều ở Cao-Miên! Giấy này cố nhiên là giấy giả không có nhà cầm quyền chứng thực. Mấy cậu bấy giờ mới biết mình bị gạt, nhưng tẩn thối lưỡng nan, trở về Chợ lớn thì không biết đường và không còn thẻ kiểm tra, còn ra thành phố nào của Cao-Miên cũng sẽ bị bắt bỏ tù, vì xài giấy giả! Bọn cán-bộ khuyến dụ mấy cậu kèm theo lời hăm dọa, bắt buộc phải giúp Việt Cộng, làm người hướng dẫn chỉ đường cho đám lính chánh quy Bắc Việt xâm nhập Saigon vào dịp tết 1968. Cậu nào sợ chết không nhận thì chúng bắt khiêng đạn, tải thương và cũng đi theo chúng về Nam, để có gì cần thì chúng nhờ chỉ dẫn. Kết quả, một số bỏ mạng trong các trận đụng độ, một số đầu hàng, một số bị bắt, cung khai sự thật ra! Trong mấy tháng ở đất Miên, các cậu thấy rõ ràng chánh phủ Cao-Miên chứa chấp và dung túng Việt-Cộng cư ngụ trong lãnh thổ. Chúng cất trại quân, trại huấn luyện, dựng đường dọc theo biên giới ăn nấp rất khéo dưới tàn cây trong rừng rậm, máy bay không thể phát giác được. Mỗi khi chúng kéo quân sang đất ta phá rối xong lại trở về căn cứ an toàn. Các thương bệnh binh của chúng được điều trị trong những nơi yên ổn nhất.

Tổ chức kinh tài Giúp Mặt-Trận

Ngoài những hoạt động về chính trị, đám Hoa kiều thân Cộng đặc biệt chú

trọng về mặt kinh tế để làm lợi cho cá nhân chúng và giúp đỡ Mặt-trận Giải phóng miền Nam. Tổ chức của chúng luân chuyển theo hình tam giác Nam Vang — Chợ lớn — Hongkong. Nhóm kinh tài ở Cao-Miên gửi hàng xuống Chợ lớn cho đồng bọn bán theo nhiều đường ngang, nẻo tắt. Người nhận không phải bỏ vốn ra trước nên không có gì đáng lo ngại. Tiêu thụ xong lại mua sản vật xuất cảng gửi đi Hongkong bán lấy tiền mua vật liệu chiến tranh cho Việt Cộng gửi về Nam Vang. Hàng hóa ở Cao Miên gửi xuống là á - phiện, sản xuất ở Lào, vàng lúc còn cao giá (trước năm 1967), các loại thuốc Tây mà Việt-nam không nhập cảng, thức ăn: đồ hộp, rượu của Pháp, và sản phẩm của Trung-Cộng. Nghề chạy hàng lậu của người Tàu phải liệt họ vào bậc đàn anh, đáng làm chúa trùm ở Đông-Nam-Á chứ đừng nói ở Cao-Miên hay Việt-nam. Nội cái ngón tung tiền ra hối-lộ các quan ở biên-giới cũng đủ đi lọt từng kho hàng như một trò đùa. Việc giao-thương giữa hai quốc-gia bị gián đoạn, chúng nhờ các Chợ Trời ở dọc biên-giới làm nơi chuyển hàng dễ như trở bàn tay!

Hàng ở Việt-nam gửi sang Hongkong là các loại được phép xuất cảng; Tuy nhiên bọn chúng không chú trọng lắm, chỉ cốt chuyển được số tiền qua bên ấy mua đồ cho Việt-cộng mà thôi. Chúng đã đổi giấy bạc 500đ đem qua đất Tàu để Việt-cộng phát cho lính chánh quy Bắc-Việt trước khi xâm nhập miền Nam. Việc này đã bị chánh-phủ ta phát giác, một khách sạn kiêm quán cơm hạng lớn ở Chợ lớn có dính líu vào vụ đó và đã gây sôi nổi dư luận một dạo. Nếu không có hàng hoặc

không được phép xuất cảng bằng cách
đề giá mua rất cao để chuyển tiền một
cách hợp pháp. Ví dụ một món giá
100đ chúng thông đồng với người bán
đề 500đ, số thặng-dư ấy được giao
cho đồng bọn chúng. Một số con buôn
Hoa kiều muốn chuyển tiền ra ngoại
quốc cũng nhờ lối này với món tiền
« cứng » cho Việt-Cộng. Có người nói
chúng dám chịu mất phân nửa đề được
đưa tiền tom góp ở Việt-nam ra ngoài!

oOo

Trong khoảng thời gian hơn 10 năm
qua (1957-1968) nhiều tổ chức của
thương gia Hoa-kiều ở Chợ-lớn bị bẽ
đề vì những hoạt động có hại cho chánh
thể quốc gia. Nhưng hình như bọn
chúng đã nhanh chân trốn thoát sang
Cao-Miên để tiếp tục thi hành sứ
mạng. Một trong những tay có tên

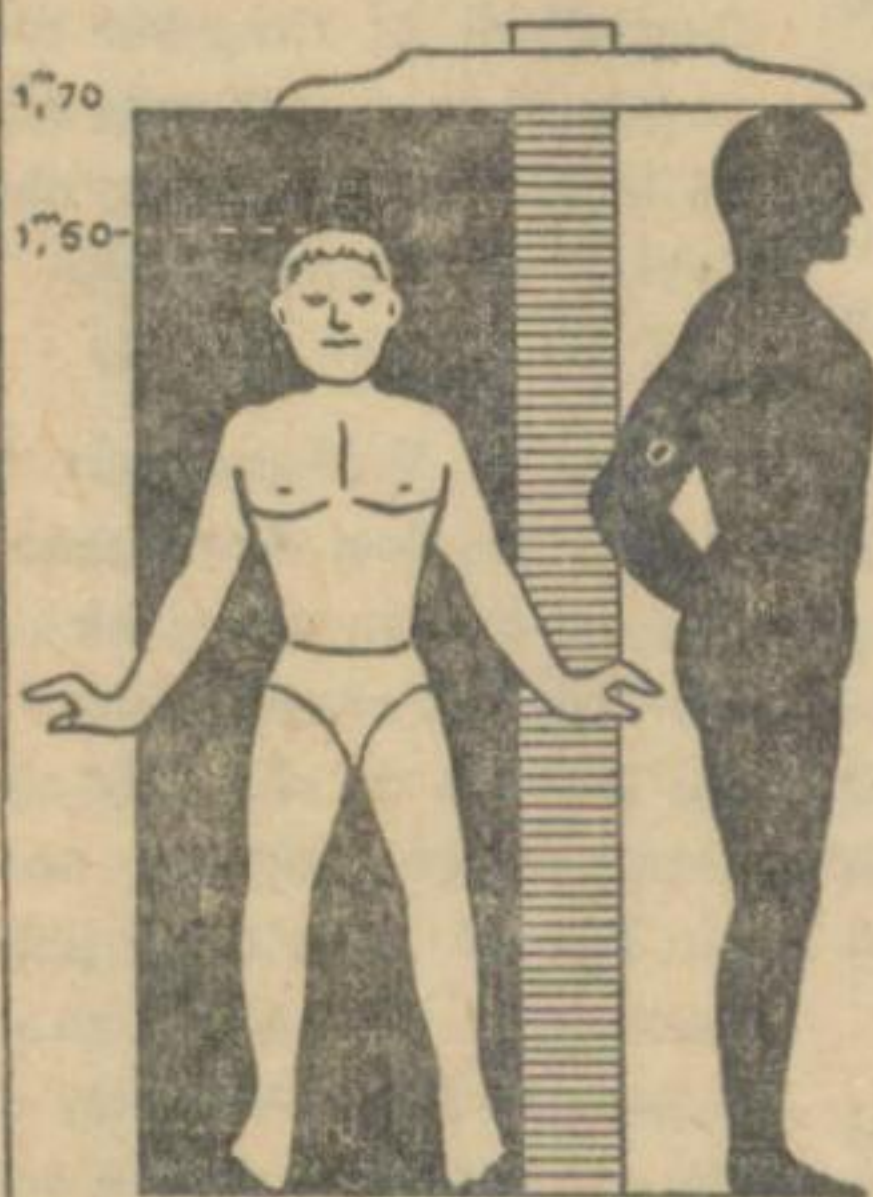
tuổi nhất là Trần-Vinh-Thành, người
Phúc Kiến đã ôm 20 triệu bạc sang
Nam-Vang vào năm 1961 và nghe đầu
hắn đã bỏ ra 5 triệu đề xin cái giấy
cư-trú hợp pháp hầu tiếp tục phục vụ
cho họ Mao!

Nhân cuộc tấn công của Việt Cộng
vào thủ đô hôm Tết 1968, Chánh
quyền phát giác sự tiếp tay của một
số Hoa-kiều thân Cộng nằm vùng ở
Chợ-lớn. Sau đó, Cảnh sát bắt được
nhiều tên Tàu Cộng chứa truyền đơn,
sách báo trong nhà và nhiều thiếu nữ
Hoa kiều võ trang ám sát công chức. Sự
kiện này chứng tỏ chúng chưa dám
hành động quá lộ liễu, nhưng cũng đủ
cho ta thấy chúng đã được huấn luyện
từ lâu và nằm sẵn đề chờ cơ hội trở
tài.

LÊ-HƯƠNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RẰNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỎI.
- MỆT MỎI.

SỐ KN 78 MBYT/QCDP

Ở một nơi ai cũng quen nhau

HOÀNG-NGỌC-TUẤN

Những sớm mai cả bọn ngủ lặn lóc trong căn phòng bỗng bị đánh thức dậy, không phải vì tiếng động náo nhiệt của xe cộ ngoài đường phố. Cổ gái đứng gần cánh cửa, thân người ở ngoài, chỉ có khuôn mặt hiện ra với một chiếc răng khềnh nụ cười và đôi mắt tinh nghịch. Cô gái kêu lên một vài tiếng trong vất, gọi mọi người thức dậy rồi lắc đầu đứng nhìn những người nằm co quắp, đôi mắt người nào cũng chỉ mở ra một chút rồi nhắm lại. Cô gái tiếp tục kêu tên từng người, trong cơn chập chờn giữa ánh sáng ban ngày và bóng tối mê mết của giấc ngủ, tiếng gọi đập vào tai mỗi người vang dội như tiếng chuông nhà thờ trong đêm Giáng-sinh. Cũng trong cơn chập chờn đó, có người nghe thấy một tiếng con gái nào đang gọi tên mình thật êm ái như tiếng đàn hay tiếng hát. Cái bọn người tuổi trẻ này, suốt ngày đã nghe âm nhạc từ sáng sớm cho đến khuya, và bây giờ tưởng là có một thằng siêng năng nào thức dậy sớm hơn cả, đang ngồi ôm đàn dạo một nhạc khúc gì đó. Nhưng rồi họ biết không phải như thế, họ dần dần nhận ra được khuôn mặt quen thuộc của cô gái và uể oải ngồi dậy từng người một, vì họ thấy nằm dài người ra trước mặt của một thiếu nữ thật bất lịch sự, đầu thiếu nữ ấy thân thiết với họ còn hơn một cô em gái. Một vài người đứng dậy dụi mắt, cầu nhàu trong miệng, lưỡi đắng nghét và nhặt nhẹo cho đến khi thắp một hơi thuốc lá đầu tiên mới thấy dễ chịu. Một thằng bắn tiện nào đó đá vào bụng những đứa đang còn ngủ say vì không muốn có người nào được ngủ nhiều hơn mình.

Có một gã con trai nằm ở góc phòng, hăn tung hết những đồng quần áo mà suốt đêm hăn dùng làm chăn bao kín lấy người, rồi la lên một tiếng thật lớn như một võ sĩ trước khi lâm trận, để lấy can đảm đứng dậy. Vừa mở mắt là miệng hăn hát ngay, không phải hát đàng hoàng những bản nhạc gì đó mà lảm nhảm hát bất cứ chỗ nào vừa đến trong đầu hăn, vì hăn có biệt tài biến thành nhạc điệu tất cả những lời nào tầm thường nhất, ví dụ như tin mừng đám cưới, cáo phó, quảng cáo xe hơi hay rao vặt bán nhà cửa trong nhật báo hăn cũng «phổ nhạc» được như thường. Cái gã ưa làm khờ lỗ tai người khác đó giờ đây nhấn mặt chào cô gái, hăn nói những lời thường lệ như những người bạn nói với nhau khi gặp gỡ vào buổi sáng. Hăn thầm mong ước sáng nay mái tóc đen của cô gái có gắn một bông hồng đỏ, sáng nào hăn cũng mong như thế nhưng chưa bao giờ hăn toại nguyện cả, cô gái không khi nào làm cái trò trang điểm rẻ tiền ấy, tóc nàng thường bó lại ở phía sau bằng một chiếc kẹp tầm thường, như thế cũng xinh xắn lắm rồi vì ai cũng khen nàng thật xinh, chỉ có hăn hơi buồn. Hăn lại thầm mong sáng nay cô gái sẽ mặc một chiếc áo dài lụa màu xanh, nhưng nàng lại mặc áo màu đỏ làm

hắn buồn chán chết được và nghĩ rằng ngày hôm nay thật là một ngày bất hạnh nhất của hắn.

Cô gái vừa đánh thức mọi người dậy như thường lệ, ngày nào cũng đến sớm để làm cái công việc của chiếc đồng hồ reo, reo một cách êm ái như màu hồng chói lọi của mặt trời, đôi khi có người nịnh rằng nàng giống như mặt trời, mỗi sáng chiếu những tia nắng thật đẹp và ấm áp làm con người tươi tỉnh. Mỗi khi nghe ai nói như thế, cô gái đều e thẹn hoặc làm bộ e thẹn cúi đầu cười một cách duyên dáng, nàng hay cười đề khoe chiếc răng khềnh ngộ nghĩnh của nàng, dĩ nhiên nàng không nói cho ai biết điều đó.

Có điều ai cũng biết là tên của nàng giống như tên của một dòng sông nhỏ : Sông Nhuệ.

Giọng nói của Nhuệ có vẻ trách móc :

— Con trai gì mà làm biếng quá trời, sáng nào cũng phải đợi người ta đến đánh thức mới thèm dậy. Thôi dậy hết đi mấy ông anh, sáng nay mình có cả khối công việc phải làm.

Một người vừa cầm lấy chiếc bàn chải đánh răng, mặc dầu vừa ngủ dậy mới một phút, trong hắn có vẻ tươi tắn nhất trong bọn, mái tóc đã chải nằm sát trên đầu. Hút xong hết liều thuốc, hắn mới gạt đầu đồng ý với Nhuệ :

— Nào dậy hết đi anh em, ngày hôm nay tui mình có quá nhiều công việc. Trước tiên là đi kiểm một tô phở với ly cà phê dẫn bụng, xong rồi ra quán nước nào ở góc phố, ngồi nhìn thiên hạ đi qua đi lại, trưa lên nhà người quen ăn cơm, ăn xong chui vô một rạp xi-nê vừa xem vừa ngủ trưa, chiều lại ra ngồi ở một quán nào đó nữa. Đêm có rảnh được phút nào đâu, lại ngồi uống cà phê, nói dóc, nghe hát cho đến khuya.

Mọi người đều có vẻ ngộp thở vì nghe quá nhiều công việc phải làm trong một ngày, và gần như ngày nào họ cũng bận rộn từ sáng đến khuya với những cái trò quen thuộc đó.

Buổi sáng đã ồn ào, ánh nắng và tiếng động của một thành phố thức giấc nổi lên như thường lệ. Thịnh thoảng có người dậy sớm lắm, vào khoảng bốn năm giờ sáng, mới nhìn thấy thực sự vẻ vắng lặng tuyệt đẹp của thành phố, khu vườn cỏ, hàng cây xanh, những ngọn đèn đường còn thấp đỏ. Thành phố sớm mai không bóng người có dáng dấp âm thầm và trong sạch như một gái trinh mười ba tuổi.

oOo

Nếu có một gã tuổi trẻ nào trạc chừng hai mươi, mỗi ngày mặc thay đôi hai chiếc sơ mi ủi thẳng tắp tay gài manchette hàng hoàng, giày màu nâu bóng loáng đóng theo kiểu mới nhất, quần màu xám tro lịch sự. Nếu có một gã nào luôn luôn diện bánh như một nhà quý tộc mặc dầu trong túi đôi lúc không

có nột đồng. Nếu có một gã nào bụng đói kinh khủng vì cả ngày không có cơm ăn, vẫn cứ bỏ hai tay vào túi quần thành thói đạo phở, hay ngồi nhà ôm đàn tây-ban-cầm khẽ hát một bài tình ca lãng mạn, dù bụng trống không âm thanh vẫn cất lên cao mạnh mẽ. Nếu có một gã nào như thế trên trái đất này, chắc hẳn gã ấy chỉ có thể là Xuân.

Xuân là người vừa kê khai dài dòng những công việc trong ngày cho cả bọn nghe, miệng hần ngâm một điệu thuốc, tay ôm đàn dạo một khúc nhạc nhưng chưa dứt hẳn đã bỏ đàn xuống, lục hộc bàn lấy ra một tờ giấy trắng và cây viết, và bởi vì hần là một thi sĩ nên khi có những vật dụng trong tay như thế dĩ nhiên là hần làm thơ, thơ tình yêu hay thơ chí hiếu có nhắc đến công ơn mẹ cha như hần vẫn thường làm. Xuân học ban Triết ở Đại-học, nhưng đó không phải là khía cạnh đáng chú ý của hần và ngay chính hần cũng ít khi quan tâm đến nhà trường cả. Xuân chỉ hăng diện và cố gắng trau dồi những tài vật đặc biệt của mình, hần thật là một người có nhiều thiên tài về mọi mặt: thi sĩ ca tụng tình yêu, cha mẹ và quê hương; cổ vấn về thời trang; chuyên môn đàn đệm thật tài tình cho ca sĩ hát mặc dầu trong bụng không có lấy một chữ nhạc lý; kịch-sĩ hài hước xuất sắc; người kể những chuyện dâm-dục dự tưởng rất kinh khủng; họa sĩ viết chữ đẹp v.v...

Sáng nay Xuân đang làm một bài thơ lục bát, hần cố gắng mới xua đuổi được hình ảnh của những tô phở, hủ tiếu, cà phê trong trí óc để tưởng tượng đến một cánh đồng lúa xanh ngày thanh bình. Nhưng rồi hần vút bút, đứng dậy mặc một bộ áo quần bánh bao vào, nói với lũ bạn một câu không dính dấp gì đến thi ca cả.

— Thăng nào còn tiền dẫn đi ăn sáng mau, đói quá rồi mà cứ chậm chạp như rùa bò.

Có một người nào đó gật đầu, chỉ tay vào túi quần ra dấu là có tiền làm Xuân hài lòng, hần cảm thấy vui vẻ hơn đôi chút, và những khi vui vẻ là hần cố nặn óc để nghĩ ra một câu chuyện khôi hài gì đó. Xuân quan sát một thằng mập nhất trong bọn, thằng này có bộ mặt mà các bà thầy bói xem tướng rất khoái, nghĩa mặt no tròn, mắt to, mũi lớn, trông tương lai có vẻ rục rở lắm, nhưng chiều dài của thân hình hần hơi ngắn. Xuân mở to mắt kinh ngạc kêu lên:

— Ê Thạch, sáng nay trên đầu mày có mọc những cái gì dính chùm với nhau kinh khủng vậy.

Ảnh hưởng của câu chuyện anh chàng Samba hóa thân thành con bọ hung làm Thạch nghĩ rằng mình dám bị cái điều bất hạnh đó lắm, hần kinh hoảng chụp lấy chiếc gương soi mặt, lắp bắp kêu lên:

— Đâu? Có gì trên đầu tao đâu?

Xuân đáp bình thản :

— Có tóc chứ gì nữa. Mày không thấy sáng nay tóc mày tự rụng dính sát nhau sao ?

Thạch định ném chiếc xương soi mặt vào bộ mặt khoái trá của Xuân nhưng hần chợt dừng lại, kịp nghĩ là cả bọn chỉ còn một tấm gương soi này thôi, nếu làm vỡ là mỗi sáng phải soi mặt chải đầu bằng cách nhìn vào chiếc bật lửa Zippo nhỏ xiu, hay là phải tìm một đôi mắt nào to và trong sáng nhất để soi mặt mình trong mắt đó, thông thường phải nhờ đến đôi mắt của cô em gái Sông Nhuệ. Thạch đành cười theo trong những tiếng cười của lũ bạn, hần nói :

— Thằng Xuân mới mở mắt là biết làm hề rồi. Mẹ nó kể với tao nó mới lọt lòng mẹ là đã biết thọt lét mấy cô y tá.

Thạch có vẻ tạm bằng lòng với lời nói của mình, hần xếp những đồng giấy tờ vào trong một chiếc cặp da đen, rồi hần lấy sổ tay có ghi chi chít những số điện thoại và giờ hẹn gì đó với dáng nghiêm trọng. Hần nói với lũ bạn là ăn điểm tâm xong hần có rất nhiều công việc phải làm, nào là lên trường đề bìn luận với bọn sinh viên về một vụ tranh cử gay go sắp đến, dự một cuộc hội-thảo về tha h niên, tìm gặp và « nói chuyện » với mấy ông nào đó đề vận động tổ-chức thành lập đoàn-thể này nọ hay xuất bản một tờ báo gì đó. Thạch học cùng lớp với Xuân và hai đứa chơi thân với nhau từ nhỏ nhưng tính tình Thạch trái ngược với Xuân, nghĩa là Thạch sống khá ngăn nắp, siêng năng, làm đủ mọi công chuyện, hăng hái hoạt động và bây giờ có chân ở trong hầu hết các hội đoàn sinh viên, thanh niên. Thạch ôm chiếc cặp da trong tay, hần hăng hái nói với lũ bạn :

— Năm nay tao nhất định đắc cử Chủ-tịch sinh viên ở trường, đã thảo một kế hoạch tranh cử vĩ đại và khoa học lắm. Rồi từ đó nhẩy ra nắm ghế Chủ-tịch sinh viên toàn quốc luôn, lúc ấy tha hồ có phương-tiện làm báo, in sách, tổ chức hội thảo, văn nghệ đủ thứ. Học xong ở Đại-học là mình trở thành quen thuộc với người và kinh nghiệm dồi dào rồi lần hồi có thể làm Dân-biểu, Bộ-trưởng và cuối cùng là làm Tổng-thống. Tụi mày thấy tao tính trước tương lai như thế được không ?

Một thằng nào đó trong bọn vừa ngáp vừa trả lời :

— Thạch à, mày là cái thằng chỉ trong năm phút đã nói ra hết những điều mà có khi mày phải bỏ hai ba cuộc đời của mày mới làm hết được. Như vậy không phải là chính trị nữa, mà là làm thơ, làm thơ là một việc đáng khuyến khích lắm. Nhưng mày lại đâu có muốn làm thi sĩ, phải không ?

Nhưng Thạch không nghe câu trả lời đó, hần đang mải mê với những dự-định, kế hoạch tốt đẹp trong đầu óc.

Khi Sông Nhuệ bước ra khỏi phòng, cả bọn khoảng năm sáu người lần lượt đi theo nàng. Họ đứng lại một lát trong khu vườn, nhìn cả một đám cỏ dài xanh ngắt bao kín quanh bác chân của họ như một dòng suối chôn kín những viên sỏi trắng. Trong khu vườn đầy cỏ dài ấy, một quán cà phê lợp tôn và một dãy nhà thấp lụp xụp làm bằng những vật liệu thô sơ như gỗ rơm, cát-tông nằm gần bên nhau. Căn phòng mà bọn người vừa mới rời khỏi nằm trong dãy nhà đó.

Khu vườn là một mô đất cao, nên đứng ở đây họ có thể nhìn thấy hoàn toàn một đoạn đường phố trước mặt, những mái nhà, xe cộ, hình người có những màu đỏ, nâu, hay xám di động như một khúc phim quen thuộc. Cả bọn không ai bảo ai nhưng tất cả đều tự động bước đi hướng về một quán cà phê quen thuộc nằm trên vỉa hè của một con đường ngắn thường thường có nhiều bụixe, nhưng thỉnh thoảng, sớm mai và buổi trưa, yên tĩnh cho người ta nhìn thấy con đường hơi đồ dốc về phía trung tâm thành phố.

Khi ra ngoài đường, ngoại trừ sông Nhuệ vì nàng là cô gái duy nhất trong bọn, còn tất cả mọi người đều đưa cột bay ngắm nghía kỹ càng những người đàn bà xấu hay đẹp đi qua trước mặt họ.

oOo

Căn gác của Lê-Mai thật nhỏ, vừa đủ để đặt chiếc giường ngủ, tủ gương và còn lại một khoảng trống, nên việc bếp núc phải làm ở nhà dưới. Khi nàng ôm tô canh bốc khói thật lớn và cẩn thận đi từng bước một trên bậc thang gỗ, nàng suýt chút nữa đụng phải một thang đang múa may chân tay ở trên gác, cái thang suýt chút nữa làm cho cả bọn hụt hẫng thức tô canh chua cá lóc ngon lành đó là Thạch, hắn đang biểu diễn cho bạn bè xem một kiểu đọc diễn văn theo điệu của Hitler. Lê Mai ngồi gần nồi cơm, xới cơm cho từng người, trước mặt nàng là những món ăn thật hấp dẫn đối với một lũ hấu ăn ngồi chờ cơm này giờ: canh chua rau muống luộc, mắm cà, cá lóc nướng, bữa cơm thật dễ chịu, vì cả bọn không khách sáo gì cả, cười nói ồn ào và thi nhau ăn thả cửa. Mà muốn có những bữa ăn như thế này cũng không khó khăn gì, chỉ cần cử một thang bạo miệng nhất thứ thật: «Mai à, bọn này hết tiền ăn cơm rồi, trưa lên nhà Mai ăn cơm nghe». Thế là xong, Lê Mai chỉ cần chịu khó nấu nướng thêm vài món và mời cả bọn đến, bà ngoại già của nàng ở tầng dưới cũng không than phiền gì về những vụ họp mặt đông đảo ở tầng gác trên của nàng cả.

Xuân tự dưng đề nghị nàng hát một bài, hắn nói có đem đàn theo và sẽ đàn đệm cho nàng, nhưng Lê-Mai lắc đầu cười:

— Thôi, mấy bạn khôn vừa vừa thôi chứ. Định bắt tôi hát để làm rệu kha, vị cho ngon miệng sao? Giờ này là giờ cơm, tôi cũng đói lắm rồi, để đến tối tự mình còn có cả đêm tha hồ hát.

Cái thang chuyên môn phổ nhạc một cách bừa bãi bây giờ mới lên tiếng, vì từ lúc

đầu đến giờ hẳn đang bận rộn với đĩa mẳm cà, món ăn mà hẳn khoái nhất. Đại khái hẳn nói đồng ý với Lệ-Mai là bây giờ lo ăn cho no đi đã, cái gì cũng gác qua một bên, hẳn lại còn nói dong dài thêm là hẳn thích nhìn Lệ-Mai hát dưới ánh đèn sân khấu lắm. Nhưng thực tình hẳn khoái nàng như bây giờ hơn, nghĩa là mặt một chiếc quần đen với chiếc áo bà ba vải thô màu trắng thật giản dị, trên má lấm tẩm những giọt mồ hôi vì lửa bếp dễ thương như một vợ hiền. Càng lúc càng hứng, hẳn nói thêm rằng hẳn rất khoái loại đàn bà tầm thường, suốt ngày đi chợ, nấu ăn và quanh quẩn hoài trong gia đình. Dĩ nhiên quan niệm của hẳn thật cổ hủ ít ai đồng ý được, nhưng dầu cho có ai cãi lại hẳn cũng không thèm nghe gì, nói xong là hẳn quay trở lại nhanh chóng với bữa cơm. Hẳn ăn cho mau xong để được hút ngon lành một điếu thuốc, vì hẳn khoái hút một thứ thuốc lá hiệu Lạc-đà nên hẳn bèn đặt tên cho hẳn là Lạc-đà, cái tên cũng không đến nỗi tệ lắm,

Sau bữa cơm, họ chia tay và hẹn đến tối sẽ gặp lại nhau như thường lệ tại quán cà-phê. Lệ-Mai dặn một người nào trong bọn nhớ đem xe đến chỗ nàng đi, vì có lẽ tối nay tối nay nàng không còn một đồng để đi xe tắc-xi, và nàng vẫy tay chào tất cả, thỉnh thoảng có một thằng sung sướng nào đó được nàng đưa bàn tay đùa nghịch xoa lên mái tóc. Bực thang gỗ rung rinh dưới những bước chân nặng trĩu của một bọn người mới no nê. Cuối cùng không còn ai đi trên bực thang nữa, chỉ một mình Lệ-Mai đứng trên cao, môi nàng cũng như môi của bọn họ, có gặm một điếu thuốc lá. Một màn khói màu xanh che phủ khuôn mặt của nàng. Thằng Lạc-Đà quay đầu trở lên với hy vọng bắt gặp một nụ cười của nàng, nhưng hẳn không thấy gì cả.

oOo

Đối với bọn người sống trong khu vườn cỏ dại, đêm là thời khắc của một thứ hạnh phúc dễ chịu, đêm sống động và tràn đầy. Không một phút trống rỗng, không một phút thừa thãi. Từ khi trời bắt đầu tối cho đến khoảng mười hai giờ khuya, đêm được nối tiếp với nhau bằng những tiếng người nong nân quen thuộc giọng nói và giọng cười ồn ào của bọn họ hay của chính mình. Những câu chuyện lý thú hay vô duyên nhất thì nhau phát ra không ngừng nghỉ như một chiếc đĩa hát không lờ. Thỉnh thoảng có vài tiếng đồn chậm rãi, tiếng hát khe khẽ, và đêm nọ cũng thế, cứ đến khuya, khi những người khách lạ trong quán cà phê đã bỏ ra về, chỉ còn lại trong đêm tối và ánh sáng nhỏ của ngọn đèn mờ một ít người quen biết nhau thân thiết, Lệ-Mai sẽ hát cho họ nghe một vài bài hát.

Bây giờ trời chưa khuya, quán vẫn còn một ít khách, bàn ghế nhỏ đặt vương vãi trên mặt đất và đám cỏ dại. Trên đầu họ không có một vật gì ngăn cản đôi mắt nhìn, bầu trời đêm trợn vện ở trên cao trông thật xa vắng, có những điểm sáng từ những ngôi sao thấp mờ như ngọn đèn.

Sông Nhuệ đang ngồi ở quầy quán, hai bàn tay nàng nhanh nhẹn bận rộn với những tờ giấy bạc từ tay khách hàng, nhưng nàng vẫn không quên cười thật tươi đối với tất cả mọi người, kể cả những anh chàng vô duyên nhứt. Cho nên

đêm nào cũng có một vài anh tướng mình đẹp trai hay duyên dáng lắm, đứng nói chuyện với nàng dai dẳng. Nhuệ quay sang với một gã thanh niên đứng bên cạnh gã đang bận rộn với một đồng ly tách nghiêng ngả bừa bộn trong quầy.

— Giang pha cho mấy ông này ba ly cà phê đi, họ đứng đợi này giờ lâu lắm rồi đó.

Giọng cầu nhàu làm điệu thuốc lá rơi khỏi miệng hắn.

— Ráng đợi thêm một chút nữa. Từ chiều đến giờ làm luôn tay không thấy sao? Đi xách nước, pha chế đủ thứ, không kịp nghỉ vài phút để ăn tối, khuya lại còn phải rửa ly tách. Sao Nhuệ không kêu bọn thằng Thạch, thằng Tự vào giúp một tay? Tụi hắn đang ngồi nói dóc phè phỡn ngoài kia kìa.

— Đêm nay là phiên của Giang mà, có phải phiên của mấy ông đó đâu?

Giang cau mày tỏ ra bức theo thói quen, rồi hắn cúi xuống tiếp tục pha ba ly cà phê. Giang là em ruột của Xuân nhưng người lạ ít ai biết được điều đó vì hắn và Xuân không có vẻ gì giống nhau cả. Giang tính tình xuề xòa, ăn to nói lớn, hắn có thân hình với những bắp thịt của một lực sĩ to gấp đôi ông anh, hắn chỉ giống Xuân ở chỗ thỉnh thoảng cũng biết đờn hát với cái giọng thật tốt của hắn. Ngoài những đặc tính đó ra, hắn còn có tài pha cà phê thật khéo nên được giữ chức đầu bếp cho quán.

Khi Giang vừa đưa những ly cà phê cho khách, lại thêm một thằng có cái tên kỳ cục là Lạc đã chạy vào:

— Làm cho tao một tách cà phê đen. Tao uống chịu, mai sáng trả tiền liền.

Giang cương quyết lắc đầu:

— Có tiền cũng không bán, bây giờ tao mệt lắm rồi, đang sửa soạn thu dọn rồi đóng cửa quán đây.

— Vậy thôi. Nhưng Lệ-Mai ngoài kia nói với mày là cô nàng muốn uống một ly cà phê đá, mày có chịu pha cho cô ấy không?

Giang tưởng Lạc-đà đánh lừa nhưng khi hắn liếc mắt nhìn ra ngoài sân, hắn bắt gặp khuôn mặt của Lệ-Mai quay vào nhìn hắn nàng cười và đưa một ngón tay ra dấu. Dĩ nhiên Giang không từ chối với nàng được, cả bọn ở đây ai cũng mến nàng hết. Giang lại mò mẫm trong quầy để tìm một cái ly, hắn nói:

— Được rồi, mày ra nói với Mai lát nữa tao sẽ đem ra cho.

Lạc-đà mỉm cười, chọc ghẹo Giang một câu gì đó làm hắn đỏ mặt. Lạc-đà chợt thấy Nhuệ đang nhìn mình, hắn móc túi lấy chiếc chìa khóa xe gắn máy cà tàng của hắn đưa cho Nhuệ, và nói:

— Bọn này tối nay chắc ở lại hết cả đây nhậu say tới sáng. Nhuệ nói thằng Lai lấy xe đưa về nhà trước đi, thằng đó chỉ chờ có thế.

Giang đưa ly cà phê cho Lệ-Mai rồi hắt cũng ngồi xuống cùng với lũ bạn đang ngồi sát cạnh nhau, hắt lấy ở bao thuốc lá của Lệ-Mai một điếu và châm lửa. Thứ thuốc nhẹ dành cho đàn bà toả ra một luồng khói thơm cay dịu dịu. Lệ Mai nhấp một tí cà phê, nâng dùi mầu tàn thuốc trên đóm cỏ, lắc đầu cho mái tóc của nàng tung qua tung lại ngổ nghĩnh như cánh bướm, rồi mỉm cười.

— Anh Trịnh đàn cho em hát bài Hạ Trắng này đi, kéo cái ống mặt mày nhăn nhó ngồi nì nải từ chiều đến giờ kìa. Em đã bảo là em không thuộc bài này.

Lạc-đà là người vừa bị gọi là có bộ mặt nhăn nhó, hắt vội vàng nhe răng cười để chứng tỏ là nếu muốn hắt cũng có một bộ mặt tươi tỉnh như người khác được. Trịnh cầm lấy cây đàn Xuân vừa đưa, những ngón tay ốm dài của anh bấm nhịp nhàng vào những sợi dây đàn, anh có hai ngón tay đặc biệt mầu vàng vì bám đầy khói thuốc lá Lệ-Mai sắp sửa hát một bài của anh, bài này anh làm đã lâu, vào một tuổi hai mươi mơ mộng gì đó, và đến bây giờ đã gần mười năm rồi nên anh cũng không còn nhớ rõ lời.

Nếu có một cô con gái nào chăm chú nhìn Trịnh khi anh hát, cô nàng sẽ chỉ thấy lơ mờ trong đêm tối, cái trán cao và cặp kính trắng to tướng che kín hết khuôn mặt của anh, hàm râu lồm chồm ít khi cạo bao quanh trên mép và dưới cằm, đôi mắt nhắm nghiền, thân hình ốm trong chiếc áo rộng thùng thình, trông Trịnh giống như một gã lãng tử người Mỹ-Tây-Cơ. Mà anh có vẻ là một gã lãng tử thực sự, anh rời gia đình đi giang hồ gần mười năm rồi, đã gần mười năm toàn là những ngày rong chơi, những đêm một mình thức trắng để viết nhạc hay những đêm ồn ào như thế này, đông đảo một bọn người trẻ tuổi nghe anh hát, một đôi khi nghe Lệ-Mai, nàng bây giờ là người đàn bà hát những ca khúc của mình nhiều nhất.

Khi tất cả đều im lặng. Chỉ còn hơi thở của người, hơi khói thuốc lá, và hình như có một chút hơi lạnh của sương đêm, tiếng nhạc nồ búng từ những ngón tay bấu víu vào cây đàn, âm thanh hoang đường lạ lùng cũng vừa bật ra từ một đôi môi đàn bà. Những đoạn cất lên cao, Lệ-Mai đứng dậy, gót chân trần trĩu thoát ra khỏi đôi giày chật, tay vịn vào của một người bên cạnh, tiếng hát cất vút cao nhưng vẫn nghèn nghẹn một giọng trầm buồn bã. Người ta không thể vừa nhậu nhẹt vừa nghe nàng hát, đó là một tiếng hát làm thân thể sững bất động, và tâm hồn mở ra mọi cánh cửa khép kín nhất để ôm ấp những lời hát như ôm ấp tình nhân. Khi những lời đó kêu gọi điều gì, một giọt nước mưa tưởng chừng an phận trong đời sông hồ bỗng nhiên ao ước bay về trời làm mây trở lại.

Đêm đã khuya, tất cả vào trong căn phòng quen thuộc tối tăm vì không có điện, khi ngọn lửa từ cây nến thấp bùng lên, ai cũng có thể nhìn thấy

trên nền nhà chiếu mềm vút lấn lóc, một chiếc bàn đặt bề bộn mọi thứ ở trên khắp căn phòng đầy đầy sách báo và tàn thuốc lá. Nếu có thêm một ánh sáng, mọi người có thể nhìn thấy vách tường dơ bẩn đầy ắp những chữ viết nguệch ngoạc, những lời nhắn tin hàng ngày xen lẫn với những câu danh ngôn của các nhà tư tưởng : *Cô đơn tuyệt đối ta sẽ nắm được chân-lý ở đời : Simone weil. Yêu cầu các bạn đừng mượn bất cứ một cuốn sách nào của tôi, bạn nào muốn đọc sách xin chịu khó ra tiệm mà mua : Lạc đà. Hãy là ông thầy vì thầy và nhà điêu khắc của chính anh... Bồn phận của mỗi người là trở nên chính mình : Nietzsche. Xin bạn nào mượn đôi tất màu rượu chát của tôi làm ơn trả lại cho tôi gấp, cảm ơn nhiều : Xuân. Khi tôi nói rằng tôi yêu em, có nghĩa là em bất tử : G. Marcel v.v...*

Bọn con trai nằm ngủ trên chiếu, chiếc ghế bố duy nhất trong căn phòng được dành cho Lê Mai, nàng mặc một bộ áo pyjama đàn ông rộng thùng thình. Và khi cái gáy của nàng đã đặt trên gối, mái tóc vờ tung, khuôn mặt không son phấn, đôi môi và đôi mắt bình yên khép kín. Nàng nằm đó, nhỏ nhoi và bình thường như một thiếp nữ còn êm ả với mẹ cha trong gia đình, nhưng trên vầng trán của nàng đã hằn rõ một vài nếp nhăn phiền muộn, dấu hiệu của những người sớm cô độc bước vào cuộc đời. Khi giấc ngủ đối với nàng, con người đã nhìn thấy tiếng cười thơ dại và những nếp nhăn trên vầng trán của nàng cùng một lúc chan hòa với nhau thành một hình ảnh đẹp. Có người đã nghĩ rằng nàng như một nữ thánh.

Ban ngày Lê Mai nghịch ngợm như một con chim rừng xanh, nhưng đêm đêm, đôi khi nàng có những giọt lệ âm thầm.

oOo

Trong khu vườn cỏ hoang ấy, bọn người đã sống với nhau trong một khoảng thời gian dài, suốt trong biết bao mùa mưa và mùa nắng hạ. Họ còn trẻ, mỗi người có một quá khứ ngán ngùi riêng và đã quên mau đi rồi. Họ đến đây từ những thành phố xa xôi khác nhau, từ những mái nhà tiện nghi ấm cúng của tuổi thơ mà bây giờ thỉnh thoảng họ về một lần, rồi thế nào cũng quay trở lại khu vườn cỏ. Bởi vì ở đây đời sống là âm nhạc, tiếng cười, vui chơi, tình cảm thân mật của bạn bè, tình thương không tên gọi đối với một vài cô em nhỏ. Tất cả dần dần thấm vào mạch máu bọn người trẻ tuổi này như một liều nha phiến quyến rũ. Khu vườn ở ngay trong thành phố nhưng quay mặt với thành phố, bọn người hầu như hoàn toàn xa lạ với cái thành phố quay cuồng của công việc, bận rộn, tiền bạc, áp-phe và không khí sôi nóng của tình hình chính trị. Họ muốn suốt ngày được thắp những hơi thuốc ngon, được chuyện trò như pháo nổ, được cười đùa sắc súa như trẻ thơ, được tiêu pha vui chơi tới bời và thỉnh thoảng được đối đãi thêm thường những bữa

cơ mà tầm thường nhất. Họ muốn thời cuộc như một giấc mơ xấu không thực, chỉ có trên những trang nhật báo như một loại tiểu-thuyết dài đăng từng kỳ, xem xong rồi vứt bỏ không chút bận. Nhưng thời cuộc dần dần xòe những móng tay dài quái ác chụp bắt những người chối từ nó. Đời sống không làm ai toại nguyện cả, đời sống dầu đã tổng cò mỗi người ra khỏi chiếc vỏ hồn nhiên đẹp đẽ của mình. Đời sống xô đẩy họ vào những con đường mà trước đây họ không bao giờ mơ mộng đến.

Những Xuân, Thạch, Giang, Huệ, Trịnh, Mai và biết bao nhiêu người nữa sẽ không thoát khỏi bàn tay xô đẩy tàn bạo ấy.

oOo

Nhưng có một người, bây giờ sống chán kinh khủng nên thường hay nhớ tên quãng đời ngắn và đẹp trong khu vườn cỏ. Có một người, trong những khi thoát ra khỏi sự ào ạt của đời sống, muốn chụp bắt lại nguyên vẹn hay một phần nào quá khứ của hân, những kỷ-niệm tươi đẹp hay buồn bã. Một người mà trí nhớ khốn khổ của hân rất lơ mờ đến nỗi mỗi khi muốn nhớ lại điều gì, hân chỉ nhớ được những chi-tiết vô vị nhất, còn bao nhiêu chuyện quan trọng hân đều quên hết cả. Thế mà lúc nào hân cũng ao ước được tìm lại hình ảnh của bốn người thân thiết với hân, của chính hân trong những ngày ở khu vườn cỏ dại. Người ấy là tôi.

Tôi là một người mà hồi đó nếu có ai muốn tìm gặp, xin cứ đi vào khu vườn cỏ, đến quán cà phê vào lúc ban đêm và hỏi bất cứ một người nào ở đó :

— Anh có thấy một thằng người Huế, hơi gầy, tóc dài không chải, áo quần bê bối, miệng hay hát những câu kỳ cục, thường hút một thứ thuốc lá hiệu Lạc-đà, hay bó gối ngồi một mình với dáng cô độc buồn bã. Nhưng thật ra hân không có gì buồn cả đâu, đôi khi hân sung sướng kinh khủng mà vẫn cứ mang bộ mặt thảm hại ấy như thường. Anh có biết thằng đó không ? Chắc hẳn là người nào cũng sẽ trả lời bằng một cái gật đầu, vì họ đều quen biết hân, cũng như ở đây mọi người đều quen biết nhau.

4-69

HOÀNG NGỌC TUẤN

(Đoạn mở đầu cho truyện dài " Tuổi trẻ hư không ")

liên-khúc xuân-tình

Thơ TƯỜNG-LINH

Men đời đắng vị gian truân
Mấy lần không tết không xuân hồi lòng !
Ta còn bao kẻ chờ mong
Chưa quay hướng mắt trên giòng thời gian ?

•

Ngày xuân như khép vội vàng
Ngoài song trời đã gieo tràn bóng đêm.

•

Trùng trùng ơn bạn, tình em
Thơ dâng tiếng máu lời tim tạ người
Mùa hoa nhân ái tuyết vời
Ta cam lỗi hẹn, khóc cười sao đây ?

•

Mười năm một kiếp chim bay
Cuồng âm phong vũ còn vây mấy bờ !

•

Đại-Bình quê mẹ xa mờ
Quê cha Trung-Phước bây giờ ra sao ?
Từng về theo cánh chiêm bao
Trên thân đất cũ máu đào chưa phai
Cô đơn bóng mẹ khuya dài
Thêm đau lệ nấn, thêm hoài lời kính !

•

Xin thơ một bạn thương mình
Cho ta đỡ giấc bằng tình đại dương
Chập chờn tuổi tóc vương hương
Giữ xanh kỷ niệm trong vườn xuân xưa.—

T. L.

NƠI VỚI EM

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Hoành mục sầu vân hoành
Thục-Oanh hề Thục Oanh !
V. H. C.

Có ai giúp được gì đâu em !
cha mẹ chúng ta đã về nằm dưới mộ
còn lo rằng không yên ;
cho dầu lá vàng chưa vội rụng
thì sớm khuya sương nắng bồi hồi
cũng chỉ đến cảnh khô lay lắt thôi.

●

Nước chẳng của ai — như từng đợt con rơi —
vẫn chảy qua cầu...

●

Đâu phải vững niềm tin là điều kiện đủ !
thấy không ? em và anh từ lâu rồi thương nhau ;
ý thức Giống Rồng Tiên thấm vào xương tủy
ngay khi chấp chững đánh vần,
rồi lớn lên mộ đạo Từ-Bi
rằm tháng Giêng chưa một lần quên
theo hương khói lên Chùa lễ Phật,
và — gần đây — những đêm Giáng-sinh
chuông Giáo-đường ngân dài cao vút
đầy tới vô biên kích thước truyền hình
chúng ta ngồi mơ theo tuyết gieo hoa trong gió
lòng Bác-Ái hòa rung oa oa máng cỏ
cho mãi khi trở lại đường viên
của khung đời thường nhật
của khung trời ngọt ngọt
qua sắc diện thanh âm người xướng ngôn viên !

●

Ôi, Lẽ-phải từ trái tim
có tung ra mà không cơ duyên
này mầm bén rễ !

●

Hơi chết chóc mù bay rũ liệt mọi mầm xanh
vời bụi tro tàn khốc vây quanh
làm nghẹt thở

trời từng vuông xám ngắt màu da che mặt Kinh-thành,
và đất-gieo-mầm

— nói ra càng tức tưởi ! —

có còn đâu tâm-địa hiền lương
của bốn ngàn năm vun sỏi ;

đất ruộng đất rừng

đất ôm chân các phố phường què quặt

chẳng đâu là không rách nát

không mỗi rừ nghe thở thịt buong xuôi

tự hiến thân làm những con-mồi ;

đất mới khai sinh thì tro sỏi đá

phận con-hoang nấu hình sau mặt nạ

lầm lì khô cứng đến chua cay

mạch đau tủi rút lui trong cùng tột bề dày

đợi dịp nở bùng cơn địa chấn...

đêm gọi hoài tên chiều Thế-tận

ngày chiêm bao hẹn giấc Đồi-dời

mong gì THƠ ươm hạt nữa em ơi !

•

Đành rằng đôi ta không bỏ cuộc

nhưng [từ] đây ngôn ngữ thiên thần

khó còn bay xa với hào quang Sách-Uớc

•

Trọn vẹn tương-lai nằm trong móng vuốt Hạt-Nhân
nói chỉ nguồn cảm hứng đơn thuần ;

rồi sẽ Máy làm ra

cả từ bộ óc

còn vườn đâu cho THƠ nở hoa !

em hãy nắm tay anh nhảy dài một bước

sang hẳn phía bên kia bờ Tận-diệt

nghĩa là bên kia Chấm-hết ;

giòng Lịch-sử này ta viết lại thôi em !

•

Tiếc gì trang giấy nháp,

mà cũng chẳng cần ai trợ lực ...

khởi điểm sẽ là THƠ TRƯỜNG THIÊN

chứ không phải Địa-dàng,

và Hai-người-đầu-tiên không tự nhân lên

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Saigon 1969

קניין

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Quanh quần đêm ngày

Truyện của LÊ-BÁ-LĂNG

Lúc thăng Khang hiệu thỉnh viên ngã sau lưng tôi khoảng chừng ba bước, tôi đã rối trí nhiều nhưng vẫn gắng lấy hết sức bình sinh để gọi thăng Nhân và thăng Điện đang cố rượt theo mấy tên chạy thoát đằng trước.

Tiếng súng ròn trong buổi trưa im. Tôi thò tay vào túi quần tìm chiếc khăn tay đã lấm lem bùn đất quệt mồ hôi và nước mưa trên mặt. Thăng Khang đã ra nhiều máu. Nhất là vết thương ở cánh tay phải. Tôi nhắc cái máy C25 và bảo thăng Huy y tá,

— Mày coi chừng nó đi, nếu cần phải làm garot cho kịp. Tao gọi trực thăng thêm lần nữa xem.

Thăng Huy hai tay run run mở cái nắp túi cứu thương nói dạ chắc phải làm garot mới được, thiếu úy gọi gấp đi chứ đề lâu em ngại quá.

Tôi nhìn lên trời rồi nhìn quanh. Đây đại bàng bảo chờ đó. Gió mùa đông lượn sóng trên những cánh đồng cỏ hoang mênh mông bao quanh chỗ chúng tôi ngồi; bao quanh con đê dài chạy qua một làng nhỏ. Bỗng thăng Nhân hét to khi thấy dáng một chiếc U.T.T bay từ hướng phố về :

Kìa rồi, lấy trái khố đi thiếu úy. Đưa em ném cho thiếu úy.

Tôi cầm ống nghe định xin xác nhận vị trí nhưng đã có lệnh đại bàng rất nhỏ :

— Không phải nó đâu, máy bay

Mỹ kẹt ở Ashau rồi. Anh hãy chuẩn bị rút, xuống máy bay sẽ lên ngay bây giờ.

Tôi thò dài ra hiệu cho thăng Nhân và tiểu đội thăng Điện, thăng Quý thu dọn gấp chiến trường, dẫn mấy tù binh vừa bắt được xuống nằm bố trí dọc bờ sông. Đôi mắt thăng Khang vẫn đờ đẫn nhìn tôi. Tôi quàng tay phụ thăng Huy dìu hẳn đi và nóng lòng muốn chửi thề tất cả. Đánh nhau mấy chục năm rồi sao chưa dừng nghỉ hơi chúng mày.

oOo

Suốt đêm đó trở về, trời vẫn mưa dài không dứt. Tôi ăn cơm tối vội vàng với tiểu đội thăng Nhân rồi vào tầng xê lấy thêm cái áo choàng mặc vào định nằm đọc mấy cuốn sách vừa gởi mua tuần trước nhưng khúc đèn cầy còn ngắn quá. Thăng Điện nói sáng nay em đã nhớ lời thiếu úy dặn mua đèn nhưng lúc tới quán lại chỉ mua có bình đèn rọ. Gớm, năm này sao rét quá. Thiếu úy uống ngụm rượu rồi ngủ giấc cho khỏe. Tôi bảo thôi tao mệt quá. Mày nhớ nhắc thăng Nhân coi sóc canh gác cẩn thận giùm tao. Đêm qua thăng Hình đã bị Phụng Hoàng “ốp” rồi đó. Đừng để tao bị chửi hoài. Tụi bay rần mỗi thăng một tí chứ. Thăng Điện lặng yên choàng poncho bước ra ngoài. Tôi gỡ giày nằm lên võng. Mấy tuần nay bộ chỉ-hy Trung-đoàn cứ báo động mãi. Các tiểu-đoàn đã có lệnh mở rộng vòng đai hoạt động. Mới đó mà đã một

năm nữa đã qua. Một năm gia đình tôi đã làm dân tị nạn, chạy thuê hết căn phố này qua khu xóm khác. Năm này rồi có được gì không? Hay rồi tôi cứ mãi phải bỏ đứt con đường về ngôi nhà cũ. Nơi mà tôi không còn trở lại nhìn những dấu tích một thời ăm ăm đã mất. Nơi mà những ước mơ, tin tưởng của tôi đã nín câm đã chết, đã khô cạn như những hạt đất thừa đã cứng đơ trong một lò gạch cũ. Tôi kéo chăn trùm kín đầu không muốn nghĩ thêm, nhớ thêm gì nữa nhưng tiếng loa điều chỉnh pháo binh từ bộ chỉ-huy chiến-thuật mỗi lúc cứ một rõ dần trong mưa. Lại đùng, lại đánh nhau lại báo động nữa rồi. Tôi nhồm dầy với tay cầm bình đông rượu thăng Điện mua lúc chiều và lại thấy nhớ Xuân ray rút như bao lần mất ngủ lâu nay.

oOo

Cái tin thăng Hoài, hỏa-đầu-vụ đại đội, đào ngũ đem theo mấy cây M16 trốn lên làng V. L. bị toán phục kích bắn chết dọc đường được thăng Dư nói nhỏ với tôi khi tôi có lệnh trình diện Đại-bàng nhận mấy lời khen thưởng cùng tấm giấy phép đặc biệt hai ngày. Tôi không buồn cũng không vui. Đạo mới về đơn vị, tôi đã ngại mấy thăng Tàu bị bắt quân dịch. Tôi nghĩ thế nào tội nó cũng trốn đi. Và truyện đó đã xảy ra nhiều lần trong Đại đội. Có đều tôi không ngờ thăng Hoài, thăng lính Tàu còn lại độc nhất trong đơn-vị, được Đại-bàng cưng vì nấu ăn rất giỏi lại cũng bỏ đi lúc này. Tôi hỏi thăng Dư:

— Thế mụ đàn bà cặp bồ với hân đâu rồi?

— Dạ đã bị bắt giam chờ điều tra ngoài quận.

— Mày có nghe Đại-bàng nói gì thêm không?

— Dạ. Đại-bàng chỉ tiếc.

Tôi nói thôi cũng chẳng ăn nhằm gì, và quay lưng gọi thăng Điện lấy cái áo choàng, dặn ở nhà nhớ đừng say rượu. Đi phép về tao sẽ cho mày và sau sẽ cho mày và thăng Nhân hăm bốn tiếng. Hân nói tui tui hết tiền rồi thiếu úy. Đề dành « cú » đó cuối tháng cho tui tui lên phố ngủ cho sướng hơn. Tôi ném nửa bao Pallmal còn lại cho hân và bỏ ra phía chợ, qua phà.

Buổi mai đã hết mưa nhưng thật rét. Một vài người đàn bà co ro ngồi nhai trầu trên bến đò. Nước sông dâng cao khỏi bờ mấy đám ruộng bên kia đường. Tôi sắp đãi một chương trình trong trí. Thăng Hòa như vậy đã theo gương thăng Niệm thăng Thanh. Đứa nào cũng có lý do riêng trong đời tư của chúng. Tôi sức nhớ buổi chiều trên đồi 29 c năm ngoái, lúc dừng quân trưa, thăng Niệm thăng Thanh cùng mấy đứa tân binh chiều hồi đã rủ nhau trốn qua bên kia núi quay súng bắn lại bên này. Nhưng rồi mọi chuyện song ngay. Đại-đội đã truy kích và năm phút sau khi rời khỏi bàn bè, mấy cái xác vô tri đã nằm phơi nắng dưới chân đồi.

Cuộc sống lúc nào cũng như đã sẵn những vòng vây càng những lưới giăng phủ trùm không ngõ thoát. Những lời khen thưởng tôi, sáng nay, Đại-bàng đã nói bao nhiêu lần với bao nhiêu thăng đã vào sanh ra tử, bao nhiêu thăng đã chết hụt, đã làm mồi cho một vinh quang không thấy đến, mù mịt xa vời.

oOo

Người nữ khán hộ dẫn tôi đến giường thẳng Khang ở giữa phòng rồi đi thẳng. Tôi kéo ghế ngồi châm thuốc hút. Tiếng động làm hấn giật mình choàng tỉnh. Tôi chưa kịp nói câu nào, hấn đã cầm tay tôi bật khóc :

— Không ra gì rồi Thiếu-úy.

Tôi kéo cánh tay áo phải hấn lên. Một lớp băng vải bột mới nguyên quấn chặt kín nửa cánh tay còn lại. Tôi bỏ xuống từ từ. Hấn cắn môi chửi thề trong miệng :

— Đ.m. bữa đó nếu có máy bay Mỹ thì em đâu đến nổi, thiếu úy. Cái garot thẳng Huy nói chưa đúng hai giờ, không can gì đâu. Vậy mà xe cứu thương Trung đoàn lại “banh” nửa đường. Chó thật. Vợ em nó cứ than trời bảo em cả đời chưa hại ai mà sao gặp nạn. Tôi nói thôi đừng buồn nữa Khang. Dù sao mày cũng còn may hơn thẳng Đức thẳng Hai nhiều. Hấn nói dạ chẳng thà em chết chứ sống tàn tật thế này nhục lắm. Có giải ngũ về cũng thất nghiệp, vợ con còn nước lấy Mỹ xin ăn; chắc có ngày em tự tử. Tôi bảo đừng có nói bậy mày. Nhiều đứa mong như mày không được.

Hấn lấy tay áo trái quạt nước mắt rồi hỏi tình hình Đại-đội. Tôi bảo không có gì lạ, thẳng Hoài nấu ăn đào ngũ bị bắn chết rồi. Hấn nói vậy là thêm một thẳng Tàu ăn hại, chỉ tiếc bây giờ em cụt tay rồi, không còn làm ăn gì được nữa. Chán quá thiếu-úy ơi.

Tôi ngại ngồi lâu hấn lại quay qua chuyện cũ nên đứng dậy đưa biểu hấn tí đồ dùng nói thôi rán vui chờ bình phục. Trời sinh voi sinh cỏ. Mày đừng lo gì hết. Có phép tao sẽ ghé thăm.

Hấn muốn đưa nửa cánh tay còn lại lên chào tôi mà không được. Tôi siết

manh bàn tay trái nó rất lâu và rồi cuối mắt ra về. Buổi chiều bầu trời mây chì nặng trĩu. Gió từ mặt sông thổi tung những chiếc lá khô hai bên đường. Giờ này, trong lớp, Xuân có lẽ đang ngồi với đám học trò bé bỏng,

Đã mấy năm rồi tôi xa trường, xa Xuân, xa lũ trẻ quê mùa, đám dân chài nghèo khổ và xa những độn cát Hương Điền trắng phau. Thành từ của những nhọc nhằn cần lao, của những mồ hôi xót xa năm này tháng nọ.

Trước mắt tôi, phố mưa Xuân chen chúc người qua. Tết đã qua rồi. Tôi chỉ còn buổi chiều nay, mai đã bắt đầu cấm trại. Tôi định dạo quanh một vòng g kiếm vài thẳng bạn cũ, nhưng ngại chẳng gặp đứa nào nên lại thôi. Cái thú lang thang ngày xưa với thẳng Ngừ thẳng Duy bây giờ tôi không thể tìm gặp. Tôi nhớ có một lần được phép về hậu cứ mấy ngày chờ nhận quân trang cho Đại-đội, trưa nào chúng tôi cũng bỏ bữa cơm nhà, kéo nhau ra cái quán trước bờ sông, gần đồn nài uống rượu. Lâu lắm mới gặp nhau nên chúng tôi tha hồ tâm sự, chửi bới. Hấn than phiền cha tiểu-đoàn-trưởng xài tao không được nên tổng cò về đây làm cái trò cạo giấy. Ngày nào tao cũng phải loay hoay với mấy tờ công điện, mấy xấp hồ sơ, cũng nhìn quanh quất mấy bộ mặt cũ, nếu có trông ra ngoài thì lại gặp phải cái lò vôi đỏ, rặng núi mù mù bên kia đồn và những người phu già còn lịch kịch sớm chiều với những tiếng động âm thầm tàn tạ trong các dãy hành lang bụi cát vắng im. Lần nào tôi cũng chỉ nghe nhiều hơn nói, bởi nghĩ cho cùng, trong chiến tranh, làm sao chúng có thể tìm được cho mình những chỗ ngồi thích hợp. Hởi Ngừ — hởi Duy ?

oOo

Chiếc Lambro nhảy chồm chồm từng nhịp trên con đường đá đỏ dẫn về một khu chợ tồi tàn xa quốc lộ khoảng chừng năm cây số. Người tài xế khuôn mặt vẫn lầm lì từ lúc xe chạy, qua mỗi khúc quanh lại nhấn ga mạnh thêm như cố nuốt vội quãng đường đầy ổ gà và bụi rậm. Hai ngày thông dong của tôi đã dứt. Hai ngày tưởng như sẽ được nhiều điều vui mà thật ra vẫn hoàn toàn trống rỗng. Trời vẫn còn rét khô; không thấy bóng một con chim nào trên mấy ngọn ngô đồng ngoài bãi chợ. Một mùa Xuân nữa lại sắp qua. Xa xa ngọn quốc kỳ ở Bộ chỉ huy trung đoàn vẫn lạnh lùng phất phới.

Chốc nữa đây, xe sẽ dừng ở cuối chợ tôi sẽ đi bộ một quãng đường, qua một chuyển phà và lại bắt đầu những nỗi đợi chờ, những thói quen cùng những ý tưởng lo sợ vật vờ quang quàn.

Đã thêm một thằng Khang tàn tật, một thằng Hòa chết. Còn bao nhiêu đứa nữa sẽ cầm nín dẫn chân lên con đường hun hút tối tăm. Còn tôi. Bao giờ tôi mới lại tìm thấy điều mong mỏi, bao giờ tôi mới tìm thấy chút ánh sáng trong ngày. Dù là mùa hạ, Dù là mùa Xuân?

LÊ-BÁ-LĂNG

Tháng 2-69

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST. T

- Trị các chứng đau và lở loét bao tử
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Đã có bán :

NGUYỄN-HUYỀN-ANH

VIỆT-NAM DANH-NHÂN TỪ-ĐIỂN

Bán tại : Nhà sách KHAI-TRÍ
62 Lê - Lợi Saigon

Giá : 350 đ.

VỀ KHƠI

Thơ PHƯƠNG-HOA-SỬ

rồi những giòng sông đưa em về biển
đồng xanh xưa trời thoang thoảng sương chiều
mái tóc em buồn từng nhánh thương yêu
đồi nương thấp hoa dại vàng đang trổ
đá trong núi nghe cây rừng thương nhớ
nhiều vòm sông ôm ấp bãi dâu hèn
sóng vỗ lên cồn lúa nếp vừa xuân
phù sa đỏ chạy vùng quê mộc mạc
ngọn hải đăng trên lau già vui hát
nhạc lên trời theo gió ửng hơi vơi
mạch lửa quê hương đã cháy lên rồi
một chút nhớ thoáng tâm hồn thửa nhỏ
rồi giòng sông đưa em về biển cả
nước ru đời nghe nhịp máu phân chia
đọt sóng nhấp nhô ngọn mạ trên bờ
trắng vừa nhú đầy cau vườn mái rạ
rừng khuya sâu thoáng nghe lòng hoang dã
sương lam mờ giăng khuôn mặt người quen
theo gần thời gian từng nhánh tay mềm
chút đau xót thấm dần vào khuôn mặt
bốn phía cây hờn qua giòng nước mắt
hơi thở đều trong lồng ngực chứa chan
giải đất ngàn năm đồng lúa êm đềm
mùa xuân chín em miền đồi xòa tóc
về phương đông mặt trời hồng sẽ mọc
em mỉm cười theo con nước về khơi

Sự ra đi của De Gaulle

TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

Kết quả chính thức của cuộc trưng-cầu dân-ý được công bố lúc 0 giờ ngày 28 tháng 5 năm 1969 và chỉ 11 phút sau, từ Colombey một thông-diệp ngắn ngủi đã được truyền đi « Tôi chấm dứt nhiệm vụ Tổng-thống của nền Cộng - hòa : Quyết định này có hiệu - lực từ 12 giờ trưa ngày hôm nay ». Thế là Tổng-thống De Gaulle lặng lẽ bước vào hậu trường lịch-sử. Sau bốn lần toàn thắng trong bốn cuộc trưng-cầu dân-ý, vị cứu-tinh của dân-tộc Pháp trong kỳ đệ-nhiệ Thế-chiến, người cha già khả kính của nền Đệ-ngũ Cộng-hòa Pháp đã được bày con dân miễn cưỡng cho về hưởng thú điền viên tuế-nguyệt. Sự ra đi quá đột ngột đến nỗi nhiều người vẫn không thể tưởng tượng được là De Gaulle đã rời khỏi chính-quyền. Có người lại cho rằng đây chỉ là một « nước cờ » tuyệt diệu của con « cáo già » chính-trị để mưu toan thực hiện một điều gì theo ý của ông.

Nhưng sự thực phũ phàng đó đã được minh-chứng bằng những con số rõ rệt : 53, 17% cử-tri đi bầu đã bỏ phiếu không tán thành những đề-nghị cải-tổ Hiến-pháp của ông. Nhưng sau khi quyết liệt từ chối những đề-nghị trên đây và do đó gián-tiếp khuyên De Gaulle nên từ chức, dân Pháp cũng không khỏi xao xuyến bàng hoàng trước sự ra đi của một người mà trước đây họ đã từng coi là đệ-nhất công-thần của Pháp. Sự hân hoan của những phe đối-lập De Gaulle cũng pha lẫn

cái mặc-cảm tội lỗi của một đứa con bất hiếu đã nhẫn-tâm xử tệ với vị cha già khả kính nhưng hơi lẩm cẩm. Và khi việc đã xảy ra rồi họ mới suy ngẫm lại để tìm ra những lý do biện-minh cho hành động bất nhẫn của họ. Những lý do đó được thể-hiện qua cách thức bỏ phiếu của các thành-phần xã-hội hoặc địa-dư khác nhau của dân chúng Pháp.

Nguyên-nhân

Mặc dầu tính cách phức tạp và quá chuyên môn của bản dự-thảo cải-tổ Hiến-pháp (gồm 68 khoản, dài 8000 chữ và dày 14 trang) một số dân Pháp đã bỏ phiếu chống vì họ không đồng ý với các đề nghị cải-tổ. Nancy, tỉnh lỵ của miền Lorraine, trước đây là thành trì kiên cố của phái De Gaulle và đã từng bỏ phiếu ủng-hộ tới tỷ-số 72% trong kỳ trưng-cầu dân-ý năm 1962 thì kỳ này lại bỏ phiếu chống nhiều nhất (60%) chỉ vì dự-luật tản-quyền hành-chánh sẽ biến Metz, một thành-phố nhỏ hơn, thành tỉnh-lỵ của miền Lorraine. Dân chúng Ba-lê cũng bỏ phiếu chống đối với tỷ-số 560/0. Ngay cả giới phụ nữ, xưa nay vẫn ủng-hộ De Gaulle cũng không còn ủng-hộ mạnh mẽ như mấy lần trưng-cầu dân-ý trước. Nhưng có lẽ yếu-tố quyết định trong cuộc trưng-cầu dân - ý vừa qua là số phiếu của phái trẻ dưới 20 tuổi. Thế-hệ này không dự vào những phút thắng-trảm của lịch-sử Pháp từ hồi Đệ-nhiệ Thế-chiến và do đó đã chỉ có một ý-niệm mơ hồ về cái quá-khứ huy-hoàng

của De Gaulle. Vì vậy họ đã không do dự bỏ phiếu chấm dứt nhiệm-kỳ của một nhân vật mà họ cho là lỗi thời.

Nguyên-nhân sâu xa hơn cả vẫn lại là nguyên-nhân kinh-tế. Sau kỳ khủng-hoảng đồng phật-lắc-g, dân Pháp lại còn luôn luôn bị đe dọa bởi nạn lạm-phát gia-tăng một cách đáng ngại. Thêm vào đó là gánh nặng thuế-khoá. Những cuộc xáo trộn chính-trị và các cuộc đình-công bãi-khoá trong năm qua là những triệu-chứng bất mãn của dân chúng đối với tình-hình kinh-tế càng ngày càng trở nên khó khăn. Đề duy-trì giá-trị của đồng quan và đồng thời chống lại nạn lạm phát, De Gaulle đã phải áp dụng những biện-pháp khắt khe đối với cả giới tư-bản lẫn giới thợ thuyền. Và do đó đã mất hẳn một lực lượng hậu thuẫn đáng kể. Nhưng nguyên nhân quan trọng nhất trong sự ra đi của De Gaulle chính là vì dân chúng thấy cần có một sự thay đổi sau gần mười một năm dưới quyền lãnh đạo độc đoán của vị lão tướng đó.

Thành-tích

Mặc dầu những sự khó khăn và bất mãn hiện tại, dân Pháp hẳn không bao giờ quên những thành-tích vĩ đại trong công cuộc phụng sự nước Pháp của De Gaulle. Cũng có người cho rằng thực ra De Gaulle cũng chẳng là vĩ nhân như người ta thường quan niệm mà chỉ là vì may mắn được thụ hưởng kết quả những việc làm của kẻ đi trước. Họ cho rằng sự phục hưng kinh-tế của nước Pháp trong những năm đầu của triều đại De Gaulle thực ra là kết quả của những nỗ lực chấn-hưng kinh-tế của nền Đệ-tứ Cộng-hòa với sự trợ giúp của chương trình Marshall. Và ngay cả cái lực-lượng hạc-tâm mà De

Gaulle thường kiêu hãnh gọi là *force de frappe* thực ra cũng lại là do Mendès France đã quan niệm và thành lập. Rồi đến công trình vĩ-dại nhất của De Gaulle là giải phóng Algérie thực ra cũng lại là chương trình đang thực hiện dang dở của Gaston Defferre, lúc đó là Bộ-trưởng Bộ Thuộc địa. Và sau hết là công phát triển tinh thần cộng - tác Tây-Âu, nhất là giữa Pháp và Đức mà nhiều người cho là một thành - tích ngoại-giao đáng kể của De Gaulle, công cuộc đó thực ra cũng chỉ là tiếp diễn của tổ-chức Tò-hợp Than và Sắt Âu-Châu do một Thủ-tướng Pháp là Robert Schuman khởi xướng từ năm 1950...

Tuy nhiên, nói như vậy là bỏ quên cái sứ mệnh chánh-yếu và quan trọng nhất của De Gaulle, cái sứ mệnh này vẫn được De Gaulle giữ một cách kiêu hãnh ngay từ khi ông xuất hiện trên chính-trường Pháp và có lẽ ông tin tưởng sẽ còn nắm giữ cho tới ngày ông vĩnh-viễn đi vào lịch-sử. Đó là sứ mệnh cứu nước Pháp ra khỏi bước gian truân và tái lập một nước Pháp phú cường thịnh vượng, trở nên một lực lượng đáng kể trên chính trường quốc-tế. Từ Đệ-nhi Thế-chiến cho đến nay, những giờ phút nguy nan nhất của lịch sử Pháp, De Gaulle đã đứng ra kết hợp những lực lượng chống đối, vận động hết trong nước đến ngoài nước để cứu vãn danh dự và uy-tín của nước Pháp. Sau Chiến-tranh thứ hai, ngay sau khi được giải phóng, nếu không có De Gaulle đứng ra lãnh đạo thì nước Pháp có lẽ đã bị lâm vào một cuộc nội chiến tai hại. Rồi trong thời gian cầm quyền ngắn ngủi từ 1944 đến 1946, De Gaulle cũng đã thực hiện được nhiều cải cách xã-hội đáng kể và nhất là đã liên kết được các lực lượng kháng chiến để

đương đầu với sự thách thức chính-trị của đảng Cộng sản Pháp. Sau một thời gian ở ẩn 12 năm, từ 1946 đến 1958, De Gaulle lại xuất hiện để tiếp tục thực hiện những giấc mộng của ông cho nước Pháp. Trong thời gian này có lẽ thành-tích đáng kể nhất của ông là việc trao trả độc-lập cho Algérie. Chính nhờ tài lãnh đạo cứng rắn đến mức chuyên chế và sự gan dạ siêu phàm của ông mà ông đã vượt qua được những trở ngại ghê gớm để kéo nước Pháp ra khỏi đám cát lầy Algérie. Đối nội, một thành tích đáng kể của ông nữa là việc cải tổ Hiến - pháp, theo đó vị Tổng thống Pháp sẽ được dân chúng trực tiếp bầu thay vì do Quốc-hội chỉ định. Đối ngoại, De Gaulle đã thành công một phần trong việc đặt nước Pháp vào vai trò lãnh đạo của một lực-lượng thứ ba kết hợp các quốc-gia không muốn theo Nga mà chẳng như theo Mỹ.

Đòn ngăm

Nhưng trong khi cố gắng theo đuổi cái giấc mộng huy hoàng cho nước Pháp và cho chính mình đó, De Gaulle đã trở thành một nỗi khổ tâm cho các đồng minh Tây-phương khác, nhất là Anh và Mỹ. De Gaulle không bao giờ thềm che dấu lòng miệt thị của ông đối với cái khối mà ông gọi là *Anglo-Saxons* và hẳn có dịp là ông không bao giờ lại không kiếm cách làm cho Anh và Mỹ bực mình. Những "đòn" đáng nhớ gần đây nhất của ông là: tịch trữ vàng để làm lung lay đồng Anh-kim và đồng đô-la, rút quân đội Pháp ra khỏi Minh-ước Bắc Đại-tây-dương và lại còn trục xuất Tổng-hành-dinh của Khối ra khỏi Pháp, dùng quyền phủ-quyết để ngăn không cho Anh vào Thị-

trường - chung Âu - châu, chống đối việc thành lập một Cộng - đồng Đại - tây - dương và còn đề - nghị thành lập một Cộng-đồng Âu-châu loại trừ mọi ảnh-hưởng của Anh và Mỹ. Ngay cả Gia-nã-đại cũng bị De Gaulle thọc gậy bánh xe khi ông hô hào phát động phong trào ly khai trong cuộc viếng thăm chính thức. Và cũng chính vì muốn phá Mỹ mà De Gaulle đã thi hành một chính-sách bất lợi cho cuộc chiến tranh tại Việt-nam. Chính sách này, tuy nhiên, đã thay đổi nhiều từ khi Mỹ ngưng oanh tạc Bắc-Việt và nhất là sau khi Tổng-thống Nixon viếng thăm Pháp.

Cảm nghĩ

Tuy nhiên, một điều đáng chú ý là mặc dầu những hành động chéo cẳng ngồng và những tư-tưởng lập-dị đến khó chịu của ông, các quốc-gia đồng-minh Tây-phương cũng đã nhin nhục và kính nể ông chẳng khác gì dân Pháp đã nhin nhục và kính nể ông trong hơn mười năm qua. Trong cuộc khủng hoảng tháng Năm năm 1968, hầu hết tất cả các quốc-gia trên thế-giới đều bày tỏ cảm tình với ông. Phe Anh-Mỹ thì sợ rằng nếu ông bị đổ lúc đó, đảng Cộng-sản sẽ lợi-dụng sự xáo trộn mà nắm lấy chánh quyền. Còn phe Cộng-sản thì lại sợ nếu cuộc nổi loạn kéo dài, nhóm tướng lãnh do C.I.A. đỡ đầu sẽ lên cầm quyền và cắt đứt những ngày trăng mật giữa Pháp và các quốc-gia Cộng-sản. Còn các quốc-gia Ả-Rập và các quốc-gia chậm tiến trung-lập khác lại sợ rằng sự ra đi của ông sẽ khiến cho cái lực-lượng không liên-kết trở nên như rắn mất đầu vì đã mất

một nhà lãnh đạo khả kính dám thay mặt họ mà chọc tức cả hai khối Cộng-sản và Anh-Mỹ.

Những cảm nghĩ băng khuâng, nửa buồn nửa vui đó có lẽ cũng thể-hiện trong lần ra đi thực sự này của De Gaulle. Nhưng vì lý do ngoại-giao và chính-trị, các vị nguyên-thủ quốc-gia chỉ bày tỏ những cảm-tình đó một cách kín đáo thận trọng. Phản-ứng đầu tiên của thế-giới là ngỡ ngàng trước sự ra đi đột ngột của De Gaulle. Mọi người đều cảm thấy một sự thay đổi quan

trọng trên chính-trường quốc-tế, nhưng không ai biết rõ đó là một điều đáng vui hay đáng buồn. Ngay tại Pháp, người ta cũng bình tĩnh, dù hơi có luyến tiếc, chứng kiến sự chia tay bất-thường đó. Còn tâm-trạng của De Gaulle ra sao không ai hay biết. Ngay từ ngày trưng cầu dân ý ông đã về ở ẩn tại điền-trang của ông tại Colombey-les-Deux-Eglises, viết lại những trang hồi-ký và có lẽ tiếc cho giấc mộng lớn hãy còn dang dở.

TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

Đón đọc :

Tạp chí TƯ TƯỞNG

Cơ quan luận thuyết của Viện Đại-Học Vạn-Hạnh

— Chủ nhiệm : T. T. Thích-Minh-Châu

— Tổng thư-ký : Thích-Nguyên-Tánh

Số 1. bộ mới, phát hành vào đầu tháng 6/69,

gồm có những bài đặc biệt về Hiện-Tượng-Học của HUSSERL và những vấn đề liên hệ đến thời đại :

- *Hiện tượng học về Hiện tượng học của Husserl của Phạm-Công-Thiện*
- *Vấn đề thực tại trong Hiện tượng học Husserl của Ngô-Trọng-Anh*
- *Môi trường tiên nghiệm trong Hiện Tượng Học Husserl về cuộc đời của Lê-Tôn-Nghiêm*

Tạp chí xuất bản mỗi tháng 1 kỳ.

MẬT KHẢI.. . những suy tư dạt dào của KAHLIL GIBRAN-Nhà Tiên Tri xứ 1001 đêm, một DANTE của Thế Kỷ 29, một TAGORE của văn chương Á RẬP, một bậc thầy bất tử của nhân loại.

MẬT KHẢI... người bạn đường thân thiết, gần gũi nhất của mọi thanh niên yêu chuộng Hòa Bình trên thế giới.

PHẠM-BÍCH-THỦY dịch sang Việt ngữ, Non Nước xuất bản. Giá 100đ.

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Báo bình dân mất khách

Ở Anh có hai tờ siêu nhật báo : tờ *L'Express* và tờ *Mirror* «Siêu», không phải là vì nó cao ; trái lại nó bị chê thấp là khác. «Siêu» bởi vì mỗi ngày *Express* ấn hành trên 4 triệu tờ, *Mirror* trên 5 triệu tờ.

Gần đây, hai đấng khổng lồ ấy đều sụt. Tin ấy làm rung động làng báo Anh.

Có cái gì mới xảy ra chăng ? Có. Rất mới, rất lạ.

Trong mấy mươi năm nay, loại báo «thấp», cho quần chúng giải trí, vẫn là thứ báo ăn tiền, ấy là những tờ nhật báo, những tờ *sundays* đọc chơi những ngày chúa nhật; ấy là loại báo gọi là *mass circulation*, báo bình dân. Còn báo trí thức bài vở chọn lọc gọi là *quality newspaper* thì chẳng bán chắc được bao nhiêu.

Tình hình gần đây đã xoay ngược. Một cuộc điều tra cho biết rằng so sánh hạ bán niên 1967 với hạ bán niên 1968 thì chín tờ nhật báo bình dân mất 721 nghìn độc giả, bảy tờ *sundays* mất đi 800 nghìn độc giả. Riêng tờ *Mirror* kể trên, hồi tháng 12-67 in 5.282.000 số, đến tháng 12-67 chỉ còn in 4.984.000 số.

Trong khi ấy các tờ báo giá trị, trình độ cao, lại tăng độc giả. Tờ *Financial Times* số ấn hành tháng 12-67 là 148000 tờ, số ấn hành tháng 12-68 là 162.000 tờ. Tờ *Times* tăng 40 000 độc giả trong khoảng thời gian ấy.

Tại sao có hiện tượng ấy ? — Người ta ngờ rằng đó là do ảnh hưởng của vô tuyến truyền hình, Về phương diện giải trí, vô tuyến truyền hình giải trí đặc lực hơn báo chí, nó lại được cải tiến mạnh, mỗi ngày kỹ thuật mới giúp nó tiến thêm một bước ; từ trắng đen đến màu mè, vô tuyến truyền hình thu hút người ta dữ quá. Nó thông tin mau lẹ mà cụ thể, nó cũng lan man tạp nập đủ thứ chuyện, từ chuyện thể thao, chuyện khoa học, đến chuyện chính trị, chuyện triết lý, rồi chuyện tâm tình v.v... Nó tranh hết khách hàng giải trí của nhật báo bình dân.

Trái lại những vấn đề cao xa, vừa xem vừa suy nghĩ thì chưa đưa lên màn ảnh vô tuyến được. Vì vậy những tạp chí nghiên cứu đề học hỏi lại có khách hơn trước.

Báo Anh nhận thức được hiện tượng ấy, đang tìm biện pháp chuyển hóa.

Thanh niên là nhi đồng

Hiện tượng thanh niên nổi loạn ở Âu Mỹ tiếp tục được nghiên cứu, mổ xẻ.

Bây giờ đến lượt các nhà phân tâm học. Cuốn *L'univers contestataire*, ngoài bla ghi là của André Stéphane. Kỳ thực André Stéphane là một bút danh mà có những hai tác giả : hai nhà phân tâm học giấu tên.

Theo quan điểm phân tâm, các cuộc nổi loạn của giới trẻ hiện tại không có

gì về vang, cũng không có tính chất cách mạng cách miếc gì ráo. Cách mạng thì phải biết là nhằm hướng về đâu, đảng này đám thanh niên nổi loạn không có chương trình xây dựng, hỏi họ tiến về một xã hội như thế nào, được tổ chức ra sao, quản trị cách nào, họ không trả lời được.

Có một lối trả lời hàm hồ : tuổi trẻ không cần giải quyết, tuổi trẻ chỉ cần đặt vấn đề, chỉ cần chống đối đập phá, phủ nhận, phi bác những cái ràng buộc, lạc hậu xấu xa ; còn giải quyết vấn đề là phần việc của thế hệ đứng tuổi, đang nắm giữ trách nhiệm trong xã hội.

Đâu có nói liều thế được ? Xưa nay chưa có tầng lớp nào làm cách mạng kiểu đó. Vô sản đâu có phủ nhận suông rồi phó mặc cho bọn tư bản liệu bề cải cách xếp đặt xã hội. Phần tử cách mạng phải xông tới giành lấy chính quyền, tự mình ra tay giải quyết các vấn đề theo quan niệm của mình chứ.

Cách mạng không chỉ có chối từ một quyền hành, mà là nắm lấy quyền hành ấy thay thế giai cấp đã trở thành phản động.

Đối chiếu với các giai-đoạn trong đời người theo phân tâm học, người ta thấy giai đoạn của mặc cảm Oedipe, và giai đoạn của tân lý Narcisse. Mặc cảm Cedipe khiến đứa con muốn đánh đổ người cha, thay thế người cha : cách mạng đấy.

Nhưng trước thời kỳ mặc cảm Oedépe có thời kỳ đứa bé còn nhỏ hơn, nó chỉ say mê chính nó, nó phủ nhận, không biết đến người cha. Ở đây nó chỉ có trốn tránh một thực tại (người cha) mà không có chuyện đòi thay thế, giành quyền. Trong thời kỳ này thế

giới đứa bé chỉ có bà mẹ, nó chỉ sống với bà mẹ ; bà mẹ nuôi nấng nó, vỗ về, cưng tiu nó, mà cũng giữ gìn ngăn cấm nó cái này cái kia để nó khỏi dứt tay, té ngã v.v... Bà mẹ ấy, nó vừa lặn vào lòng để hưởng thụ, vừa làm nũng la hét phản đối v.v... Bà mẹ ấy là cái xã hội tiêu thụ (société de consommation) hiện thời.

André Stéphane chắc sẽ bị phản đối dữ. Có phải vì tiên tri như thế mà André Stéphane chỉ là một bí danh ?

Người Mỹ ‘vấn thân’

Người Mỹ, một số người Mỹ quan tâm đến cuộc sống tinh thần, lúc nào cũng loay hoay về những mâu thuẫn trong xã hội họ. Xã hội Mỹ hiến cho con người một đời sống tinh thần rất tự do. Đầy đủ về vật chất và tự do tinh thần, thế là nhất thể gian rồi còn đòi gì hơn nữa ? — Bởi ‘nhất thể gian’, cho nên nó thu hút con người khắp nơi về đây : từ mọi xứ Âu. Á... di cư đến.

Tuy nhiên về đây rồi, sống trong đầy đủ và tự do rồi, dần dần người ta cảm thấy là chưa ổn. Xã hội ở đây có những tiêu chuẩn thành công của nó. Muốn đầy đủ muốn tự do, người ta phải thành công trong xã hội, tức là phải tuân theo các tiêu chuẩn nó đặt ra. Rồi người ta bị nhu cầu vật chất nó lôi cuốn, bị quảng cáo nó ảnh hưởng, người ta sống đời máy móc, xa thiên nhiên, người ta phải thương mại hóa tài năng v.v...

Henry Miller, Saul Bellow, David Thoreau v.v., đều có cách phản kháng riêng của mình đối với cuộc sống Mỹ.

Và *L'Arrangement* là cách phản kháng

của Elia Kazan, hiện rất được hoan nghênh.

Elia Kazan là người gốc Hy Lạp bị thu hút đến Mỹ, đã thành công ở Mỹ. Đó là người đã làm cho cả thế giới biết tiếng vì các cuốn phim *Un*

tramway nommé désir, *À l'ouerst d'Eden*, *America-Ameria* v.v...

Buông máy quay phim để cầm bút, Elia Kazan lại thành công. Nước Mỹ đáng chán thật : không chạy ngỗ nào mà trốn thoát sự thành công !

TRĂNG THIÊN

Văn chương miền Nam

Đầu năm nay nhà xuất bản Thời-Mới đã cho ấn hành hai tác phẩm. Cuốn thứ nhất của ô. Đoàn Nhật Tấn, tác giả những bài về giáo-dục trên tạp chí Bách-khoa từ mấy năm nay và cũng là một nhà giáo lão thành, giàu kinh nghiệm, phong phú về sáng-kiến và rất thiết tha với nghề nghiệp. Cuốn thứ hai của ô. Nguyễn-văn-Xuân, một nhà văn nổi tiếng từ thời tiền-chiến và cũng không xa lạ gì với bạn đọc Bách-khoa từ hơn chục năm nay. Cuốn sách mang tên : « *Khi những lưu dân trở lại* », một cái tên « văn-nghệ » làm người đọc bỡ ngỡ vì đó là một thiên khảo-luận về văn học miền Nam — mà Bách-khoa đã có dịp trích đăng một phần nhỏ để giới thiệu cùng bạn đọc vào gần cuối năm 1967.

Ô. Nguyễn Văn Xuân muốn chứng minh, trong tác phẩm trên đây, rằng : Văn chương miền Bắc lấy trí thức làm đối tượng căn bản, nên nặng về *xem* (độc giả tự mình đọc thầm để suy tư) và văn chương miền Nam lấy quần chúng lao động làm đối tượng căn bản, nên nặng về *nói* và *trình diễn* (độc giả thường chỉ thấy hay trong lối đọc to để tự mình nghe và để cho kẻ khác cùng nghe với mình). Ông cũng giải đáp câu hỏi : « Tại sao miền Trung có

nhiều khả năng, nhiều nhân tài lại không tạo nổi một khí thế, một phong trào văn nghệ lớn lao mà phải chờ vùng đất mới thực hiện ? ». Rồi ông đề cập đến Lục-Vân-Tiên mà ông cho là một hiện-tượng, « một sáng kiến của nhà nho muốn giải - quyết một tình trạng bế tắc ». Ông cũng điếm lại các nhà văn miền Nam từ Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Chánh Sắt đến Phi Vân, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc.

Những nhận xét của Nguyễn-văn-Xuân phần nhiều rất độc đáo mà cách làm việc của ông cũng thực là đặc biệt. Trong khi ô. Đoàn nhật Tấn, bản thảo trao cho nhà xuất bản rồi mà một hai tuần lại còn từ Qui-nhơn gửi thư, hoặc đích thân vô, để sửa một vài chữ, bỏ một đôi câu, viết lại mấy hàng, cắt dán thực cẩn thận lên bản thảo, thì ô. Nguyễn văn Xuân, ở Đà Nẵng, cũng gửi thư, cũng có dịp gặp nhà xuất bản, nhưng chỉ đề dẫn lại : « Anh sửa giùm tôi vào đoạn này, đại ý như thế này » hoặc « Anh nghĩ có nên khai-triển thêm cái ý kiến ở đoạn cuối chỗ đó, thì anh cứ viết cho tôi đi », nghĩa là ông chỉ cần cái ý chính, còn diễn đạt ra sao thì phó mặc cho nhà văn Võ-Phiến, người trông nom việc xuất bản !

Nhất trí

Bạn Vũ đình Lưu, từ 12 năm trước đây, đã cộng tác với Bách-khoa dưới bút hiệu Cô-Liêu về những bài khoa học : Hỏa tiễn, vệ tinh, nguyên tử v.v..., sau này anh lại viết các sách về văn hóa, về phân tâm học và có dịch các sách của Jung, của Adler. Đầu năm nay anh cho ra cuốn *Sinh khí và nhịp điệu* (nhà xuất bản Trình Bầy) gồm những bài tiểu-luận « liên lạc với nhau bởi một cách nhìn nhất trí đã trình bày trong cuốn *Thảm kịch văn hóa* » mà anh trao cho nhà An-Tiêm xuất bản trước kia (1966). Cách đây một vài tuần anh lại cho ra *Tìm hiểu nhân tính* (nhà xuất bản Hoàng Đông Phương) dịch Alfred Adler.

Sự nghiệp của A. Adler từ sau cuộc Thế-chiến thứ hai đã có ảnh hưởng mạnh đến tư tưởng Tây-phương. Vấn đề giáo-dục được đặt lại với những tiêu chuẩn căn cứ vào những khám phá của Adler về tâm lý trẻ em. Vấn đề giải phóng phụ nữ cũng đã được ông nghiên cứu sâu rộng. Nhiều nhà xã-hội-học (như G. Bouthoul) đã căn cứ vào sự hiểu biết của ông về tâm-lý con người (cảm tưởng tự ty, ý muốn hơn người, nhu cầu yên ổn nội tâm v.v.) để đặt vấn-đề tâm-lý xã-hội. « *Tìm hiểu nhân tính* » trình bày những vấn đề ấy với ngôn ngữ thường dùng, một cách sáng sủa dễ đọc, thực rất hợp với yêu cầu nâng cao kiến-thức đại-chúng.

Khi được hỏi về mối liên quan giữa 2 cuốn tiểu-luận nói trên, anh tâm sự :

« Tôi muốn thúc đẩy đến cùng cách suy-tưởng và nhận định việc đời theo một xu hướng đặt định bởi sự cấu tạo tâm thần riêng biệt của tôi. Một cuộc

phiêu lưu cũng đầy bất trắc như tất cả mọi cuộc phiêu lưu, nhưng có cái vẻ quyến rũ của nó, đã lao đầu vào khó mà rút ra được.

« Khái-niệm đầu tiên xuất hiện khi tôi đem đối chiếu những vấn đề, đủ các loại, thuộc đủ mọi lãnh vực của đời sống ở trong tầm quan sát của tôi là một thứ nhất trí tâm tưởng của dân tộc, một nét định hướng của dân tộc. Mọi va chạm, đồ vỡ, mâu thuẫn hầu như chỉ là những phát động ngược chiều hay thuận chiều của đường định hướng, chúng làm thành cái mà trong giai đoạn giao thời này tôi gọi là Thảm kịch văn hóa. Thảm kịch văn hóa là phản ảnh của sự thay đổi cấp tính cơ cấu xã hội trước khi đạt được sự ổn định tương đối nào đó. Như vậy vấn đề của tôi là việc soát xét một số lãnh vực hoạt động càng nhiều càng hay để tìm xem cái gì là nét báo hiệu sự thành hình một cơ cấu mới trong sự hỗn độn, sự xung đột đủ mọi hình thức. Cái mà tôi gọi là cái nhìn nhất trí chính là sự cố gắng đặt mình vào những nét động lực của con đường định hướng nói trên. Có một nghịch lý kỳ dị rất khó nắm được là nhu cầu nhất trí tâm tưởng của dân tộc lại chính là thủ phạm đồ vỡ, va chạm, xung đột, thảm họa ngày nay. Người ta làm đảo lộn lung tung cũng chỉ vì nhu cầu nhất trí tâm tưởng.

« Hai cuốn tiểu-luận này đại diện cho mấy bước chập chững đầu tiên trên đường phiêu lưu của tôi.

Nước trong nguồn

Trong bài phỏng vấn Nhà xuất bản Văn về « *Tình hình xuất bản sách* », trên BK số 294 (1-4-69), anh Trần-Phong-Giao

nói về chủ trương in thơ trên loại sách phổ thông, có báo trước là sẽ in tập thơ của chị Trần-thị Tuệ-Mai (Giải thưởng Văn - chương toàn quốc 1966) là tập thơ thứ 3 trên Văn-Uyên. Nay «*Như nước trong nguồn*» đã được phát hành. Gặp tác giả, chúng hỏi ngay về tập thơ mới xuất bản thì được trả lời:

— *Như nước trong nguồn* có những bài từ 1963 đến 1968. Nó mang những lời tin yêu. Tin yêu trong xót xa, trong bất hạnh. Tin yêu trong nhẫn nại, quật khởi, bao dung, tình tứ Việt Nam. Tôi mong nó được phổ biến trong lúc này nên khi anh Trần Phong Giao báo tin cơ sở Văn muốn in thơ tôi, và hỏi tôi chọn cách in nào: sách đẹp, in ít, bán đắt, hoặc sách như tạp chí, in nhiều bán rẻ. Tôi ưng cách sau, mặc dầu nhiều bạn bảo thơ không nên in lối «bán rẻ». Về «hình» thì rõ ràng là N.N.T.N khác 2 tập trước do Sáng Tạo xuất bản: *Thơ Tuệ Mai* (1962) và *Không bờ bến* (1964). Hai tập đó «sang» lắm, và ngoài những bản thường còn in thêm mỗi tập vài trăm bản đặc biệt giấy croquis thật tốt. Còn về «tiếng» hẳn cũng không giống trước (dù vẫn là âm thanh của Thương Yêu). Bởi Tuệ Mai đã đi qua những năm đó. Đã qua «*Thơ Tuệ Mai*» và «*Không bờ bến*» vừa đến «*Như nước trong nguồn*» và đang đến «*Những cánh tôi gãy nửa*». Cái vừa đến khác cái đã qua, cái đang đến khác hẳn cái vừa đến, và cái sẽ đến...

— Chị có hề cho biết nội dung tập thơ sẽ đến của chị được không?

— À, cái này chưa nói được, bởi chưa đến chưa biết sẽ ra sao.

— Nhân dịp này chị cho đọc giả Bách

khoa biết qua chị làm thơ từ hồi nào và quan-niệm về Thơ của chị.

— Tôi làm thơ từ năm còn bé tí teo, nhưng phải giấu cha tôi, (1) tới khi đăng thơ ở trang học sinh các nhật-báo, tôi ký lung tung, giấu kỹ địa chỉ và tên thật, khi thấy hộp-thư tòa-soạn khen và nhắn hỏi, cũng chẳng lần nào dám ra mặt. Các anh tôi thì xưa nay chưa hề có thì giờ ngó qua thơ tôi. Các người khác trong gia đình yêu tôi ở các công việc khác và đều ghét tôi ở cái việc làm thơ «vô tích sự» Ra ngoài càng mệt, hình như cái «tâm hồn thơ» nó khiến mình chịu nhiều vất vả thiệt thòi trong đời sống thực tế. Nhưng bù lại, mình được nhiều cái hay khác, chẳng hạn được gặp những tâm hồn bạn thật chân-thành nồng-nhiệt, thật.. Thơ. Nhiều người bảo là Thơ thì phải thế này thế nọ mới thích hợp. Nhưng nói riêng tôi, tôi chỉ có thể thông cảm được đời sống của người khác, chứ chẳng thể, chẳng muốn sống-đời-sống-người-khác. Và như vậy, xin tạm đủ cả cho ý nghĩ tôi về Thơ...

Trong dịp Nguyễn-Ngu-Í tiểu ngạo giang hồ ở Dalat hồi cuối tháng tư, nhân cùng đi với một vị sư và ghé qua hiệu sách, nhà sư mua tập thơ «*Như nước trong nguồn*» có xin Ngu-Í vài hàng lưu-niệm. Không nghĩ ngợi, người chủ trương «*Qê hương*» tập A đề ngay!

Thơ M. như nước trong nguồn

Êm êm một mạch mà tuôn dịu dàng.

Thơ N: hòn đá chặn ngang

Hỏi M. đã chịu đau hàng N. chưa?

THU-THỦY

(1) Thi-sĩ Á Nam Trần-Tuấn-Khai (ghi chú của Tòa-soạn).

HỘP THƯ

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Thư cho em trai ; Dấu hỏi ; Dấu tích ; Thơ cho sinh nhật hai mươi mốt (Vũ Đức Sao Biển) Đêm ứng chiến ; Vào quân trường (Hoàng-Điệp). Niềm đau (Mạch-Nha). Cừu-Long-Giang dậy sóng (Bạc-Mệnh-Nhân). Nói với bố (Kim Hải). Chung một cảnh người (Rừng rú). Điếu Đông-Hồ ; Khóc thầy Đông-Hồ (Phạm-Phú Hoài-Mai). Ai hồn thơ ; Lệ biển (Phạm-Phong). Ngày mai ai cày cho mình (Đông-Lâm). Nước mắt ; Cho linh hồn thế kỷ 20 ; Ngày lên trí tưởng ; Nhạc hồng ; Gầm đá ; Tiếng hạ (Hoài-Nhã Liên-Văn). Niềm tin trắng ; Xuống tình ; Bỏ trống ; Tình cuối (Hoàng Lạc Chương). Thư nhà (Bùi Quang) Suối xuân ; Lời ru của mẹ V.N. (Trần Trọng Hòa Phương). Mặc cảm ; Bàn tay trong tim (Vườn kẻ từ) Trở về ; Mùa hạ 69 (Thủy Triều). Buổi chiều cho tình yêu ; Bài hạ 69 (Nguyễn Thảo Nương). Về phố cũ (Mang Viên Long) 15 bài thơ (Lộ Khanh) Đêm trong thành phố mưa (Nguy Ngữ). Tình khúc lục bát (Yến-Nguyên-Thanh). Sớm mai nào chim hót (Đông Trình). Đường-Phượng-Hồng (Lê-văn-Ngân). Tình ; Hồi tưởng (Nguyễn-Cường). Bây giờ ; Cuối cùng (Nguyễn-phương-Thanh). Đêm hò hẹn (Phạm-Nhật-Tâm).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp-thư này trên 2 số báo tới đây.

— *Ô. Đông Trình (Đ.N.)* — Đã nhận được những sáng tác mới của ông. Sẽ xin lựa đăng trong những số tới.

— *A. Nguyễn kim Phượng.* Mắt

liên lạc với anh từ lâu. Vở kịch của William Sorayan mà anh dịch tôi vẫn giữ. Mong tin anh. Thư cho tôi về 10/92 Kỳ Đồng Saigon. Thân. Chu vương Miện.

— Một nhà văn cần những cuốn *Bạch Vân thi văn tập*, *Sở Cường văn khố*. Hà Nội 1939 và *Việt-Nam thi văn* của Hoàng-xuân-Hân và Nghiêm Toàn.

Độc giả nào có thể hoặc vui lòng cho mượn, xin liên lạc với Tòa soạn Bách-Khoa. Đa tạ.

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Truyện tập các nhà văn Pháp hiện-đại** do Hoàng Ngọc Biên trình bày. Nhà Trình Bày xuất bản và gửi tặng. Sách dày 322 trang gồm phần *Ghi nhận về một chuyển biến trong văn chương Pháp* của Hoàng Ngọc Biên và tiếp theo là 10 nhà văn Pháp hiện đại : S. Beckett, M. Butor, M. Dantun, G. le Clezio, C. Mauriac, C. Oller, R. Pinget, A. Robbe Grillet, N. Sarraute, Claude Simon, về mỗi nhà văn đều có giới thiệu tiểu sử, các tác phẩm và phần dịch hoặc trích dịch tác phẩm. Bản đặc biệt. Giá 200 đ.

— **Trao cho thời đại một nội-dung Phật chất của Tiến Đức Nhuận** do Vạn Hạnh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 108 trang có phần dịch ra Anh ngữ của Phan Kim Khải, T.T. Đức nhuận đã trình bày 4 nét chính là : Thời đại chúng ta và giải quyết của đạo Phật trong thực tế, những ngộ nhận của con người về đạo Phật, nguyên tắc căn bản của đạo Phật, nền văn hóa đạo Phật. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây, xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

Tâm tình tu viện tập thơ Trăng Thập tự, do Niềm tin xuất bản và gửi tặng. Sách dày 86 trang gồm 35 bài thơ chia làm 3 phần: Trăng Thập tự và Ru đau.

Ý thức số 1, tờ báo văn nghệ in ronéo khổ 20 x 26 dày 94 trang gồm những sáng tác: truyện, thơ, kịch của cây bút trẻ: Hồ Thủy Giũ, Yên My, Nguyên Minh, Ngự Hữu, Hồ Đăng Kế, Mưòng Mán, Từ Hoài Tấn, Lữ Quỳnh, Lê ký Thương, Đỗ nghệ, Tần Hoài Dạ Vũ, Lữ Kiều.

Nước ta số 21 nội san học tập của cán bộ và khóa sinh XDNT Vũng Tàu, do Trung tá Nguyễn Bé làm chủ nhiệm. Mỗi số khổ 20x27 in ronéo dày 115 trang, gồm những bài tiểu luận, truyện, thơ, hồi ký, nhạc v.v...

Những tiếng kêu lớn của chủ nghĩa nhân bản hiện đại ky-tô, Mác-xít, Tiến-hóa, Hiện sinh... và gì nữa? nguyên tác «Les grands appels de l'humanisme contemporain» của André Niel, bản dịch của Mạnh Tường do Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 3 chương. Bản đặc biệt.

Quê ngoại tập thơ của Hồ Dzếnh

do Hoa-Tiên xuất bản: và tác giả gửi tặng. Sách dày 80 trang, khổ 19x26, gồm 35 bài thơ và phần phụ lục «Hoa Xuân đất Việt» 15 bài thơ nữa.

Tuổi thiên thần kỳ sau của những thanh niên và những người lo ngại đến tiền đồ thế hệ trẻ Phật giáo Hòa Hảo. Mỗi số dày 80 trang, khổ 15x21 gồm nhiều bài tiểu luận và sáng tác văn nghệ. Giá 36 đ.

— **Dấu ngựa hồng** tập thơ in ronéo của một số nhà văn thơ trẻ Phan Rí: Mị Xuân Diễm, Lê Đình Thụy, Cung Trần, Nh Quy, Hàn Sa, Song Lệ Thu, Nguyễn nhược Thảo Triều, Thy Vũ Hà Như, Nguyễn Lệ Tuấn, Tô duy Băng Thạch, Cao Nhật Vũ, Thanh Huỳnh.

Tìm hiểu nhân tính nguyên tác của Alfred Adler bản dịch của Vũ đình Lưu, do Hoàng Đông Phương xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 380 trang gồm 2 phần chính: Phần khái quát gồm những chương về linh hồn, sinh hoạt tâm thần, tuổi thơ và xã hội, phái nam phái nữ v.v.. Phần Tính tình học về các nét tính tình, các trạng thái tình cảm. Có Phụ lục, nhận định tổng quát về vấn đề giáo dục. Giá 220đ

— **Khi những lưu dân trở lại** khảo luận của Nguyễn văn Xuân do Thời Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang gồm 6 chương: Văn nghệ Miền Bắc; nhìn từ Miền Trung; văn học Miền Nam căn bản là nói và trình diễn; Đi về Miền Nam; Hiện tượng Lục Vân Tiên: Các làn sóng mới; Một thời mới. Giá 90đ.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài «những ngày cuối cùng của thi sĩ Đông-Hồ» của Lê-Trung-Hoa trên Bách-Khoa số 296 (1-5-1969), trang 29, cột 2, bài thơ «Đề miếu hai Bà Trưng» ở câu thứ hai và thứ năm có 2 chữ sai: voi SỒ lồng (đã in lầm là: sồ lồng) và: Trăng TỎ (đã in lầm là: Trăng tơ).

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý bạn đọc.

Tòa soạn BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

một nhà lãnh đạo khả kính dám thay mặt họ mà chọc tức cả hai khối Cộng-sản và Anh-Mỹ.

Những cảm nghĩ băng khuâng, nửa buồn nửa vui đó có lẽ cũng thể-hiện trong lần ra đi thực sự này của De Gaulle. Nhưng vì lý do ngoại-giao và chính-trị, các vị nguyên-thủ quốc-gia chỉ bày tỏ những cảm-tình đó một cách kín đáo thận trọng. Phản-ứng đầu tiên của thế-giới là ngỡ ngàng trước sự ra đi đột ngột của De Gaulle. Mọi người đều cảm thấy một sự thay đổi quan

trọng trên chính-trường quốc-tế, nhưng không ai biết rõ đó là một điều đáng vui hay đáng buồn. Ngay tại Pháp, người ta cũng bình tĩnh, dù hơi có luyến tiếc, chứng kiến sự chia tay bất-thường đó. Còn tâm-trạng của De Gaulle ra sao không ai hay biết. Ngay từ ngày trưng cầu dân ý ông đã về ở ẩn tại điền-trang của ông tại Colombey-les-Deux-Eglises, viết lại những trang hồi-ký và có lẽ tiếc cho giấc mộng lớn hãy còn dang dở.

TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

Đón đọc :

Tạp chí TƯ TƯỞNG

Cơ quan luận thuyết của Viện Đại-Học Vạn-Hạnh

- Chủ nhiệm : T. T. Thích-Minh-Châu
- Tổng thư-ký : Thích-Nguyên-Tánh

Số 1. bộ mới, phát hành vào đầu tháng 6/69,

gồm có những bài đặc biệt về Hiện-Tượng-Học của HUSSERL và những vấn đề liên hệ đến thời đại :

- *Hiện tượng học về Hiện tượng học của Husserl của Phạm-Công-Thiện*
- *Vấn đề thực tại trong Hiện tượng học Husserl của Ngô-Trọng-Anh*
- *Môi trường tiên nghiệm trong Hiện Tượng Học Husserl về cuộc đời của Lê-Tôn-Nghiêm*

Tạp chí xuất bản mỗi tháng 1 kỳ.

MẬT KHẢI.. những suy tư dạt dào của KAHLIL GIBRAN-Nhà Tiên Tri xứ 1001 đêm, một DANTE của Thế Kỷ 29, một TAGORE của văn chương Ấ RẬP, một bậc thầy bất tử của nhân loại.

MẬT KHẢI... người bạn đường thân thiết, gần gũi nhất của mọi thanh niên yêu chuộng Hòa Bình trên thế giới.

PHẠM-BÍCH-THỦY dịch sang Việt ngữ, Non Nước xuất bản. Giá 100đ.

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Báo bình dân mất khách

Ở Anh có hai tờ siêu nhật báo : tờ *L'Express* và tờ *Mirror* "Siêu", không phải là vì nó cao ; trái lại nó bị chê thấp là khác. "Siêu" bởi vì mỗi ngày *Erpress* ấn hành trên 4 triệu tờ, *Mirror* trên 3 triệu tờ.

Gần đây, hai đảng khổng lồ ấy đều sụt. Tin ấy làm rúng động làng báo Anh.

Có cái gì mới xảy ra chăng ? Có. Rất mới, rất lạ.

Trong mấy mươi năm nay, loại báo «thấp», cho quần chúng giải trí, vẫn là thứ báo ăn tiền, ấy là những tờ nhật báo, những tờ *sundays* đọc chơi những ngày chúa nhật; ấy là loại báo gọi là *mass circulation*, báo bình dân. Còn báo trí thức bài vở chọn lọc gọi là *quality newspaper* thì chẳng bán chắc được bao nhiêu.

Tình hình gần đây đã xoay ngược. Một cuộc điều tra cho biết rằng so sánh hạ bán niên 1967 với hạ bán niên 1968 thì chín tờ nhật báo bình dân mất 721 nghìn độc giả, bảy tờ *sundays* mất đi 800 nghìn độc giả. Riêng tờ *Mirror* kể trên, hồi tháng 12-67 in 5.282.000 số, đến tháng 12-67 chỉ còn in 4.984.000 số.

Trong khi ấy các tờ báo giá trị, trình độ cao, lại tăng độc giả. Tờ *Financial Times* số ấn hành tháng 12-67 là 148000 tờ, số ấn hành tháng 12-68 là 162.000 tờ. Tờ *Times* tăng 40 000 độc giả trong khoảng thời gian ấy.

Tại sao có hiện tượng ấy ? — Người ta ngờ rằng đó là do ảnh hưởng của vô tuyến truyền hình, Về phương diện giải trí, vô tuyến truyền hình giải trí đặc lực hơn báo chí, nó lại được cải tiến mạnh, mỗi ngày kỹ thuật mới giúp nó tiến thêm một bước ; từ trắng đen đến màu mè, vô tuyến truyền hình thu hút người ta dữ quá. Nó thông tin mau lẹ mà cụ thể, nó cũng lan man tạp nham đủ thứ chuyện, từ chuyện thể thao, chuyện khoa học, đến chuyện chính trị, chuyện triết lý, rồi chuyện tâm tình v.v... Nó tranh hết khách hàng giải trí của nhật báo bình dân.

Trái lại những vấn đề cao xa, vừa xem vừa suy nghĩ thì chưa đưa lên màn ảnh vô tuyến được. Vì vậy những tạp chí nghiên cứu đề học hỏi lại có khách hơn trước.

Báo Anh nhận thức được hiện tượng ấy, đang tìm biện pháp chuyển hóa.

Thanh niên là nhi đồng

Hiện tượng thanh niên nổi loạn ở Âu Mỹ tiếp tục được nghiên cứu, mổ xẻ.

Bây giờ đến lượt các nhà phân tâm học. Cuốn *L'univers contestataire*, ngoài bla ghi là của André Stéphane. Kỳ thực André Stéphane là một bút danh mà có những hai tác giả : hai nhà phân tâm học giấu tên.

Theo quan điểm phân tâm, các cuộc nổi loạn của giới trẻ hiện tại không có

gi về vang, cũng không có tính chất cách mạng cách miếc gì ráo. Cách mạng thì phải biết là nhằm hướng về đâu, đảng này đám thanh niên nổi loạn không có chương trình xây dựng, hỏi họ tiến về một xã hội như thế nào, được tổ chức ra sao, quản trị cách nào, họ không trả lời được.

Có một lối trả lời hàm hồ : tuổi trẻ không cần giải quyết, tuổi trẻ chỉ cần đặt vấn đề, chỉ cần chống đối đập phá, phủ nhận, phi bác những cái ràng buộc, lạc hậu xấu xa ; còn giải quyết vấn đề là phần việc của thế hệ đứng tuổi, đang nắm giữ trách nhiệm trong xã hội.

Đâu có nói liều thế được ? Xưa nay chưa có tầng lớp nào làm cách mạng kiểu đó. Vô sản đâu có phủ nhận suông rồi phó mặc cho bọn tư bản liệu bề cái cách xếp đặt xã hội. Phần tử cách mạng phải xông tới giành lấy chính quyền, tự mình ra tay giải quyết các vấn đề theo quan niệm của mình chứ.

Cách mạng không chỉ có chối từ một quyền hành, mà là nắm lấy quyền hành ấy thay thế giai cấp đã trở thành phản động.

Đối chiếu với các giai-đoạn trong đời người theo phân tâm học, người ta thấy giai đoạn của mặc cảm Oedipe, và giai đoạn của tân lý Narcisse. Mặc cảm Cedipe khiến đứa con muốn đánh đổ người cha, thay thế người cha : cách mạng đấy.

Nhưng trước thời kỳ mặc cảm Oedépe có thời kỳ đứa bé còn nhỏ hơn, nó chỉ say mê chính nó, nó phủ nhận, không biết đến người cha. Ở đây nó chỉ có trốn tránh một thực tại (người cha) mà không có chuyện đòi thay thế, giành quyền. Trong thời kỳ này thế

giới đứa bé chỉ có bà mẹ, nó chỉ sống với bà mẹ ; bà mẹ nuôi nấng nó, vỗ về, tung tiu nó, mà cũng giữ gìn ngăn cấm nó cái này cái kia để nó khỏi dứt tay, té ngã v.v... Bà mẹ ấy, nó vừa lặn vào lòng để hưởng thụ, vừa làm nũng la hét phản đối v.v... Bà mẹ ấy là cái xã hội tiêu thụ (société de consommation) hiện thời.

André Stéphane chắc sẽ bị phản đối dữ. Có phải vì tiên tri như thế mà André Stéphane chỉ là một bí danh ?

Người Mỹ "vấn thân"

Người Mỹ, một số người Mỹ quan tâm đến cuộc sống tinh thần, lúc nào cũng loay hoay về những mâu thuẫn trong xã hội họ. Xã hội Mỹ hiến cho con người một đời sống tinh thần rất tự do. Đầy đủ về vật chất và tự do tinh thần, thế là nhất thể gian rồi còn đòi gì hơn nữa ? — Bởi « nhất thể gian », cho nên nó thu hút con người khắp nơi về đây : từ mọi xứ Âu. Á... di cư đến.

Tuy nhiên về đây rồi, sống trong đầy đủ và tự do rồi, dần dần người ta cảm thấy là chưa ổn. Xã hội ở đây có những tiêu chuẩn thành công của nó. Muốn đầy đủ muốn tự do, người ta phải thành công trong xã hội, tức là phải tuân theo các tiêu chuẩn nó đặt ra. Rồi người ta bị nhu cầu vật chất nó lôi cuốn, bị quảng cáo nó ảnh hưởng, người ta sống đời máy móc, xa thiên nhiên, người ta phải thương mại hóa tài năng v.v...

Henry Miller, Saul Bellow, David Thoreau v.v., đều có cách phản kháng riêng của mình đối với cuộc sống Mỹ.

Và *L'Arrangement* là cách phản kháng

của Elia Kazan, hiện rất được hoan nghênh.

Elia Kazan là người gốc Hy Lạp bị thu hút đến Mỹ, đã thành công ở Mỹ. Đó là người đã làm cho cả thế giới biết tiếng vì các cuốn phim *Un*

tramway nommé désir, *À l'ouerst d'Eden*, *America-America* v.v...

Buông máy quay phim để cầm bút, Elia Kazan lại thành công. Nước Mỹ đáng chán thật : không chạy ngỗ nào mà trốn thoát sự thành công !

TRĂNG THIÊN

Văn chương miền Nam

Đầu năm nay nhà xuất bản Thời-Mới đã cho ấn hành hai tác phẩm. Cuốn thứ nhất của ô. Đoàn Nhật Tấn, tác giả những bài về giáo-dục trên tạp chí Bách-khoa từ mấy năm nay và cũng là một nhà giáo lão thành, giàu kinh nghiệm, phong phú về sáng-kiến và rất thiết tha với nghề nghiệp. Cuốn thứ hai của ô. Nguyễn-văn-Xuân, một nhà văn nổi tiếng từ thời tiền-chiến và cũng không xa lạ gì với bạn đọc Bách-khoa từ hơn chục năm nay. Cuốn sách mang tên : *« Khi những lưu dân trở lại »*, một cái tên « văn-nghệ » làm người đọc bỡ ngỡ vì đó là một thiên khảo-luận về văn học miền Nam — mà Bách-khoa đã có dịp trích đăng một phần nhỏ để giới thiệu cùng bạn đọc vào gần cuối năm 1967.

ô. Nguyễn Văn Xuân muốn chứng minh, trong tác phẩm trên đây, rằng : Văn chương miền Bắc lấy trí thức làm đối tượng căn bản, nên nặng về xem (độc giả tự mình đọc thầm để suy tư) và văn chương miền Nam lấy quần chúng lao động làm đối tượng căn bản, nên nặng về nói và trình diễn (độc giả thường chỉ thấy hay trong lời đọc to để tự mình nghe và để cho kẻ khác cùng nghe với mình). Ông cũng giải đáp câu hỏi : *« Tại sao miền Trung có*

nhiều khả năng, nhiều nhân tài lại không tạo nổi một khí thế, một phong trào văn nghệ lớn lao mà phải chờ vùng đất mới thực hiện ? ». Rồi ông đề cập đến Lục-Vân-Tiên mà ông cho là một hiện-tượng, « một sáng kiến của nhà nho muốn giải - quyết một tình trạng bế tắc ». Ông cũng điếm lại các nhà văn miền Nam từ Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Chánh Sắt đến Phi Vân, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc.

Những nhận xét của Nguyễn-văn-Xuân phần nhiều rất độc đáo mà cách làm việc của ông cũng thực là đặc biệt. Trong khi ô. Đoàn nhật Tấn, bản thảo trao cho nhà xuất bản rồi mà một hai tuần lại còn từ Qui-nhơn gửi thư, hoặc đích thân vô, để sửa một vài chữ, bỏ một đôi câu, viết lại mấy hàng, cắt dán thực cẩn thận lên bản thảo, thì ô. Nguyễn văn Xuân, ở Đà Nẵng, cũng gửi thư, cũng có dịp gặp nhà xuất bản, nhưng chỉ để dặn lại : *« Anh sửa giùm tôi vào đoạn này, đại ý như thế này »* hoặc *« Anh nghĩ có nên khai-triển thêm cái ý kiến ở đoạn cuối chỗ đó, thì anh cứ viết cho tôi đi »*, nghĩa là ông chỉ cần cái ý chính, còn diễn đạt ra sao thì phó mặc cho nhà văn Võ-Phiến, người trông nom việc xuất bản !

Nhất trí

Bạn Vũ đình Lưu, từ 12 năm trước đây, đã cộng tác với Bách-khoa dưới bút hiệu Cô-Liêu về những bài khoa học : Hòa tiền, vệ tinh, nguyên tử vv..., sau này anh lại viết các sách về văn hóa, về phân tâm học và có dịch các sách của Jung, của Adler. Đầu năm nay anh cho ra cuốn *Sinh khí và nhịp điệu* (nhà xuất bản Trình Bầy) gồm những bài tiểu-luận « liên lạc với nhau bởi một cách nhìn nhất trí đã trình bày trong cuốn *Thăm kích văn hóa* » mà anh trao cho nhà An-Tiêm xuất bản trước kia (1966). Cách đây một vài tuần anh lại cho ra *Tìm hiểu nhân tính* (nhà xuất bản Hoàng Đông Phương) dịch Alfred Adler.

Sự nghiệp của A. Adler từ sau cuộc Thế-chiến thứ hai đã có ảnh hưởng mạnh đến tư tưởng Tây-phương. Vấn đề giáo-dục được đặt lại với những tiêu chuẩn căn cứ vào những khám phá của Adler về tâm lý trẻ em. Vấn đề giải phóng phụ nữ cũng đã được ông nghiên cứu sâu rộng. Nhiều nhà xã-hội-học (như G. Bouthoul) đã căn cứ vào sự hiểu biết của ông về tâm-lý con người (cảm tưởng tự ty, ý muốn hơn người, nhu cầu yên ổn nội tâm v.v.) để đặt vấn-đề tâm-lý xã-hội. « Tìm hiểu nhân tính » trình bày những vấn đề ấy với ngôn ngữ thường dùng, một cách sáng sủa dễ đọc, thực rất hợp với yêu cầu nâng cao kiến-thức đại-chúng.

Khi được hỏi về mối liên quan giữa 2 cuốn tiểu-luận nói trên, anh tâm sự :

« Tôi muốn thúc đẩy đến cùng cách suy-tưởng và nhận định việc đời theo một xu hướng đặt định bởi sự cấu tạo tâm thần riêng biệt của tôi. Một cuộc

phiêu lưu cũng đầy bất trắc như tất cả mọi cuộc phiêu lưu, nhưng có cái vẻ quyến rũ của nó, đã lao đầu vào khó mà rút ra được.

« Khái-niệm đầu tiên xuất hiện khi tôi đem đối chiếu những vấn đề, đủ các loại, thuộc đủ mọi lãnh vực của đời sống ở trong tầm quan sát của tôi là một thứ nhất trí tâm tưởng của dân tộc, một nét định hướng của dân tộc. Mọi va chạm, đồ võ, mâu thuẫn hầu như chỉ là những phát động ngược chiều hay thuận chiều của đường định hướng, chúng làm thành cái mà trong giai đoạn giao thời này tôi gọi là Thăm kích văn hóa. Thăm kích văn hóa là phản ảnh của sự thay đổi cấp tính cơ cấu xã hội trước khi đạt được sự ổn định tương đối nào đó. Như vậy vấn đề của tôi là việc soát xét một số lãnh vực hoạt động càng nhiều càng hay để tìm xem cái gì là nét báo hiệu sự thành hình một cơ cấu mới trong sự hỗn độn, sự xung đột đủ mọi hình thức. Cái mà tôi gọi là cái nhìn nhất trí chính là sự cố gắng đặt mình vào những nét động lực của con đường định hướng nói trên. Có một nghịch lý kỳ dị rất khó nắm được là nhu cầu nhất trí tâm tưởng của dân tộc lại chính là thủ phạm mọi đồ võ, va chạm, xung đột, thảm họa ngày nay. Người ta làm đảo lộn lung tung cũng chỉ vì nhu cầu nhất trí tâm tưởng.

« Hai cuốn tiểu-luận này đại diện cho mấy bước chập chững đầu tiên trên đường phiêu lưu của tôi.

Nước trong nguồn

Trong bài phỏng vấn Nhà xuất bản Văn về « Tình hình xuất bản sách », trên BK số 294 (1-4-69), anh Trần-Phong-Giao

nói về chủ trương in thơ trên loại sách phổ thông, có báo trước là sẽ in tập thơ của chị Trần-thị Tuệ-Mai (Giải thưởng Văn - chương toàn quốc 1966) là tập thơ thứ 3 trên Văn-Uyên. Nay «*Như nước trong nguồn*» đã được phát hành. Gặp tác giả, chúng hỏi ngay về tập thơ mới xuất bản thì được trả lời:

— *Như nước trong nguồn* có những bài từ 1963 đến 1968. Nó mang những lời tin yêu. Tin yêu trong xót xa, trong bất hạnh. Tin yêu trong nhẩn nại, quật khởi, bao dung, tình tứ Việt Nam. Tôi mong nó được phổ biến trong lúc này nên khi anh Trần Phong Giao báo tin cơ sở Văn muốn in thơ tôi, và hỏi tôi chọn cách in nào: sách đẹp, in ít, bán đắt, hoặc sách như tạp chí, in nhiều bán rẻ. Tôi ưng cách sau, mặc dầu nhiều bạn bảo thơ không nên in lối «bán rẻ». Về «hình» thì rõ ràng là N.N, T.N khác 2 tập trước do Sáng Tạo xuất bản: *Thơ Tuệ Mai* (1962) và *Không bờ bến* (1964). Hai tập đó «sang» lắm, và ngoài những bản thường còn in thêm mỗi tập vài trăm bản đặc biệt giấy croquis thật tốt. Còn về «tiếng» hẳn cũng không giống trước (dù vẫn là âm thanh của Thương Yêu). Bởi Tuệ Mai đã đi qua những năm đó. Đã qua «*Thơ Tuệ Mai*» và «*Không bờ bến*» vừa đến «*Như nước trong nguồn*» và đang đến «*Những cánh tôi gãy nửa*». Cái vừa đến khác cái đã qua, cái đang đến khác hẳn cái vừa đến, và cái sẽ đến...

— Chị có thể cho biết nội dung tập thơ sẽ đến của chị được không?

— À, cái này chưa nói được, bởi chưa đến chưa biết sẽ ra sao.

— Nhân dịp này chị cho đọc giả Bách

khoa biết qua chị làm thơ từ hồi nào và quan-niệm về Thơ của chị.

— Tôi làm thơ từ năm còn bé tí teo, nhưng phải giấu cha tôi, (1) tới khi đăng thơ ở trang học sinh các nhật-báo, tôi ký lung tung, giấu kỹ địa chỉ và tên thật, khi thấy hộp-thư tòa-soạn khen và nhắn hỏi, cũng chẳng lần nào dám ra mặt. Các anh tôi thì xưa nay chưa hề có thì giờ ngó qua thơ tôi. Các người khác trong gia đình yêu tôi ở các công việc khác và đều ghét tôi ở cái việc làm thơ «vô tích sự» Ra ngoài càng mệt, hình như cái «tâm hồn thơ» nó khiến mình chịu nhiều vất vả thiệt thòi trong đời sống thực tế. Nhưng bù lại, mình được nhiều cái hay khác, chẳng hạn được gặp những tâm hồn bạn thật chân-thành nồng-nhiệt, thật... Thơ. Nhiều người bảo là Thơ thì phải thế này thế nọ mới thích hợp. Nhưng nói riêng tôi, tôi chỉ có thể thông cảm được đời sống của người khác, chứ chẳng thể, chẳng muốn sống-đời-sống-người-khác. Và như vậy, xin tạm đủ cả cho ý nghĩ tôi về Thơ...

Trong dịp Nguyển-Ngu-Í tiểu ngạo giang hồ ở Dalat hồi cuối tháng tư, nhân cùng đi với một vị sư và ghé qua hiệu sách, nhà sư mua tập thơ «*Như nước trong nguồn*» có xin Ngu-Í vài hàng lưu-niệm Không nghĩ ngợi, người chủ trương «*Qê hương*» tập A để ngay!

Thơ M. như nước trong nguồn

Êm êm một mạch mà tuôn dịu dàng.

Thơ N: hòn đá chặn ngang

Hỏi M. đã chịu đâu hàng N. chưa?

THU-THỦY

(1) Thi-sĩ Á Nam Trần-Tuấn-Khải (ghi chú của Tòa-soạn).

HỘP THƯ

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Thư cho em trai ; Dấu hỏi ; Dấu tích ; Thơ cho sinh nhật hai mươi mốt (Vũ Đức Sao Biển) Đêm ứng chiến ; Vào quân trường (Hoàng-Điệp). Niềm đau (Mạch-Nha). Cừu-Long-Giang dậy sóng (Bạc-Mệnh-Nhân). Nói với bố (Kim Hải). Chung một cảnh người (Rừng rú). Điếu Đông-Hồ ; Khóc thầy Đông-Hồ (Phạm-Phú Hoài-Mai). Ái hồn thơ ; Lệ biển (Phạm-Phong). Ngày mai ai cày cho mình (Đông-Lâm). Nước mắt ; Cho linh hồn thể kỷ 20 ; Ngày lên trí tưởng ; Nhạc hồng ; Gầm đá ; Tiếng hạ (Hoài-Nhã Liên-Văn). Niềm tin trắng ; Xuống tình ; Bỏ trống ; Tình cuối (Hoàng Lạc Chương). Thư nhà (Bùi Quang) Suối xuân ; Lời ru của mẹ V.N. (Trần Trọng Hòa Phương). Mặc cảm ; Bàn tay trong tim (Vươn kè từ) Trở về ; Mùa hạ 69 (Thủy Triều). Buổi chiều cho tình yêu ; Bài hạ 69 (Nguyễn Thảo Nương). Về phố cũ (Mang Viên Long) 15 bài thơ (Lộ Khanh) Đêm trong thành phố mưa (Nguy Ngữ). Tình khúc lục bát (Yến-Nguyên-Thanh). Sớm mai nào chim hót (Đông Trình). Đường-Phượng-Hồng (Lê-văn-Ngân). Tình ; Hồi tưởng (Nguyễn-Cường). Bây giờ ; Cuối cùng (Nguyễn-phương-Thanh). Đêm hò hẹn (Phạm-Nhật-Tâm).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp-thư này trên 2 số báo tới đây.

— Ô. Đông Trình (Đ.N.) — Đã nhận được những sáng tác mới của ông. Sẽ xin lựa đăng trong những số tới.

— A. Nguyễn kim Phượng. Mất

liên lạc với anh từ lâu. Vở kịch của William Sorayan mà anh dịch tôi vẫn giữ. Mong tin anh. Thư cho tôi về 10/92 Kỳ Đồng Saigon. Thân. Chu vương Miện.

— Một nhà văn cần những cuốn *Bạch Vân thi văn tập*, *Sở Cường văn khố*. Hà Nội 1939 và *Việt-Nam thi văn* của Hoàng-xuân-Hãn và Nghiêm Toàn.

Độc giả nào có thể hoặc vui lòng cho mượn, xin liên lạc với Tòa soạn Bách-Khoa. Đa tạ.

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Truyện tập các nhà văn Pháp hiện-đại** do Hoàng Ngọc Biên trình bày. Nhà Trình Bày xuất bản và gửi tặng. Sách dày 322 trang gồm phần *Ghi nhận về một chuyên biến trong văn chương Pháp* của Hoàng Ngọc Biên và tiếp theo là 10 nhà văn Pháp hiện đại : S. Beckett, M. Bator, M. Dantun, G. le Clezio, C. Mauriac, C. Oller, R. Pinget, A. Robbe Grillet, N. Saraute, Claude Simon, về mỗi nhà văn đều có giới thiệu tiểu sử, các tác phẩm và phần dịch hoặc trích dịch tác phẩm. Bản đặc biệt. Giá 200 đ.

— **Trao cho thời đại một nội-dung Phật chất của Tiến Đức Nhuận** do Vạn Hạnh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 108 trang có phần dịch ra Anh ngữ của Phan Kim Khải, T.T. Đức Nhuận đã trình bày 4 nét chính là : Thời đại chúng ta và giải quyết của đạo Phật trong thực tế, những ngộ nhận của con người về đạo Phật, nguyên tắc căn bản của đạo Phật, nền văn hóa đạo Phật. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây, xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

Tâm tình tu viện tập thơ Trăng Thập tự, do Niềm tin xuất bản và gửi tặng. Sách dày 86 trang gồm 35 bài thơ chia làm 3 phần: Trăng Thập tự và Ru đau.

Ý thức số 1, tờ báo văn nghệ in ronéo khổ 20 x 26 dày 94 trang gồm những sáng tác: truyện, thơ, kịch của cây bút trẻ: Hồ Thủy Giũ, Yên My, Nguyễn Minh, Ngy Hữu, Hồ Đăng Kế, Mưòng Mán, Từ Hoài Tấn, Lữ Quỳnh, Lê ký Thương, Đỗ nghệ, Tần Hoài Dạ Vũ, Lữ Kiều.

Nước ta số 21 nội san học tập của cán bộ và khóa sinh XDNT Vũng Tàu, do Trung tá Nguyễn Bé làm chủ nhiệm. Mỗi số khổ 20x27 in ronéo dày 115 trang, gồm những bài tiểu luận, truyện, thơ, hồi ký, nhạc v.v...

Những tiếng kêu lớn của chủ nghĩa nhân bản hiện đại ky-tô, Mác-xít, Tiễn-hóa, Hiện sinh... và gì nữa? nguyên tác «Les grands appels de l'humanisme contemporain» của André Niel, bản dịch của Mạnh Tường do Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 3 chương. Bản đặc biệt.

Quê ngoại tập thơ của Hồ Dzếnh

do Hoa-Tiên xuất bản; và tác giả gửi tặng. Sách dày 80 trang, khổ 19x26, gồm 35 bài thơ và phần phụ lục «Hoa Xuân đất Việt» 15 bài thơ nữa.

Tuổi thiên thần kỳ sau của những thanh niên và những người lo ngại đến tiền đồ thế hệ trẻ Phật giáo Hòa Hảo. Mỗi số dày 80 trang, khổ 15x21 gồm nhiều bài tiểu luận và sáng tác văn nghệ. Giá 36 đ.

— **Dấu ngựa hồng** tập thơ in ronéo của một số nhà văn thơ trẻ Phan Rí: Mt Xuân Diễm, Lê Đình Thụy, Cung Trần, Nh Quy, Hàn Sa, Song Lệ Thu, Nguyễn nhược Thảo Triều, Thy Vũ Hà Như, Nguyễn Lệ Tuân, Tô duy Bằng Thạch, Cao Nhật Vũ, Thanh Huỳnh.

Tìm hiểu nhân tính nguyên tác của Alfred Adler bản dịch của Vũ đình Lưu, do Hoàng Đông Phương xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 380 trang gồm 2 phần chính: Phần khái quát gồm những chương về linh hồn, sinh hoạt tâm thần, tuổi thơ và xã hội, phái nam phái nữ v.v.. Phần Tính tình học về các nét tính tình, các trạng thái tình cảm. Có Phụ lục, nhận định tổng quát về vấn đề giáo dục. Giá 220đ

— **Khi những lưu dân trở lại** khảo luận của Nguyễn văn Xuân do Thời Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang gồm 6 chương: Văn nghệ Miền Nam; nhìn từ Miền Trung; văn học Miền Nam căn bản là nơi và trình diễn; Đi về Miền Nam; Hiện tượng Lục Vân Tiên: Các làn sóng mới; Một thời mới. Giá 90đ.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài «những ngày cuối cùng của thi sĩ Đông-Hồ» của Lê-Trung-Hoa trên Bách-Khoa số 296 (1-5-1969), trang 29, cột 2, bài thơ «Đề miếu hai Bà Trưng» ở câu thứ hai và thứ năm có 2 chữ sai: voi SỒ lông (đã in lầm là: sồ lông) và: Trăng TỎ (đã in lầm là: Trăng tơ).

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý bạn đọc.

Tòa soạn BÁCH KHOA THỜI ĐẠI